

Số này mất bìa và trang mục lục

VĂN HỌC

BIÊN KHẢO — VĂN HÓA — XÃ HỘI — CHÍNH TRỊ — NGHỆ THUẬT

Số này mất bìa và trang mục lục

Số 55



LÁ THƯ TÒA SOẠN

Trong Văn Học số đầu xuân (VH. 54) chúng tôi có loan tin Văn Học số 55 sẽ là số chủ đề **Cảm tạ vũ Hoàng Chương**. Nhưng rất tiếc vì một số tài liệu chúng tôi cần có cho số chủ đề trên tòa soạn vừa đánh thất lạc nên buộc lòng tòa soạn phải cáo lỗi cùng bạn đọc và hẹn dịp khác chúng tôi sẽ trở lại chủ đề **Vũ Hoàng Chương**.

Đề thay vào Văn Học số này chúng tôi xin giới thiệu đến bạn đọc một biên khảo giá trị về Nguyễn Du của G.S. Thanh Lăng đã đặc biệt dành cho Văn Học từ lâu mà nay chúng tôi mới có hoàn cảnh để gửi đến bạn đọc. Ngoài phần biên khảo trên, Văn Học số này còn giới thiệu những thơ văn kịch đặc sắc của những bạn văn quen thuộc mà bạn đọc đã biết đến từ lâu.

Văn Học số 56 sẽ là số **Đặc Biệt** chủ đề **Tiếng nói Da Đen**, và sẽ gồm những biên khảo công phu giá trị cùng những thơ văn kịch sáng tác của những văn hữu tên tuổi **Da Đen**.

Cuối thư tòa soạn cũng không quên gửi đến bạn đọc lời cảm tạ về sự tăng giá báo Văn Học từ 12 đồng lên 15 đồng vì hoàn cảnh sinh hoạt báo chí hiện nay rất khó khăn. Đề đáp lại lòng ưu ái của quý bạn đọc đã và đang dành cho Văn Học, tòa soạn xin cố gắng tăng thêm số trang từ 112 tới 132 trang để cung cấp đầy đủ các bài vở giá trị đến bạn đọc mỗi số và nhất là những đóng góp sáng tác phẩm của bạn đọc bốn phương gửi về.

VĂN-HỌC



CHIỀU CHỦ NHẬT

Tôi với tay mở máy thu thanh để đoán giờ. • ĐÓ TIẾNG ĐÙC
nhành khéo léo đang diễn lại một cảnh nô đùa bên mấy vì âm. Chưa tới
bốn giờ. Ngủ một giấc lâu thế mà cũng chưa tới bốn giờ. Tôi vươn vai
ngáp một mồi. Biết làm gì cho tiêu nốt buổi chiều chủ nhật đây. Chiều
chủ nhật buồn. Nằm trong căn gác đầu hiu. Cả ngày chủ nhật buồn. Tất
cả mọi chủ nhật đều buồn.

Buổi sáng còn hy vọng gặp vài tên Trương Ty vô công dỗi nghề
hay vợ con ở xa lúc ăn đêm tâm đề tin Láo. Chờ giờ ăn cơm trưa. Buổi
chiều thì biết dựa vào chui rúc ở đâu mà tin. Đại chắc lại điệu em Thanh
vào rừng dương của anh thủy-lâm, nếu không đi hẳn nhàn. Tôi thắng
Độ, Lầu, Trai, Hưng yên chỉ mười phần mười là lại rút xi ở nhà Thuyết.
Anh Giảo triết gia Quang thế nào cũng đóng cửa tung nốt những trang.
ronen để năm nay còn chứng chỉ cuối, lấy nốt cho nốt những trang.

Tôi trở dậy lấy diêm đốt thuốc. Những sợi khói nhạt nhèo vọt khỏi
miệng tan vào luồng nắng xiên từ một lỗ thủng nào trên tường vôi. Thời
gian hình như vẫn đang trôi qua đây chứ. Và mình vẫn đang già thêm
đấy chứ. Cuộc đời người được coi là thấm thoát thời đưa, bóng câu qua

cửa, gần lắm đấy chứ. Nhưng biết làm sao nếu kéo lại được những giây phút này, giữ lại được khoảnh khắc này, ba bốn mươi tám phút hai mươi giây. Đến một ngày nào đó, đời bạn cho tiếng còi, không biết mình sẽ nghĩ thế nào về tuổi trẻ? Hồi tiếc vì không thỏa mãn sự hưởng thụ. Hải lòng? Vì... Vì gì? Ba giờ bốn mươi tám phút hai mươi tám giây. Biết làm gì bây giờ? Sống để chờ đợi đổi thay vui tươi nào ở ngày mai?

Gian nhà trống trơn, đón nhận những tiếng la inh ỏi của bảy trẻ đùa ngoài hiên. Tôi lắng nghe xem Huyền có nhà không. Nhưng bên kia tấm vách cũng hoàn toàn im-lặng. Buổi trưa, lúc đi ăn cơm về, Huyền mang cho tôi chai nước đun sôi để nguội. Huyền hỏi buổi chiều chú có mục nào chưa. Tôi lắc đầu trả lời hết không có chỗ nào đi. Huyền cười bảo thế không thích lang thang trong chiều chủ nhật? Tôi nhìn dáng điệu nhí nhảnh nhưng đoan trang của Huyền, lòng lại nhớ những lời của đại úy Trọng nói về Huyền. Nên tôi không nói gì. Huyền im lặng theo. Rồi lát sau nói như chợt nhớ rằng nếu chiều chú không đi chơi, cháu sẽ rách đi xem niềm vui tình nhỏ. Tôi gật đầu đồng ý.

Như vậy chẳng nhẽ Huyền lại bỏ hẹn. Hay hôm nay máy bay phẫu thuật không tới oanh tạc. Tôi ra mở cửa, nhìn xéo sang khoảng bờ hiên trước nhà Huyền. Tay búng tàn thuốc bay qua đám trẻ, rớt xuống mặt đường nhựa. Con Phượng đang nhảy dây, bỗng dừng tay nhìn tôi rồi quay vào nhà:

— Chú Đam đó, chị Huyền.

Huyền bước ra, trên tay cầm mảnh khăn trắng và những cuộn chỉ màu xanh đỏ. Tôi cười đón Huyền:

— Tưởng đã đi rồi.

Huyền tới bên tôi:

— Cháu có hẹn chú đi xem niềm vui tình nhỏ mà. Chú quên?

— Chú vẫn chờ máy bay tới đấy chứ.

— Vậy thì sao chú lại hỏi cháu câu ấy? Chú coi cháu như con nít, phải không?

Tôi cười lúng túng. Thấy rõ rằng mình đang cười cẩu thả. Huyền lại vẫn thản nhiên đưa những mũi kim nhấp nhô trong mảnh vải. Tôi ở rộng cánh cửa, nhưng Huyền đã ngồi bệt xuống thềm nhà, ngay sát chân tôi. Ngồi ngoài này cho mát chứ. Tôi kéo chiếc ghế tới gần ra để tạm một chút xa cách.

— Huyền thêu khăn cho ai?

— (...3 chữ) tại cháu mỗi đứa phải nạp hai chiếc khăn thêu để tặng các anh chiến-sĩ.

— Huyền thêu chữ gì?

— Cháu thêu một trái tim màu xanh lá cây, cho có vẻ hòa bình và ulla đựng nhiều tình yêu, xong thêu một hàng chữ, điệu lắm, thân gửi anh, tình của em.

— Đây là do lệnh mà phải làm, nhưng riêng Huyền cháu có thương các anh chiến-sĩ không?

Huyền ngược nhìn tôi, cười:

— Chú hỏi để tình nguyện đi lính, hả. Cháu nói thật, ít khi cháu nghĩ tới ai ở xa hoặc không liên quan gì tới cháu. Nhưng những gì cháu gặp, cháu nhớ hoài. Như anh Trung-sĩ Là, trước ở gian nhà này, bị chết, cháu khóc cả tháng. Mọi người cứ tưởng cháu yêu anh ấy.

Rồi ngưng tay, Huyền đảo mắt nhìn vào trong nhà. Đôi mắt bỗng u buồn, màu đen trong trong mắt và làn mi như pha tối, biến hai con mắt thành hai vệt mực tàu trên trang giấy bản. Tôi nghe Huyền nói giọng kể:

— Anh Là thuê gian nhà này được bảy tháng. Anh ở một mình. Không thấy anh nói chuyện ba anh, má anh, các em anh bao giờ. Ngày ngày đi làm trên Tiểu khu, trưa và tối ở miết trong nhà, thôi khâu cầm hết bài này sang bài khác. Thế rồi một tối vào khoảng tám giờ hơn, xe tiểu khu bỗng tới đập cửa gọi anh đi hành quân gấp. Lúc đó anh mượn của cháu chiếc cắt móng tay để cắt. Anh mới cắt được ba móng. Thế là anh đi luôn. Anh đã chết. Sĩ quan tiểu khu tới đây để hỏi tin về họ hàng anh nhưng không ai biết. Cuối cùng, người ta lấy đồ đạc của anh ấy đi. Đựng vừa hết trong một va-ly. Hình như Trung sĩ Là mới hai mươi tuổi. Người Bắc.

Tôi định nói đùa thảo nào cứ lúc nửa đêm là có người vỗ vai gọi chú dậy đôi ngủ chung. Nhưng có lẽ câu nói như thế sẽ không được Huyền hưởng ứng. Huyền lại cúi xuống đưa mũi kim kéo sợi chỉ màu xanh xuống hình trái tim vẽ bằng bút chì đen. Những ngón tay nhỏ trắng lấm với mảnh vải. Những sợi lông tơ phớt màu xanh thủy tinh vô chai. Tưởng như chỉ cần một giọt mồ hôi lạ cũng đủ làm tan cái thanh khiết ấy. Thế mà sự thực đã biết bao nhiêu thứ mồ hôi đã thấm vào làn da ấy. Đã có bao nhiêu bàn tay mê man bóp nắn trong những phút giây cuồng nhiệt đôi cánh tay mềm như miếng thạch ấy rồi. Tôi chợt cảm thấy một nỗi xót xa hối tiếc lạ thường. Hối tiếc như chính tôi dự phần phá hoại đời Huyền. Như chính tôi đã không cứu nổi Huyền.

Sợi dây thừng vẫn quay tròn hình thoi giữa hai đứa trẻ. Một đứa khác co chân nhảy tránh giữa vòng, tung tăng đếm số. Em nhỏ ơi, rồi cuộc đời em cũng sẽ luân quần trong một cái vòng như thế. Em sẽ âm thầm đến tháng năm qua trên mái tóc em. Vậy em cần gì phải tập cái trò này? Tuy thế chúng vẫn thi nhau la lối, cười nói. Ước gì những âm thanh đó tràn ngập ủa vào lòng mình chút ít.

Tôi không chịu nổi sự im lặng lâu hơn nữa:

— Nhà đi hết cả, Huyền?

Huyền vẫn cúi đầu:

chiều chủ nhật

— Ông cụ đi đánh bạc đấy. Hoài hoài. Chủ nhật ngày nghỉ nào cũng đi từ sáng hôm trước đến sáng hôm sau. Chán lắm chủ ơi. Nhiều lúc cháu chẳng thiết gì nữa, đi lang thang cho quên bớt.

— Chịu khó học, kiếm vài mảnh bằng cho đời có hướng đi lên chứ. Huyền xi một tiếng :

— Thời buổi này mà chủ nghĩ xa xôi chỉ là viễn vông. Như anh Là, chủ thấy không, chưa cắt xong mười cái móng tay đã chết rồi. Tương lai ở đâu với cái chết ấy ?

Tôi ngập ngừng :

— Có phải cả mười bốn triệu đồng bào đều chết cho cuộc chiến tranh này đâu. Minh phải tin tưởng ở ngày mai.

— Ngày mai. Ngày mai. Ngày mai là bao giờ và như thế ? Chủ thử phác họa xem có hấp dẫn không ? Cháu nói thật điều này, những lời vừa rồi chủ diễn là không thành thật với lòng chủ đâu. Chắc chủ tin ở ngày mai lắm nhỉ ? Ngày Mai chủ sẽ lên chức ông Quận Trưởng, hay Tỉnh Trưởng, hay Bộ Trưởng ? Hay chủ mộng cảnh sông đẹp hơn thế nữa ? Cháu nghĩ rằng có lẽ chủ chỉ có những cái mộng nhỏ như được doi về Saigon này, được hoãn đi lính này, phải không ?

Huyền đã dồn tôi vào ngõ cụt. Con bé này hiểu đời quá sức. Nó đã nhìn thấy tim gan mình thì cãi làm sao nổi. Tôi đành ngồi yên lờ dăng nhừ ba đứa trẻ quay với sợi dây. Một lát Huyền tiếp :

— Dè sao, thế là chủ còn hạnh phúc nhiều lắm. Cháu đây mới thật là khổ khổ. Không có cái gì để mong hết. Ngoài việc lấy chồng. Điều này lại gần đi qua vì chồng đưa con gái nào bây giờ lại không phải là lính. Một người lính. Tưởng tượng sơ thế thôi chủ đã thấy buồn chưa ? Cái trần thế cháu chuốt thế này

Gió rì rào trên làm cây trứng cá làm rung những mảnh nắng vàng vương ba đứa trẻ. Ở ngoài đường một chiếc xe nhà binh phóng nhanh về phía chợ, xa bụi mù sang hai bên hè phố. Con nhỏ này chán đời thương trực và sâu xa hơn cả mình. Hay chính nguyên do này khiến em truy lạc ? Tôi lại quan sát Huyền. Mai tóc như vừa gội chưa khô không còn một nếp uốn. Chiếc cổ tròn và dài như ống tre. Huyền vẫn bình thản đưa những mũi kim nhấp nhô trên mặt vải. Chịu không thể tin nổi đứa con gái như thế này đã từng ôm ấp cả chục người, cả trăm người. Có đại úy Trọng. Những vết lang ben loang sần sùi trên gáy. Có trung úy Đạt vũ bão và khô khan không một chút tình thương.

Chợt Huyền ngừng lên nhìn tôi. Vẫn cái nhìn thật chậm, thật chết rồi nói :

— Chủ cho cháu đi làm như chị Chi được không ?

Tôi còn vương những tư tưởng dần vật :

— Chủ có quyền gì đâu. Cái nghề của chủ có vẻ thừa đối với cái xã hội mà ai cũng căm sùng. Nên chủ làm ở quận châu thành, thiên hạ

đã coi như một đặc ân của cấp trên ban cho, đâu phải mình xứng đáng được hưởng. Huyền hiền chủ nói chưa.

— Thế ai cho chị Chi vào chỗ chú làm?

— Chú không biết. Khi nhận việc, chủ đã thấy có cô Chi.

Huyền nhàu mày, rồi nhướn mày lên, mở mắt lớn nhìn tôi:

— Châu hiền rồi. Bỏ của chị ấy vận động cho chị ấy.

— Ai? Bỏ của cô Chi là ai?

Huyền cười:

— Chú làm gì mà cuống lên thế. VẬY chú chưa biết mối tình của chị Chi và ông Trưởng Ty Bưu Điện?

Tôi hết sức ngạc nhiên, định hỏi có thật không. Nhưng vội kìm lời lại được. Mình liên quan gì mà phải săn tin cho Huyền thêm nghị. Chúng nó yêu nhau hoặc lấy nhau thì cũng chết ai đâu. Nhưng liệu Huyền có biết rõ chuyện hay chỉ phỏng đoán. Cái không khí của tỉnh nhỏ là hay đồn đại tất cả mọi sự việc dù rằng chưa xảy ra. Vậy đây chắc gì đã có lừa dù có một chút khói mờ hồ bay ngang. Tuy thế, từ khi nghe Huyền nói tôi mơ hồ cảm thấy đó là chuyện thật. Tôi chưa biết tại sao. Độ mới chỉ hỏi về Chi một lần ở nhà bưu điện. Sao anh bắt Chi đi công tác xa thế. Anh gắng giúp cho Chi về Quận sớm được không. Tôi như chợt hiểu ra anh Độ yêu Chi thật.

Huyền bỗng ngược lên nhìn trời nói sang chuyện khác, giọng vui tươi như vừa tỉnh mộng:

— Số chữ xui rồi. Hôm nay phản lực không tới.

— Thành ra chủ mất cái giải tri cuối tuần. Mai phải bắt đầu mới được.

Huyền đứng dậy:

— Chấm dứt nhé. Châu đi chơi một lát, ở nhà thấy buồn căng, nhớ cái gì đâu không biết.

Giữa lúc ấy một chiếc xích lô chở một thanh niên bế một đứa nhỏ đỏ ngay trước cửa. Tiếng thắng xe cách cách khiến Huyền quay ra. Rồi rất nhanh, Hiền quay lại nói với tôi:

— Anh Giang của châu đấy.

Thần thể Giang to lớn, đen xạm. Giống như một người lính. Huyền và Thượng chạy ra tranh nhau giật đứa nhỏ trên tay anh. Huyền cao hơn nên đón được, bế chắt chiu ép vào má, lún cún chạy vào trước. Giang thấy tôi vội cúi chào. Tôi gật đầu chào lại. Quái sao anh chàng này biết mình. Chắc lại gặp trong buổi họp nào hoặc có việc gì tới quận rồi. Như vậy thì chính mình bắt đầu mất an ninh đây nhé. Bận đã biết mặt thì tôi phỏng nó còn biết kỹ từng cái nốt ruồi trên mặt. Tránh sao nổi.

Huyền giới thiệu:

— Anh cháu dạy học ở xã Hương-Long, chú biết chưa.

Tôi bắt tay Giang, rồi như nói riêng với Huyền:

— Hương Long thuộc quận chú nhưng xa quá, chú chưa tới nên chưa quen anh Giang.

Giang thường tránh những cái nhìn của tôi. Anh dùng khoanh tay trước ngực, xem Huyền nỏ rồn với đứa nhỏ:

— Bây giờ không thể tới Hương Long được nữa, Ông Phó. Mất an ninh hoàn toàn. Tôi đã bị cảnh cáo bốn lần và sắp bị sa thải với lý do bỏ nhiệm sở bất hợp pháp.

Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên:

— Chắc anh xích mích với Ty Tiểu-Học?

— Không. Mấy Ông ấy làm đúng nguyên tắc nhưng không chịu hiểu sự thật mã thôi. Ông Phó tỉnh, vùng ấy giờ mất an ninh.

(...164 chữ)

Tôi không dám đi. Vì vậy tôi bị khiển trách liên tiếp hoài.

Tôi nhớ rõ lại màu sắc phân chia khu vực an ninh trên bản đồ bình định, thấy quả nhiên xã Hương-Long thuộc vùng Quốc-gia. Vùng ảnh hưởng của ta mà đã có những tình cảnh này? Tôi nhìn anh Giang một lần nữa. Nét mặt anh thật cương nghị. Không tìm ra dấu vết yếu hèn nào trong cử chỉ của anh. Đứa con trai anh giống anh như có sự thu nhỏ lại từ thân xác anh. Huyền nâng niu cháu, đôi môi hôn không ngắt quãng. Phượng bắt Huyền phải đặt cháu xuống đất để xem nó đi đã vững chưa. Hai người dành nhau. Giang dần hòa vào đám anh sẽ để cháu Hồ ở đây chúng mày tha hồ bế, nó dúi vào quần áo ràng chịu. Huyền trả lời bằng hai tiếng ó-kè. Rồi chạy tuốt vào nhà. Tôi không có chuyện gì để nói với Giang. Giang chắc chỉ có một chuyện thì đã nói hết. Đứng chờ vợ ngược ngáp một lát, Giang nhìn tôi khẽ nghiêng người chào rồi chậm chậm bước lên thêm nhà. Tôi quay vào thật mau. Chiếc đồng hồ chỉ bốn giờ năm mươi ba phút. Bốn giờ năm mươi ba phút. Vẫn còn nhiều thời giờ quá. Làm cái gì cho tôi bây giờ đi ăn cơm chứ.

Viết thư? Hình dáng Thủy vụt hiện ra trong trí tôi. Mình chưa gửi thư cho Thủy. Chắc từ hôm ấy, Thủy mong lắm. Nhưng liệu Thủy có mang thai thật không. Sự mới chớm có, cô em đã la hoảng. Nhưng nếu có mang thai thật thì nay đã được gần hai tháng rồi. Với tình trạng đó, Thủy xử trí cách nào. Bắc đã biết chưa mà không có thư cho mình. Hay nó khinh mình đồ thừa nên không cần liên lạc nữa?

Đầu tôi phát nóng vì lá thư của Thủy. Không ngờ đời lại oan trái, khổ cực thế này. Còn nhớ chính Thủy nói em mới sạch nên cố gò cho được. Nếu không ai dám liều mạng. Tôi tức bực, lầm bầm con nhỏ đàn như heo.

Bóng tối đã có trong căn phòng. Tôi chợt nhớ đến trung sĩ Là Lôi Huyền nói hình như trung sĩ Là mới hai mươi tuổi, người Bắc. Anh Là ơi, tôi cũng như anh, y hệt như anh. Nếu ngày nào đó, tội nó cắt cổ tôi, cũng sẽ không ai biết là ai. Không biết chị Dung tôi có ra nhận va ly đồ của tôi, hay thấy nó không bằng giá tiền vé máy bay khứ hồi, nên bỏ?

Tôi vơ quần áo trên vách, mặc vội vã rồi ra đường. Có lẽ mình phải tập dượt một vài thứ để tiêu bớt thì giờ mới được. Làm việc là thú nhất. Nhưng thiên hạ lại cười bảo mình cố kiếm điểm. Vậy thì sẽ đánh bạc. Sẽ theo một thứ tôn giáo nào đó để được đọc kinh, được đi dự lễ.

Nắng chiều vương trên lối đi ẩm như hơi thở. Những chiếc xe jeep thấp thoáng những tà áo màu chạy vòng trong đường phố đến nỗi gặp nhau không buồn chào. Một chiếc xe ngựa đang đỗ trước cửa nhà thương. Người ta vừa đỡ từ trong xe xuống một người bỏ kín bằng những lượt quần áo và chăn mền. Lúc tôi gần, tôi nghe có tiếng nói ông ấy bị dịch hạch. Con, ông ấy chết đêm qua. Sáng nay xã điện lên quận xin xe chở ông ấy đi nhà thương nhưng ở quận không có ai giải quyết. Bây giờ phải thuê xe ngựa chở đi.

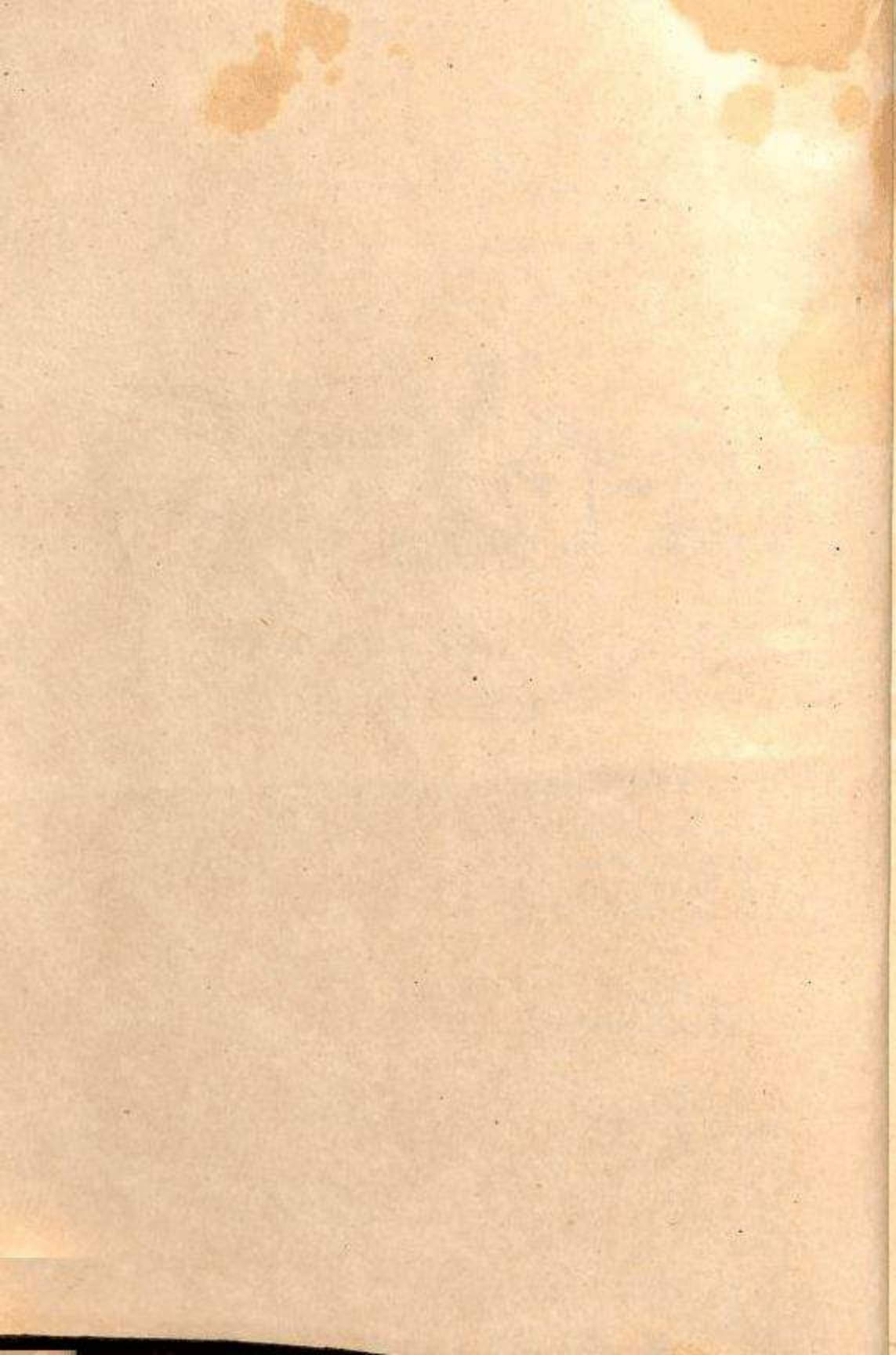
Tôi bước theo đám người đó vào nhà thương. Quang cảnh ra trước mắt tôi như một cái chợ. Thật là đông đúc, nhộn nhịp. Một bệnh nhân bằng trắng suốt nửa thân người, nằm co ro trong chiếc mắc ngang giữa hai cây dừa. Một chai thuốc to như chai tàu vị yếu vào tàu là dừa lắc lư sợi dây cao su dồng xuống người đàn bà bắt đó. Mình có làm được cái gì cho bớt đau thương này không nhỉ? Tự tôi nhớ Huyền. Huyền là thứ trái cây trái cây tôi ao ước với cái đã khô ran.

ĐỖ TIẾN ĐỨC
(đoạn 4, Mả hồng)



Tháng ngày là nhất

DƯƠNG NGHIÊM MẬU



Buổi sáng êm đềm trong không khí nhiều hơi nước, hơi lạnh chừng như còn giữa lại trong những lùn cây, trên đường phố còn ngái ngủ một vài người đi lại trong dáng thong thả; những ngày phép đã trôi qua, buổi chiều này chàng đã có mặt trong căn cứ, những gì còn lại trong ngày phép đã qua ấy, những gì còn lại trong trí nhớ chàng. Không còn gì nhắc nhở tôi nữa sao? Không có gì đáng cho tôi nghĩ tới nữa sao? Không còn gì đáng cho tôi theo đuổi nữa sao? Cuộc chiến hiện tại? Những ngày tới này... (...8 chữ) có bấy nhiêu thôi sao? Hoàng ơi, Hoàng ơi... chợt Dũng như muốn gọi thành tiếng, yêu ai ai hiểu được ông... khi đã yêu thì...

Dũng thấy miệng khô đắng, ngang qua một tiệm ăn Dũng ghé vào, vừa bước qua cửa Dũng đã ngạc nhiên sửng sốt, ông Lĩnh ngồi ngay nơi chiếc bàn phía trong cùng bên dãy bàn tay mặt, ông Lĩnh đang uống cà phê, thấy Dũng ông Lĩnh mỉm cười, lại thẳng đó nữa, có phải tối qua hẳn đón mình không, ông Lĩnh dơ tay ra hiệu vẫy Dũng lại cùng bàn, Dũng lưỡng lự nhưng không biết làm sao là bước đến ngồi quay mặt vào đối diện với ông Lĩnh:

- Hết phép rồi sao?

— Dạ, con hết phép rồi, tôi qua con có lại thăm thầy nhưng thầy không có nhà.

— À, vì tôi qua tôi đi ăn cơm khách, về nhà tôi có nói tôi một người học trò cũ lại chơi, tôi nghĩ chắc anh, ăn uống gì kêu đi.

Ông Lĩnh nói hết câu dơ cao tay ra dấu cho người bồi bàn, người bồi đến bên, Dũng kêu một tô mì và một ly cà phê sữa.

— Thầy đi đâu sớm vậy?

— Tôi đi đánh quần vợt về rồi đi ăn sáng luôn.

Bây giờ Dũng mới nhận ra bộ quần áo trắng ngấn ông mặc bên người và chiếc khăn bông để trên một cái xách tay cùng với cái vợt để ngay phía chiếc ghế trong, tóc ông bù một cách tài tử được vuốt về phía sau không có vẻ chăm sóc khiến trông ông trẻ và khỏe ra.

— Trông thầy trẻ hẳn ra.

Ông Lĩnh mỉm cười dễ dàng :

— Anh không nhìn tôi đó chứ, tôi già rồi, anh mới trẻ một cách đáng yêu, trẻ một cách khỏe mạnh tươi sáng, tôi không còn được ở cái tuổi thấy không, tôi là người già rồi kéo nó lại nhưng chẳng được bao nhiêu mỉm cười — rồi anh cũng già rồi, mất rồi — ông Lĩnh mở bàn tay ra và sẽ thấy, đời sống sang lên rồi ngã dần xuống...
Người bồi đã mang mì lại, Dũng cúi xuống ăn lặng lẽ. Đây là một

thằng lì, một thằng mang lừa ngấm hay chỉ là một thằng nhút nhát, mặc cảm? Ông già đang nói gì đó, ông tiếc tuổi nhỏ của ông lắm sao, rồi mình cũng sống đến già như ông?

— Các anh bây giờ khác chúng tôi hồi bằng tuổi, khác vì hoàn cảnh phải sống lên, có những cái sướng hơn nhưng cũng có cái khổ hơn, sướng hơn vì tinh thần tự do, cõi mở đã có trong xã hội, những bó buộc lối thời đã giảm bớt, nhưng bây giờ lại có chiến tranh... thươ

Dũng vừa ăn vừa lắng nghe giọng đều của ông Lĩnh, trong tiếng nói vẫn còn phảng phất giọng ngọt ngào nhưng đượm vẻ châm biếm lúc nào cũng có ở ông trong năm học trước. Gạt tô mì ra một bên, ông Lĩnh đưa bao thuốc ra trước mặt Dũng. Ông còn nhớ lần mình khiêu ông ngã xe khủng, ông còn nhớ mình là một tình địch, một tình địch không hề nguy hiểm, ông có biết mình vẫn yêu Hoàng không. Ngụm cà phê đầu làm chàng khoan khoái thêm một khối thuốc ông Lĩnh hỏi :

— Bây giờ đi đâu, trở về đơn vị hay vào Sài Gòn?

— Con về Lâm Đồng. Đơn vị đóng ở đó.

— Vậy hả, vậy bây giờ đi Đà Lạt rồi mới đi Lâm Đồng chứ.

— Dạ vâng.

— Anh có ai quen ở Đà Lạt không, nếu không tôi giới thiệu cho một người quen ở đó, ít nhất cũng phải ngủ đêm lại đó.

— Dạ không, con về ngay Lâm Đồng chiều nay.

Về ngay Lâm Đồng chiều nay, giọng nói cứng cỏi, mạnh khỏe. Không còn là một học sinh nhút nhát nữa. Vầng trán sạm đen và những đường nhăn đã hơi gợn lên. Tại sao Dũng đã vào quân đội, ông Linh tự nhiên nghĩ tới những điều không ăn nhập gì đến mình. Khối thuốc bay lên mù trước mặt hai người. Trong quán buổi sớm mai ai cũng ngượng nhẹ trong khi đi đứng như không muốn làm tan đi cái không khí êm ả của ban đêm còn để lại. Một vài tiếng nói chuyện không rõ ràng, tiếng người bồi nói, tiếng bước chân, tất cả là một không khí sinh hoạt, tỉnh lẻ, khác hẳn không khí ồn ào của Saigon. Ông Linh nói đến một vài câu chuyện từ những năm trước, Dũng nói cho ông nghe về những ngày hành quân, những trận đánh, những ý nghĩ trong cuộc chiến hiện tại, một vài thất vọng của sinh hoạt chính trị. Không ai đã động đến một người vắng mặt có liên quan đến hai người, nhưng trong khoảng cách un những khối chường như người vắng mặt lần quất nơi đó. Dũng muốn hỏi ông Linh : những ngày tới đây rồi ra sao, ông có dám bứt bỏ hết cả để theo đuổi điều ông mong muốn? Có thực ông yêu Hoàng hay ông chỉ có ý định lợi dụng nàng? Có thực ông mong muốn có một đứa con hay đó chỉ là một lý do bào chữa? Nhưng Dũng thấy khó khăn để có thể bắt đầu nói một tiếng đầu tiên. Một khoảng cách thù nghịch? Một khoảng cách kính trọng? Phải rồi có những điều người ta không thể nói ra được, nhưng chắc chắn người ta biết người kia nghĩ gì, muốn gì. Không khí có một vẻ nặng nề khó nói, Dũng muốn đứng lên từ biệt. Chẳng lấy bao thuốc mỗi thêm một điếu nữa. Thôi rồi chẳng bao giờ tôi còn trở về đây, chẳng còn mong muốn gặp lại Hoàng, chẳng còn mong muốn gặp mặt những gì có đây trong thành phố cũ, mọi điều đã mất đi, đã tàn phai, mọi điều đã chỉ còn là một dĩ vãng, những tiếng thồ tục của Quân, có lẽ đó là những điều chàng nhớ tới. Tôi mất rồi những mộng tưởng, những âm ập...

Ông Linh im lặng cúi xuống mỗi một điếu thuốc khác, ngừng lên ông chợt hỏi :

— Anh có còn yêu Hoàng không?

Dũng choáng váng như bị một gáo nước lạnh bất ngờ dội xuống đầu, anh còn yêu Hoàng không, ông Linh định đối đầu với Dũng thật sao, ông biết ông thắng và muốn khoa trương chiến thắng đó sao, ông còn muốn cho mình thấy mình là một kẻ bất lực thật sao hay là ông đã hối hận, ông đã mệt mỏi. Dũng im lặng hút thuốc và thở ra một cách từ từ, chẳng cố gắng tạo cho mình một vẻ bình tĩnh, giọng ông Linh.

— Tôi đã làm cho Hoàng phải khổ sở quá, mọi người khiến chúng tôi không sống được gì, mọi người kết án chúng tôi, cả anh nữa? nếu

anh — ông Linh ngừng lại nhìn xuống ly cà phê — nếu tôi cần trẻ anh, vô danh như anh, không đáng buộc như anh. Nhưng không đủ nữa. Có điều chúng tôi yêu nhau, nàng muốn cho tôi một đứa con, không được. Đáng ra Hoàng phải yêu anh, anh mới là người để yêu chính tôi đã nói với Hoàng như thế. Tôi lo sợ không được gì cho Hoàng, chúng tôi đi dần đến cuối con đường tuyệt vọng. Anh có trách tôi, kết án tôi không?

— Không, thưa thầy không, thầy là người đáng được yêu, cũng mong muốn thầy có một đời sống với Hoàng và thầy có nh đứa con, con hiền, dù con vẫn yêu Hoàng như những ngày con đi con yêu Hoàng có lẽ còn hơn thầy yêu Hoàng, con yêu Hoàng và mong cho Hoàng có hạnh phúc, bây giờ con phải đi, con mong có dịp gặp lại thầy, con mong thầy khi gặp lại Hoàng thầy nói với điều đó, con yêu nàng và con mong cho nàng được hạnh phúc, nàng đã lựa chọn. Khi nào lập gia đình con sẽ tin thầy, và con có thầy đi dự đám cưới của con.

Dũng nói không ngừng trong một niềm xúc cảm bồi hồi, đứng lên, cầm lấy mũ đội lên đầu, ông Linh đứng lên đưa tay Dũng bắt, ông siết chặt lấy tay Dũng :

— Rất cảm ơn anh, tôi sẽ nói lại với Hoàng, khi anh lập gia đình mong cho chúng tôi cùng được dự, chúc anh đi may mắn.

Dũng xách lấy chiếc túi nhỏ và đi vội qua cửa, ông Linh ngồi xuống hần sẽ bước chân lên con tàu và hần sẽ nhớ, nhớ mãi ông ta sẽ trở về nói cười với người bạn trăm năm, sống với nhau những nụ cười gương gao, nói đi nói lại những điều cần thiết những lớp học quen thuộc và một người con gái trong quần. Tôi cho ông một đứa con, một đứa con thật sao, một đứa con có đủ tay, mặt mũi, hay một quái thai, hay hai đứa con ra đời một nhiều đứa ra đời một lúc như một đàn chó con, như một đàn mèo

(con)
DƯƠNG NGUYỄN HIEM

tiếng nói của bóng tối

như giòng suối kia chỉ lên tiếng
khi khu rừng nín lặng
và vầng trăng mở cửa sổ của bầu trời
như gác chuông kia chỉ ngân nga
khi những con tim se thắt lại
và những ngọn nến làm mũi tên sáng chỉ lên trời
khi tôi miên man lên tiếng nói
làm kẻ diên vụng trong ngôn ngữ đọc phổ phưong
thì không nghe thấy em đâu cả
chợt như tôi lặng im
hóa thân làm cảnh san hô khẳng khiu bất động
mang niềm đau cô đơn của loài đá
nhỏ hoai ra biển cả
thì tiếng em từ đâu lại thăm thẳm trút dội
như từng đợt sóng khôn nguôi xô đẩy mãi
vào tâm tư vách đá sừng sững của tôi
nhưng chung quanh tôi bấy giờ
chỉ toàn là bóng tối
che khuất em.

đón đọc

**VĂN
HỌC**

hai số đặc biệt

TIẾNG NÓI DA ĐEN (V.H. 56)

THI CA DA ĐEN (V.H. 57)

★ Gồm những biên khảo chính trị văn hóa kinh tế về Dân Tộc Da Đen của JULIENR NYERERE (TANGANYIKA), JEAU-PAUL SARTRE; VINH PHONG dịch, NGUYỄN HỮU DUNG, NGUYỄN XUÂN HOÀNG, BÙI NGỌC DUNG, TRẦN TRIỀU LUẬT, LÉOPOL SÉDAR SENGHOR, HOÀNG MINH THỨC dịch, HOÀNG NGỌC BIÊN.

★ Và Văn, Thơ, Kịch của các văn hữu da đen: MATEI MARKWEI (GHANA) LÉOPOL SÉDAR SENGHOR (SÉNÉGAL) BIRAGO DIOP (SÉNÉGAL) JEAN JOSEPH RABÉARIVELO (MALAYASY) LANGSTON HUNGHESE, DAVID DIOP (SÉNÉGAL) CAMARA LAYE, RETER ABRAHAMS (NAM PHI) BELAFONTE, JAMES BALDWIN, CHARLES WRIGHT.

★ Cùng những sáng tác thường xuyên của: DƯƠNG NGHIÊM MẬU, DUYÊN ANH, LÊ TỬ THÀNH, BÙI NGỌC DUNG GAHAM GREENE, LÊ VINH THỌ, LUÂN HOÁN, THẾ NGUYỄN, PHÙNG KIM CHÚ, NGUYỄN TRỌNG VĂN, TẠ TRUNG SƠN.

Phát hành đúng ngày 15/3 và 1/4

NAM-SO'N đã xuất bản

- | | |
|---|--------------------------|
| — VẮNG Ý CHA, | Kịch, Fritz Hochwalder |
| — NHÀ CHUNG, | Truyện, Fehera De Castro |
| — NUÔI CON NHƠN TÌNH, | Truyện, Thế Nguyễn |
| — MUỐI NGÀY PHÉP CỦA
MỘT NGƯỜI LÍNH, | Thế Uyên |
| — TÌM HIỂU TRIẾT HỌC
KARLMARX | Trần văn Toàn |
| — XÃ HỘI VÀ CON NGƯỜI | Trần văn Toàn |
| — HÀNH TRÌNH VÀO
TRIẾT HỌC | Trần văn Toàn |
| — XÂY DỰNG TÁC PHẨM
TIỂU THUYẾT | Nguyễn văn Trung |
| — LƯỢC KHẢO VĂN HỌC II | Nguyễn văn Trung |

KHÔNG GIAN — THỜI GIAN
VÀ CON NGƯỜI

KHÔNG GIAN — THỜI GIAN

(tiếp theo)

HOÀNG VĂN ĐỨC

*Thế-gian đã được sáng-tạo theo một thể-thức
khến cho chúng-ta tưởng rằng nó được làm
thành bởi những vật-liệu không hiển-hiện
và tráo mắt chúng-ta.*

SAINT-PAUL

Có một sự-kiện đầu-tiên xảy ra giữa một sinh-vật, — không nhất-thiết phải là con Người, — và Vũ-Trụ bao-quanh.

Là : thực-tại có bên ngoài hẳn, đối với hẳn, là những đồ-vật vật-chất mất hẳn trông-thấy và ghi-nhận sự hiện-hữu. Các đồ-vật ấy thường có màu-sắc hay không có màu-sắc. Ngoài các thực-tại bên-ngoài trên, mà mất hẳn nhìn thấy, hẳn còn ghi-nhận được những thực-tại khác do các cảm-quan khác của hần đem lại, như tai, mũi, miệng, da-thịt: tai ghi tiếng động, mũi mùi, miệng vị, da-thịt tính-chất nóng, lạnh, cứng, mềm v.v. của sự-vật. Tất-cả các thực-tại do cảm-quan ghi-nhận được thâu-gồm lại thành một toàn-thể, một bộ : cái toàn-thể đó có-thể coi như là Vũ-Trụ bên-ngoài đối với hẳn.

Nhưng cái thực-tại của vũ-trụ do cảm-quan ghi-nhận không phải là thực-chất của thực-tại. Bởi-vì cái thực-tại đó phải nhờ đến sự t. ứng-gián của các giác-quan của các sinh-vật ; do đó nó lệ-thuộc vừa vào sinh-vật quan-sát vừa vào một yếu-tố khác là giác-quan của sinh-vật đó. Giác-quan là một yếu-tố dễ thay đổi, không chuyền-nhất : một sinh-vật này có-thể

nhìn thấy bầu trời màu xanh, nhưng một sinh-vật khác có-thể lại nhìn thành màu đỏ. Bởi-thế cho-nên, chúng-ta không thể chấp-nhận *thực-chất* của thực-tại do cảm-quan của sinh-vật quan-sát thực-tại đó ghi-nhận, bởi-vì một khi cái «thực-chất» lại có-thể *thay-đổi* sinh-vật này đến sinh-vật khác thì nó không còn là một thực-chất nữa, mà đã là một *biến-chất* rồi. Thực-chất là chân-lí, chân-lí không thể luôn luôn... *biến-đổi*, đã là chân-lí thì phải *thường-xuyên, bất-biến*.

Như thế, làm-thế-nào để tìm ra thực-chất của thực-tại?

Chúng-ta hãy đi đến cùng-lí, và hãy thí-dụ có một sinh-vật không có qua lấy một giác-quan nào. Hay nói một cách khác, chúng-ta hãy tìm xem một sinh-vật còn có-thể tri-giác những gì về thực-tại bên ngoài mà không cần đến sự trung-gian của giác-quan!

Chúng-ta hãy nhắm mắt lại, và cố «tách-mình» ra khỏi thực-tại bên ngoài. Khi đó chúng-ta nhận thấy rằng vẫn còn có một *i-niệm* (un concept) ở bên trong chúng-ta: *i-niệm* đó là *i-niệm thời-gian*, luôn-luôn chồi đi, không bao-giờ ngừng. *I-niệm thời-gian* cho ta cảm-giác về sự lâu-dài, nhanh, chậm, Thời-gian đó đối với chúng-ta là «thời-gian bên trong» chúng-ta cảm-thấy nó, *biết* nó một cách hoàn-toàn theo linh-giác hay linh-linh (intuition), nghĩa-là không cần đến sự trung-gian của bất-cứ một giác-quan-nào.

Cảm-giác về thời-gian bên-trong, một khi đã được ta *i-thực* rõ-rệt sẽ cho ta tình-cảm về thời-gian bên-trong. Tình-cảm đó không phải do sự tri-giác về một diễn-tiến cơ-thể, thí-dụ như tiếng đập của trái tim chẳng-hạn, mà có. Thời-gian bên-trong là kết-quả của một «tri-nhớ» về những khoảnh-khắc, những đoạn thời-gian đã qua. Chúng-ta ai cũng có-thể hình-dung được sự liên-tục của những đoạn thời-gian kế-tiếp nhau và nói rằng khoảng thời-gian nào đã qua trước khoảng thời-gian nào. Cái *i-niệm* về thời-gian chồi-đi như thế là một sự biết, một tri-thức, «trực-tiếp», không phải qua sự lọc-lựa của giác-quan.

Thoạt-tiền, cái thời-gian «bên-trong» này có vẻ không liên-quan gì đến thực-tại «bên-ngoài», lại càng không có vẻ gì là cái *thiết-yếu* của thực-tại đó. Nhưng mặc dù thế, cảm-giác thời-gian đó vẫn là một *điều kiện «thiết-yếu»* căn-bản, ở một sinh-vật bởi vì nó vẫn còn nguyên kh người ta hủy-bỏ tất-cả các giác-quan cho phép sinh-vật đó nhận-thức được thực-tại bên-ngoài. Điều cần phải thực-nghiệm là xét-xem có còn tìm-thấy-lại cái *i-niệm thời-gian «bên trong»* đó trong thực-tại bên ngoài không, khi chúng-ta mở mắt ra lại và lại sử-dụng đến những giác-quan của chúng-ta. Nếu với tất-cả giác-quan mà chúng-ta vẫn tìm thấy lại được *i-niệm thời-gian*, thì thời-gian đó *tất-nhiên* phải là yếu-tố *cần-thiết, căn-bản*, của thực-tại bên-ngoài bởi-vì nó

một thực-tại, có-lẽ là thực-tại duy-nhất mà chúng-ta biết-được một cách tuyệt-đối, tuyệt-đối vì không cần đến sự trung-gian của giác-quan.

Đến đây một i-niệm thứ-hai xuất-hiện. Đó là i-niệm không-gian. Thực thế, sự gì chúng-ta trông thấy chung-quanh ta có-vẻ là không-gian hơn là thời-gian, tuy-nhiên, chúng-ta cần suy-nghĩ kĩ hơn; chúng ta hãy lấy một thí-dụ:

Chúng-ta trông-thấy mặt-trời; chúng-ta biết rằng ánh-sáng mặt-trời đến với chúng-ta với một tốc độ nhất-định, vào khoảng tám phút để đi từ mặt-trời đến chúng-ta.

Nói một cách khác — chúng-ta không trông thấy mặt-trời — một vật «cô-diễn» về thực-tại bên-ngoài — vào đúng khoảnh-khắc (thời-gian) mà chúng-ta đang sống, nhưng là trong quá-khứ, cách hiện-tại chừng tám phút. Nếu thí-dụ mặt-trời bị nổ-tung và tiêu-tan đi, thì chúng-ta vẫn còn tiếp-tục trông thấy nó nguyên-vẹn trong chừng tám phút. Đối với các vì sao trên trời cũng thế, chúng-ta trông thấy các vì sao là trông thấy các vì sao của một thời-gian cách chúng-ta hàng năm, hàng ngàn hay hàng triệu năm. Sự-kiện trên cũng vẫn đúng đối với tất-cả mọi đồ-vật mà chúng-ta biết được, quanh chúng ta: ở đây, khoảng thời-gian cách giữa đồ-vật với chúng-ta có ngắn đi rất nhiều, song không vì thế mà không có. Sự cách-trở còn là thời-gian chứ không hẳn chỉ có không-gian. Nói một cách khác, khi chúng-ta nhìn quanh chúng ta, chúng-ta không nhìn nguyên trong không-gian, chúng-ta còn nhìn trong quá-khứ, nghĩa là trong thời-gian.

Vì lẽ đó cho nên chúng-ta có-thể nói được rằng chúng-ta có tìm thấy lại, trong thực-tại bên-ngoài, cái i-niệm thời-gian mà chúng-ta biết một cách «tuyệt-đối».

Với i-niệm không-gian, i-niệm về thời-gian như vậy có-thể phân-chia ra làm hai: Một thời-gian «bên-trong» và một thời-gian «bên-ngoài». Thời-gian «bên-trong» hoàn-toàn độc-lập không lệ-thuộc vào không-gian, còn thời-gian «bên ngoài» phải dính-liền với không-gian. Chính Albert Einstein cũng đã nhấn-mạnh đến đặc-tính của thời-gian «bên ngoài» là bất khả-phân đối với i-niệm không-gian. Theo Einstein danh-vị duy-nhiất và liên-tục là «không-thời gian», chứ không phải là thời-gian riêng-biệt hay không-gian riêng-biệt. Thời-gian và không-gian phải được phối-hợp làm một. Điểm quan-trọng này sẽ dẫn chúng-ta đến cái thiết-yếu trong thực-tại bên-ngoài:

Nếu chúng ta lấy hai điểm gần nhau của thực-tại bên-ngoài, cách xa nhau một khoảng r trong không-gian và một khoảng (khác) t trong thời-gian, thì điều quan-hệ (thiết-yếu) để định vị-trí của hai điểm đó trong sự tương-quan của chúng đối-với nhau, theo định-luật Tương-

Đối, không phải là không-gian r hay thời-gian t , nhưng mà là không-gian r hòa (pha-trộn) với thời-gian t , được tượng-trưng bằng chữ S , theo phương-trình

$$S^2 = C^2 t^2 - r^2,$$

trong đó C là tốc-lực của ánh sáng.

Chỉ có s là không liên-quan gì (độc-lập) với người quan-sát, còn t và r đều liên-quan mật-thiết với hân. Vì-thế-nên chính cái «khoảng-cách không-thời gian» s là cái yếu-tố thiết-yếu của thực-tại bên ngoài.

Lý-thuyết Tương-Đối cho ta biết rằng khoảng-cách không-thời-gian đó, khoảng-cách s , cũng một ý-nghĩa vật-li với thời-gian «bên-trong» mà chúng-ta vừa mới nói đến. Để chính-xác hơn, chúng-ta có-thể viết :

$$S = cT$$

trong đó T là thời-gian «bên-trong», mà chúng-ta biết-được một cách tuyệt-đối.

Nói tóm-lại, ý-niệm duy-nhất mà chúng-ta biết-được theo trực-giác-nghĩa là biết-được một cách toàn-hảo, tuyệt-đối, là thời-gian «bên trong» T , kiến-thức hiện-thời của loài người về vật-li-học cho biết thêm rằng thời-gian «bên-trong» T cũng chính là một yếu-tố cần-thiết và đầy-đủ để biết điều thiết-yếu của phải-biết về thực-tại bên-ngoài chúng-ta, nghĩa-là về không-thời-gian.

Nói một cách khác, chúng-ta phải cố-gắng mô-tả tất-cả thực-tại bên ngoài bằng ý-niệm không-thời gian, là ý-niệm duy-nhất mà chúng ta *lĩnh-cảm* (sentiment intuitif) được, nghĩa-là hiểu-biết-được một cách tuyệt-đối. Ta có-thể nói rằng ta-có thể lấy đơn-vị đo-lường là thời-gian «bên-trong» để đo-lường không-thời gian; và ngược-lại sự không-thay-đổi (invariance) của không-thời-gian đối với tất cả các người-quan-xát chứng-minh rằng đơn-vị thời-gian «bên trong» vẫn *i-nguyên bất-biến* đối với tất-cả mọi cá-nhân.

Để kết-luận, chúng-ta bắt-buộc phải nhìn-nhận rằng không-thời gian đủ tư-cách, đủ điều-kiện để là yếu-tố *thiết-yếu duy-nhất* của thực tại bên-ngoài chúng-ta.

Đến đây một câu-hỏi có-thể được-dặt-ra là vật-chất (như các-vật bao-quanh chúng-ta chẳng-hạn) có phải diễn-tả bằng ý-niệm không-thời gian không? Vì theo luật Tương-Đối thì có một sự ngang-bằng, tương-đương (équivalence) giữa vật-chất và tinh-lực (énergie): phải-chăng vật chất là tinh-lực qui-tụ vào một nơi («localisations» de l'énergie)?

Để trả-lời câu-hỏi xác-đáng trên, ta cần biết rằng thuyết Tương-đối của Einstein được công-bố làm hai đợt. Đợt đầu vào năm 1905, Einstein mới chỉ đưa ra thuyết Tương-Đối Thu-hẹp (Relativité Restreinte) theo đó ông chứng-minh sự tương-đương giữa vật-chất và tinh-lực là

«bản-thể» của thực-tại bên ngoài. Nhưng năm 1915, Einstien lại công-bố thuyết Tương-Đối Đại-Cương (Relativité générale) là sự phổ-quát (extension) của Thuyết Tương-Đối «Thu-hẹp»! Kinh-nghiệm và thực-nghiệm đã hoàn-toàn công-nhận sự chính-xác của thuyết Tương-Đối Đại-Cương, tinh-lực chỉ là một hình-thức kiến-trúc *đặc-biệt* (une structure particulière) của không-thời gian, và «bản-thể» của nó vẫn là không-thời gian.

Nói một cách khác, vật-chất là một loại, đúng hơn là một «hình-thức hình-học», của không-thời gian. Ta hãy lấy một tờ giấy làm thí-dụ: khi tờ giấy phẳng hoàn-toàn, ta có-thể đem nó so-sánh với không-thời gian trong những vùng không có tinh-lực. Khi nào có tinh-lực, tờ giấy sẽ uốn theo một «đường cong» (une «courbure») nào đó, và không còn giữ nguyên «hình-thức hình-học» ban đầu. Nhưng tuy có thay-đổi về hình-thức (vì bị tinh-lực uốn cong lên) tờ giấy không vì thế mà thay-đổi «bản-chất», bản-chất của nó trước sau vẫn là một. Chỉ có phương-diện «hình-học» là có khác. Luận rộng ra, ta có-thể nói rằng tinh-lực (và vật-chất) chỉ là không-thời gian với một hình-thức hình-học đặc-biệt mà thôi.

Tóm-lại, tất-cả Càn-Khôn Vũ-trụ (Univers) đều có-thể mô-tả bằng không-thời gian, là «bản-thể» bất-khả-phân của Càn-Khôn Vũ-trụ. Í-niệm không-thời gian đó hòa-lẫn làm một với í-niệm thời-gian «bên-trong» mà sự tri-cảm chủ-quan (sentiment intuitif) đem lại cho í-thức chúng-ta.

HOÀNG VĂN-ĐỨC

Đính-chính

Trong bài «Vấn-đề Biết», Văn-Học số 54, trang 71, dòng 37, thay vì:

«... sẽ được «giải-huyền», nghĩa là...» xin đọc là:

«... sẽ được giải-huyền, nghĩa là không còn khoa-học giải-nghĩa một cách «huyền-lường», «thần bí», «phản-khoa-học «nữa».

Trang 72, dòng 7, thay vì:

«Giải-huyền có nghĩa là... phản-khoa-học nữa»,
xin bỏ.

Từ tiền tuyến đến hậu phương

Cao Nguyên 30-11-65

Chị yêu mến,

Anh vẫn nghĩ rằng, lên tới đây là viết cho em ngay và viết thật nhiều - Trời lạnh, thêm nhớ Chi, không viết sao cho được - nhưng hôm nay đã là ngày thứ tám - ngày cuối cuộc hành trình của anh, vẫn chưa có một thư về em, cả những cán Brigide thật dịu, anh mua định gửi cho em theo chuyến tàu sáng thứ ba, nay đã vắng - Từng cánh tả-tơi bay khắp mặt bàn, hoặc nằm héo, khô dưới nền gạch, anh vẫn chưa gửi đi...

Anh nhớ Chi thật nhiều, những lúc ở phòng một mình, và ngay cả những buổi tối dưới đường phố vắng người, anh vẫn nhớ em. Anh chịu đựng những dân-vật tê-tái như vậy hơn một tuần nay rồi, nhưng anh vẫn không đủ nghị lực để làm một cái gì - Dù chỉ là một lá thư, rất ngắn - để chứng tỏ rằng anh không còn hờn dỗi em. Nhưng, cuối cùng anh vẫn không làm nổi. Anh cũng không hiểu, tại sao anh lại gan-lì như vậy với em, và để làm gì, trong khi tất cả nguyên-nhân gây nên trong mấy ngày giận nhau, đều do anh cả. Anh càng thấy anh vô-lý hơn, vì trước giờ lên máy bay, có phải chính em đã muốn làm hòa với anh? Chị Hào, anh Linh cũng đều hết lời muốn hàn gắn cho mình, nhưng anh vẫn hết vô-lý này đến vô-lý khác và điều mà anh tự trách nhiều nhất, là dù biết em đang như tê-tái, anh vẫn không thay đổi thái độ anh cố chấp đến độ không biết rằng em đã cố-gắng chịu-đựng với tất cả nghị-lực, hai vai nhỏ bé của em rung lên như em đang lạnh, không biết vì giận anh hay em uất-hờn thay cho chính anh, có phải sáng hôm đó Chi đã không hề nhìn anh, nhưng ánh mắt rung buồn như khóc ngàn lần, đã hướng về thật xa,

lắm-chiều đến như không phải đang sống với thực tại, muốn dưới mắt em lúc đó chỉ là ảo ảnh — Trong đó, anh cũng chỉ là thực-thể vô-hình.

Chị Hào thật tha-thiết với chúng mình, lời chị nói thành-khẩn làm anh bưng tỉnh, may-mán cho anh biết bao, chính vì vậy đã kịp đề cho lý-trí hướng dẫn hành-động của anh như trong anh bình thản nhất — Anh đã cầm tay em, nhẹ-nhàng và êm-ái chưa bao giờ thấy — thế là hết tất cả — những tủi hờn đã ng hện mà đưa đến cho hai đứa chúng mình.

Chị ơi, ngồi viết thư này cho em giữa đêm, có mưa từng cơn hạt, ngoài cửa không còn ánh đèn nào, người ta đã đi ngủ từ bao giờ anh thấy lạnh quá, mưa ở đây mang một vẻ buồn nhứt-nhối, dưới ánh đèn phố — ánh đèn yếu-ớt không đủ soi cảnh tối đêm nay một vẻ sáng dịu-mát và trong đẹp như ánh của đô-thị chúng mình — anh chỉ nhìn thấy sương mù dày đặc những làn mưa đổ mạnh xuống hè phố vắng. Gió lạnh căm-căm h-thoảng lọt qua khung cửa, lùa hẳn vào phòng, càng làm anh lạnh, cái lạnh giá ở đây không như cái lạnh buốt xương ngoài trời, anh đứng lên, hứng lấy từng hơi lạnh mà vẫn thấy dễ chịu. Có em — ừ, nếu có em bên cạnh anh lúc này — anh sẽ ôm em vào lòng, anh xin lỗi em tất cả về những buồn phiền đã gây em ngày anh đi, và Chị ơi, có gì sung sướng hơn cho anh nữa, cũng đôi mắt buồn rưng lệ của em, ngược lên nhìn anh trong thứ, anh sẽ hôn lên đôi mắt ấy, lúc đó anh sẽ không còn sợ khóc, vì bao nhiêu nước mắt tuôn ra, anh sẽ nuốt đi mà không giờ còn trẻ em. Anh sẽ hứa với em, không còn làm em buồn anh — trọn vẹn con người với linh hồn — thuộc về em như ngày đầu đẹp nhất của hai đứa mình. Anh sẽ không còn đòi cho anh đi trận nữa, anh cũng sẽ không còn ngửa mặt nhìn lên trời quê hương đầy sao mà chọn một vì cho anh ngự-trị, khi vinh-dự được đền xong nợ cho đất nước. Anh sẽ bên em mãi, và hoài vọng mà anh vẫn nghĩ đến trong giấc mơ hào-hùng của, muốn dâng-hiến trọn đời mình bằng chính xương và máu cho quốc, sẽ được đổi bằng sự dâng-hiến trọn vẹn cuộc đời với trí anh, đòi lại cho mình nửa quê-hương đã mất, đòi lại núi xương và máu mà kẻ thù đã cướp đi của hàng triệu đồng bào ta để xây bức thành Xã.Hội Chủ nghĩa của chúng.

Chỉ ời, nếu anh còn tiếc điều gì chưa làm được cho quê hương chúng mình. thì chính là điều anh đã không lấy được máu anh, rửa hận cho cha anh đã chết dưới mã tấu oan nghiệp của kẻ thù, cũng vào một đêm mưa lớn như đêm nay, rửa hận cho bao nhiêu đồng bào hiền lành của mình đã mai một vì chúng.

Em sẽ không trách anh được, tại sao trước đây, anh đã một mực, nhất quyết xông ra trận địa, anh đã thét đến cay đắng cuộc sống hầu như vô lý hiện tại của anh với bao nhiêu ước hèn, nếu em có dịp đọc một đoạn thư sau đây của Vương — thằng bạn đồng chí hướng và thân nhất của anh.

« Tao vừa hốt chúng nó một mẻ khá lớn. Đêm hôm qua, Đại-gon một đơn vị lớn của chúng vừa kéo đến vùng. Hùng ời, tao ngồi viết cho mày đây, mà tim tao còn rạo rức, say sưa như giờ đánh hay như thế, chúng tao lặng lẽ đột nhập vị trí của chúng nó mà không gây một sơ hở, và khi súng bắt đầu nổ như bập rang, từng chục tên giặc gục ngã chúng mới tỉnh người tháo chạy như vịt. Chừng tao say đến điên người, tung hoành như vào chỗ không người, và Hùng ời, mày có biết rằng chính tao cũng không hiểu được, có những thằng lính trông rất thư sinh của tao, thường ngày không thấy nói một tiếng nhỏ, thế mà khi dụng, chúng nó lại đánh hay hơn ai hết, đặc biệt có một tên, năm nay mới 19 tuổi, một mình nó quất sấm năm tên, còn đuổi theo túm được một tên khác. Tao cứ thầm tiếc rằng, nếu có mày bên cạnh, chắc mày phải ghi được nhiều thành tích hơn cả tao, vì tao biết mày rất chịu những hành động táo bạo như tao.

Chỉ ời, anh không bao giờ giám tự-phụ mà cho rằng, anh sẽ đánh hay như Vương, nhưng bắt anh gò bó trong một nếp sống quá « Công-Chức » như hiện nay, anh tự thấy anh không còn phải là một thanh-niên, một Quân-nhân, anh phải làm một cái gì khác thế, góp phần vào việc cứu nước một cách thực tiễn hơn. Anh hiểu em, cũng như anh hiểu rằng, trong số những người vợ lính—Rất hiếm có người nào lại chấp-nhận một cách ưa thích cho chồng mình tự dẫn thân vào nơi có muôn mối tên viên-dạn. Nhưng nếu tất cả đều như thế, thì mảnh đất này làm gì còn đến ngày nay. Anh không chủ-quan đề tự bước vào cái hố Anh-hùng cá-nhân, anh cũng không dám có

hoài-vọng lớn lao biến sự nghiệp mình thành sáng chói như sự-nghiệp một Phạm-Phú-Quốc, Đoàn-Mạnh-Hoạch, Nguyễn-xuân-Phê và bao nhiêu anh-hùng Quân-Đội khác. Anh chỉ có một mộng-ước nho nhỏ rằng, cái chết của anh phải là cái chết đáng kể, nhất là làm sao thỏa-nguyện được với chí-hướng của anh mà thôi.

Anh biết em không muốn ngăn-cản anh, em cũng chưa một lần phản-đối anh, nhưng mỗi lần anh muốn ra đi, là một lần anh nhìn nét mặt em vương buồn một cách đáng thương vô-tả, rồi em đưa mắt — cặp mắt mới buồn làm sao. Chi ơi — nhìn anh từ đầu tới chân, anh có cảm tưởng rằng, em đang nghĩ liên miên về anh. Cái nhìn trông buồn đến phát khóc được của em, đã nói lên được tất cả tâm-trạng em lúc đó. Có phải em vẫn còn âm-thầm mong cho anh dứt-khoát, dừng mơ một cuộc đời gió-sương như anh thường mơ không? Đọc thư viết cho em ngày hôm nay, anh không nhất-thiết ép-buộc em phải chấp nhận một cuộc ra đi của anh, nhưng anh tin — cũng như anh vẫn tin từ bao lâu nay — em sẽ giúp anh để làm được một cái gì đó cho Tổ-quốc chúng mình, mà không phải công-việc anh đang làm hiện nay, đúng hơn, nó phải có một giá-trị — dù bé nhỏ — vượt lên, bằng với ý-chí và khả-năng của anh.

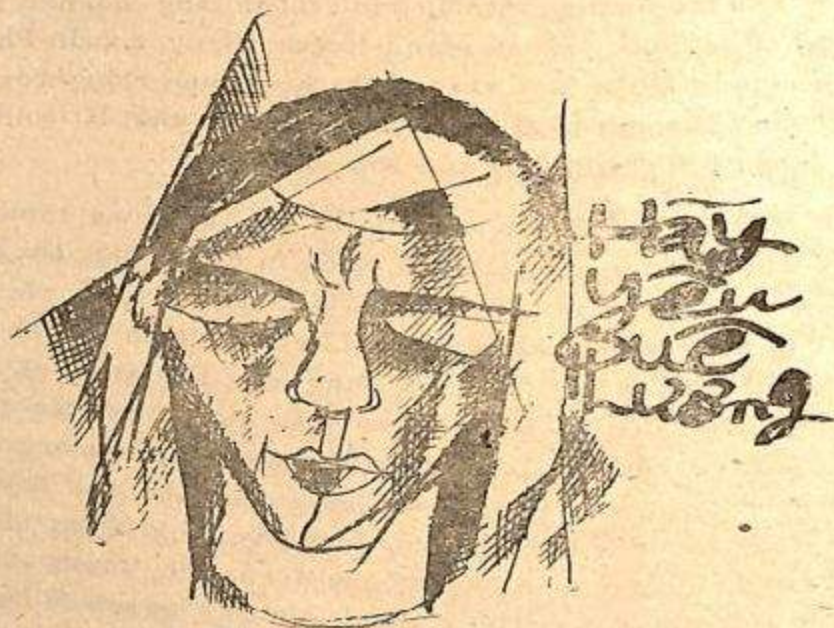
Chi,

Đêm về khuya quá rồi, anh thấy lạnh thêm lên, trong phòng, ngoài trời không một tiếng động — Cái yên-lặng, mà không bao giờ Chi có được, anh có được ở một Kinh-thành ngập tràn ánh sáng và tiếng động-cơ xé không-gian ngoài mình — anh muốn viết cho em đến sáng, viết cả ngày và viết hết cả cuộc đời anh, vì những gì anh viết cho em đêm nay, chỉ là một tiếng nói, chưa đủ để cời-mở tất cả tâm-tư anh. Chi có hiểu được không, anh đã không biết phải diễn-tà bằng cách nào cho em hiểu thêm về những băn-khoăn của anh trước cuộc đời, trong nội tâm và cả về những tương-quan tình-cảm đối với em. Một ngày xa em, là một hình-phạt, và chính vì vậy, nỗi băn-khoăn đã biến-thành một chương-ngại quá lớn lao đối với quan-niệm về nhân-sinh, qua cuộc đời linh chiến của anh.

Anh ngừng ở đây Chi nhé, anh gửi theo gió tất cả lòng anh cùng với lời xin-lỗi chân-thành của anh về với em.

VŨ MẠNH-HÙNG

KỊCH



CÁC VAI :

THEO THỨ TỰ VÀO KỊCH :
NGƯỜI CANH GÁC
NỮ CÁN PHẠM
NGƯỜI THỨ NHẤT
NGƯỜI THỨ HAI
NHÀ LÃNH TỤ
NGƯỜI THỨ BA

THỜI HẠN 40 PH

LỜI LƯU Ý CẦN THIẾT

Đây chỉ là một vở kịch, nghĩa
một sáng tác phẩm đúng ngh

NGUYỄN PHƯỚC * NGUYỄN PHƯỞNG

Một dãy nhà giam.

Ních sắt kêu và chân bước. Một vài đồ vật nặng bằng kim khí chạm nhau hoặc cọ xát nền nhà.

Tiếng ngáp dài, ho, vươn vai, huýt sáo, cứt, gọi nhau v.v... phát ra vô trật tự từ những căn buồng giam gần hoặc xa. Tất cả lũ nhân gây động đều dần ông.

Một vài nốt nhạc báo hiệu buổi mai ngũ dầy của lớp chính trị phạm vừa nói.

NGƯỜI CANH GÁC. (bước nhanh, vừa thôi tư huýt)

« Tuyt... tuyt... tuyt... » Im lặng ! (hét) IM LẶNG !

(Im lặng)

Các người nghe tôi nói đây ! Các người không phải là những tên tù như những tên tù khác. Các người là những tù nhân cao cấp (tiếng cười ngắn), thế nên các người phải giữ tư cách, biết tự trọng, dù trong cảnh ngộ nào. Hôm nay chúng tôi được tin lãnh tụ đích thân đến đây, rất có thể sẽ thanh tra hay tiếp xúc các người.

Tôi đây cũng không phải là tên canh gác như những tên canh gác khác. Tôi là một người canh cao cấp (Tiếng cười ồ lên hơn và dài hơn).

Đề giúp các người nhận định rằng sự vô trật tự của các người buổi sáng hôm nay là một cử chỉ vô ý thức, tôi bắt các người chịu một hình phạt : tất cả không được rửa mặt sáng hôm nay (một hai tiếng cười gếu, giọng, của mấy người hay cười) Vì thế tất cả nước múc sẵn đều bị đổ đi (vài thau nước bị đổ). Hình phạt nhỏ, nhưng các người hãy suy gẫm ý nghĩa của hình phạt.

(nước vẫn tiếp tục chảy thành tiếng). Hành động của tôi đồng thời chứng tỏ cho các người biết rằng tôi là một người có quyền. Còn một điều này nữa : chừng nào các người còn sống trong trại này, chừng đó các người còn thuộc tôi.

(Im ngắn. Người Canh Gác bước đi dầm dề. Không đợi gì đi khỏi...)

NỮ CAN PHẠM. (gọi vói, giọng bình tĩnh, rõ ràng) Anh cho tôi hỏi ! (Người Canh Gác bước dưng ngon tron, dừng lại ngay, rồi bước chậm về phía Nữ Can Phạm).

NGƯỜI CANH GÁC. (dành gót giày vào nhau chào theo kiểu nhà binh) Chào Bà ! Bà có điều gì hỏi tôi ?

NỮ CAN PHẠM. *(sửa lời, giọng hòa nhã nhưng vẫn oai phong)*

— Không, cô... Anh không thấy tôi còn trẻ sao?

NGƯỜI CANH GÁC. Vâng, thưa cô. Cô có điều gì hỏi tôi?

NỮ CAN PHẠM. Tôi là tù nhân, dưới quyền anh. Anh đừng phí lễ độ đối với tôi.

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi được lệnh phải lễ phép, nhất là đối với cô.

NỮ CAN PHẠM. Nghĩa là tôi được biết đây? Sao vậy?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi không được biết.

NỮ CAN PHẠM. Anh biết nhưng không được nói, phải không? Tôi hỏi nhưng không cần anh trả lời.

Thế tôi được phép rửa mặt sáng hôm nay không?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi sẽ cho đem nước lại bây giờ.

NỮ CAN PHẠM. Không, tôi cần hỏi cho biết. Tôi đứng sau cửa sắt hoàn toàn giống những người khác. Họ không rửa mặt thì tôi không rửa mặt. Tiện đây, tôi nói luôn anh biết ý muốn của tôi: tôi không muốn một đặc ân nào khác nữa. Tất cả chúng tôi phải như nhau.

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi ghi nhận và sẽ trình lại.

NỮ CAN PHẠM. Tôi có thể biết tôi hiện ở đâu không?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi rất tiếc không có ý kiến.

NỮ CAN PHẠM. Tường chung quanh đây, kiến trúc theo lối Tây phương, chứng tỏ được xây cất khá lâu, ước chừng dưới thời thực dân Pháp. Tường ở dưới chân có mùi đất hơn ở trên đầu, nếu tôi không lầm thì những căn buồng này ăn sâu xuống đất. Tôi biết bên ngoài nhà phải có cây cối rất nhiều hoặc là đá rất nhiều. Anh lấy làm lạ tại sao tôi biết như thế? Chút kinh nghiệm mà là ở trong rừng nhỏ, hoặc là ở ngoài ô, vì nếu ở giữa đô thành sẽ không lạnh đến thế này. Nói tóm lại, tôi bị biệt lập, khó lòng thoát, không cầu cứu với ai được. Tôi nói có sai điều gì anh chỉ hộ tôi.

NGƯỜI CANH GÁC. Xin khâm phục tài cô.

NỮ CAN PHẠM. Anh có thể cho tôi điều thuốc?

(Người Canh Gác lục lạo lưng lụng)

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi chỉ có thứ thuốc này.

NỮ CAN PHẠM. Không hề gì. Tôi hút được thứ đó. *(Tiếng bát lửa, phá khói).* Cám ơn anh. Anh có hiểu tại sao tôi bị giam cầm nơi đây không? *(không có tiếng trả lời)* Anh có hiểu tại sao tôi vừa bước ra khỏi phi cơ là có người

vồn vã mời tôi về thăm đây không? Hai năm sống ở hải ngoại về lại quê hương, chưa kịp gặp ai, chưa kịp thở hít không khí quê hương, đã bị giam cầm nơi đây. Anh có biết ai chủ trương bắt tôi?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi không có ý kiến.

NỮ CAN PHẠM. Cái này thì anh không biết thật. Anh không thể biết đích xác người nào chủ trương bắt tôi và với mục đích gì. Tôi, tôi biết. Anh muốn tôi nói cho nghe.

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi muốn lắm nhưng phải xin lỗi cô.

(Người Canh Gác bước đi, sau khi đánh hai gót giày chào. Vài tiếng xi xáo nổi lên. Phút sau, Người Canh Gác trở lại, cùng đi với một người nữa. Bước chân lại gần).

NỮ CAN PHẠM. Anh cho mang cái gì lại đây?

NGƯỜI CANH GÁC. Thưa... nước rửa mặt.

NỮ CAN PHẠM. Thế ra anh không kể lời tôi?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi có nghe lời cô nhưng chưa được lệnh mới về khoản này.

NỮ CAN PHẠM. *(giọng trịch thượng đột ngột)* Tôi truyền lệnh cho anh đổ ngay nước ra giữa nhà và trước mặt tôi.

(Im lặng ngắn, tiếng nước đổ xuống sàn nhà)

Anh làm thế tôi bằng lòng. Dù sao tôi phải xin lỗi anh về thái độ trịch thượng vô lối của tôi. *(một lát, bình giọng)*. Tại sao anh nghe lời tôi? Anh được lệnh phải nghe lời tôi?

NGƯỜI CANH GÁC. Trong chốc lát sẽ có một vị linh mục đến thăm cô.

NỮ CAN PHẠM. Một vị linh mục?

NGƯỜI CANH GÁC. Vâng. Một vị linh mục. Cô đừng hỏi gì thêm. Chào cô.

(Người Canh Gác bước đi, không quên đánh hai gót giày như những lần trước).

NỮ CAN PHẠM. *(gọi giật)* Hãy khoan. *(Người Canh Gác bước chậm, trở lại)*. Tôi chỉ hỏi một câu rất lạc đề. Tại sao anh chào tôi theo kiểu nhà binh bằng cách đánh hai gót giày lại với nhau?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi quên mất.

NỮ CAN PHẠM. Quen là quen thế nào? Anh mặc thường phục kia mà.

NGƯỜI CANH GÁC. Nghĩa là...

NỮ CAN PHẠM. *(ngắt lời)* Nghĩa là anh tùy cơ ứng biến, có thể là nhà binh có thể là thương dân. Thế chứ gì? Anh có vẻ ân hận đã để lộ cho tôi một bí mật về con người của anh. Khỏi lo, lần sau nhờ thận trọng hơn là đủ.
(Có người lại, đi giày nhẹ và bước khoan thai).

NGƯỜI CANH GÁC. Thưa Cha. Đây là vị linh mục tôi vừa nói với cô. *(Tiếng xích khóa khua leng keng. Cửa sắt dầy kêu rít)*. Mời cha vào. Con để cha tiếp xúc với cô. *(bỏ đi)*.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Chào cô.

NỮ CAN PHẠM. Không dám, chào cha. Ai bảo cha đến đây và cha đến đây để làm gì?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Chúa bảo cha đến đây.

NỮ CAN PHẠM. Có một điều tôi xin nói ngay để cha rõ: tôi sẽ xưng hô theo cách của tôi. Cha đừng lấy thế làm chối tai.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Người tu hành không cầu chấp. Tôi cũng bắt chước cô xưng hô thế này cho tiện.

NỮ CAN PHẠM. Cha biết tôi vô đạo?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Điều đó cha biết, tôi biết.

NỮ CAN PHẠM. Thế cha đến đây làm gì? Nếu cha đến đây để an ủi thì cha nhầm lớn. Cha làm tôi khó chịu thì có.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Tôi biết sự hiện diện của tôi vô ích thật, song tôi đến đây thế theo lời yêu cầu của một người.

NỮ CAN PHẠM. *(đi đi lại lại)* Hay nhỉ! Cha hành động theo lời của một người; còn tôi, đương sự, thích hay không, cha bất cần. Hừ! Cha có thể cho tôi biết người đó là ai không?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Người yêu của cô.

NỮ CAN PHẠM. Cha nói lại? Người yêu của tôi?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Đúng thế. Người yêu của cô.

NỮ CAN PHẠM. *(cười)* Cảm động thật *(nghiêm trở lại)* Cha có biết tôi xa quê hương đã hai năm, vừa mới trở về nước hôm qua là bị tóm cổ vào đây không?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Tôi có nghe, Tôi còn biết về cô nhiều hơn nữa.

NỮ CAN PHẠM. Hân hạnh. Cha tài lắm, biết rất nhiều chuyện về người đời.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Đó là bổn phận thiêng liêng Chúa giao phó chúng tôi. Tôi biết đạo nhưng vẫn không quên đời.

NỮ CAN PHẠM. Cha lặp lại câu cuối cùng cho tôi nghe.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Tôi nói : tôi biết đạo nhưng vẫn không quên đời.

NỮ CAN PHẠM. Cha nói chỉ lý.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Cô có chắc hiểu đúng ý tôi muốn nói không đã ?

NỮ CAN PHẠM. Ý cha muốn nói thế nào ?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Tôi nói không quên đời ở đây có nghĩa vẫn bận tâm đến những vấn đề ở đời, chứ không phải là lưu luyến với đời tục lụy.

NỮ CAN PHẠM. Chính ý tôi cũng như thế. Vì vậy cha đừng đề cập đến người yêu của tôi. Tôi không muốn nói đến, tôi không có. Cha nghe không ? (một lát) Xin lỗi cha. Người đó là ai thế ?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Sao cô đi hỏi tôi ? Cô thừa biết là ai sao còn phải hỏi ? Vả lại chính ông cũng không nói rõ vì tin thế nào cô cũng đoán biết.

NỮ CAN PHẠM. Cha định an ủi gì tôi thì an ủi đi.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Cô đã rõ quyết định của họ đối với cô thế nào chưa ?

NỮ CAN PHẠM. Không, chưa ai nói cho tôi.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Trời ! Cô cần phải can đảm hơn lúc nào hết.

NỮ CAN PHẠM. Cha yên tâm. Họ định hành quyết tôi phải không cha ? Tôi đã đoán thế chứ phải không đâu. Chừng nào họ giết tôi ?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Sáng mai.

NỮ CAN PHẠM. Sao cha biết ? Tại sao cha lại là người được chỉ định đem tin cho tôi ?

NGƯỜI THỨ NHẤT. Tôi vẫn tưởng cô biết rồi.

NỮ CAN PHẠM. (bỗng cười đơn). Cha khoẻ già vờ lắm.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Cái gì làm cô ngờ vực tôi ?

NỮ CAN PHẠM. Cha hãy nhìn cái người kia kia (Tiếng bước chân qua lại trước cửa) Chính anh chàng canh gác đó đã tổ giác lý lịch của cha.

NGƯỜI THỨ NHẤT. Cô có biết cô đang chụp mũ tôi một cách khác nghiệt không ?

NỮ CAN PHẠM (giọng kẻ cả). Anh đóng kịch được đến thế là xuất sắc lắm rồi, hãy tốp lại, đừng gượng thêm nữa đâm ra lộ bịch (Người Thứ Nhất vàng vọt bỏ đi). Hãy khoan. Tôi hỏi : anh là ai, đến đây dò xét tôi ? Ai ra lệnh cho anh ?

Tôi muốn biết tên người đó. (Người Thứ Nhất bỏ cửa nhanh, đóng cửa sắt đánh rầm)

(nói một mình) Hừ! lão gan thật! Dám tính qua mặt ta

Nhưng sao nổi.

(gọi) Anh lại đây cho tôi hỏi ?

(Người Canh Gác bước lại) Anh cho tôi điều thuốc nữa được không?

NGƯỜI CANH GÁC. (lục lạo) Vâng, có đây. (liếng bật lửa, phả khói)

NỮ CAN PHẠM. Cám ơn anh. Anh biết người vừa rồi là ai không?

NGƯỜI CANH GÁC. (loay hoay với xích khóa) Tôi không quen với linh mục đó !

NỮ CAN PHẠM. Không phải linh mục. Chỉ là thứ giả hiệu đấy thôi. Tôi quan sát biết, có điều tôi đã làm cho ý tưởng là rằng chính anh đã tố giác.

NGƯỜI CANH GÁC. Cô nói thật hay đùa đấy ? Sao cô có thể làm như thế được ?

NỮ CAN PHẠM. Tôi còn có thể làm nhiều điều tệ hơn nếu cần. Nó nghe lời tôi tin anh và tố giác nó thật. Nguy cho anh đến nơi.

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi không hiểu tại sao cô cố tình hại tôi.

NỮ CAN PHẠM. Tôi không cố tình hại anh chút nào. Anh thừa hiểu lúc sinh tồn cứu người này phải hại người kia. Tôi tự vệ vô tình chạm phải anh, đó là một rủi ro cho anh ngay ý muốn của tôi. (một lát) Can đảm lên nào ! Anh chết cũng chết sau tôi mà. Anh sẽ phụ trách việc tôi hay người khác ?

NGƯỜI CANH GÁC. Ai bảo cô rằng cô sắp bị đem ra xử ?

NỮ CAN PHẠM. Anh chàng ấy.

NGƯỜI CANH PHẠM. Bao giờ ?

NỮ CAN PHẠM. Sáng mai.

NGƯỜI CANH GÁC. Cô vẫn bình tĩnh như thường ?

NỮ CAN PHẠM. Khi giới duy nhất của tôi bây giờ là bình tĩnh. Tôi sống và nghĩ trọn vẹn từng phút cho đến khi dao cứa hay đạn vào tim mới thôi. (một lát) Tôi chỉ yêu một điều : bao giờ lãnh tụ của anh đến đây, anh ngay cho người rõ là tôi muốn gặp người tức tốc. chỉ yêu cầu anh chừng đó. Anh nhớ cho tôi.

NGƯỜI CANH GÁC. Cái đó tôi có thể thi hành. Trong khi chờ đợi, hãy chuẩn bị tiếp một người khách nữa trong chỗ

NỮ CAN PHẠM. ai ?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi không rõ. Chỉ thấy có ghi trong chương trình thăm viếng. Nhưng tôi muốn nói...

NỮ CAN PHẠM. Anh cứ nói.

NGƯỜI CANH GÁC. Có cách gì giải oan cho tôi không?

NỮ CAN PHẠM. Trước hết anh hãy tạo cơ hội cho tôi tiếp kiến lãnh tụ của anh, sau đó tôi sẽ hết sức tôi. Thành công hay không, tôi không hứa. Ngay mạng tôi như chỉ mảnh treo chông đây, anh biết chứ!

(Có bước chân ở xa)

Kia kia! Sao lắm nhân vật thế này?

(Bước chân lại gần)

NGƯỜI CANH GÁC. Thưa thầy. Tôi trách nhiệm canh phòng nơi đây. Thầy có giấy tờ gì cần xuất trình không?

NGƯỜI THỨ HAI. Tôi có đây.

(Giấy kêu một lát)

NGƯỜI CANH GÁC. Mời thầy vào.

(Tiếng mở khóa. Cửa sắt rít)

NỮ CAN PHẠM. Vạn hạnh. Vừa rồi tôi được một ông linh mục đến hỏi han. Bây giờ thêm một vị...tôi biết gọi thế nào bây giờ?

NGƯỜI THỨ HAI. Có gọi tôi là thầy thôi là đủ.

NỮ CAN PHẠM. Dám xúc phạm thầy mà hỏi ngay: Thầy là người tu hành thật hay giả hiệu?

NGƯỜI THỨ HAI. Có tha hồ điều cợt. Kẻ tu hành chúng tôi không nổi giận: đó là một lời răn giới của nhà Phật.

NỮ CAN PHẠM. Tôi không có ý điều cợt hay thỏa mạ. Tôi hỏi thế là vì tôi kinh nghiệm. Vị linh mục vừa ra khỏi nơi đây chỉ là một người lợi dụng tấm áo đen?

Tôi xin hỏi nhà sư câu mà tôi đã hỏi người kia: thầy đến đây để làm gì và ai khiến thầy đến.

NGƯỜI THỨ HAI. Một người mời tôi đến đây. Tôi không biết rõ là ai nhưng người mời tôi bằng một giọng thành khẩn.

NỮ CAN PHẠM. Lại một người! Người đó thành khẩn nhưng tôi không.

NGƯỜI THỨ HAI. Có đuổi tôi, tôi đi ngay vậy.

NỮ CAN PHẠM. Thầy biết tôi là một kẻ vô thần chứ?

NGƯỜI THỨ HAI. Tôi không biết nhưng tôi không quan tâm. Có vô thần, có là người theo Ki-tô giáo hay đa thần, tôi thiết tưởng vẫn không quan trọng bằng điều có là một con người.

NỮ CAN PHẠM. Thầy có biết ngày mai tôi chết?

NGƯỜI THỨ HAI. Thật sao? Tôi không biết. Cô có sợ hãi không?

NỮ CAN PHẠM. Ở vào địa vị tôi, thầy có sợ hãi không?

NGƯỜI THỨ HAI. Thú thật chừng nào ở địa vị của cô, tôi mới nổi. Tôi không dám quả quyết tôi sẽ bình tĩnh như cô. Cô làm tôi khâm phục lắm. Như vậy dù như cô bảo, cô đã đạt được đức tính vô úy của bậc đức đạo chân không lòng mình để sửa soạn luân hồi. Bây giờ cô hãy quý xuống chấp tay sát.

NỮ CAN PHẠM. Thầy miễn cho việc sau.

NGƯỜI THỨ HAI. Cũng không hề gì đâu, cô. Đó chẳng qua là thức giả tướng. Điều cốt yếu là tâm kia. Cô hãy niệm thầm ở trong lòng. (Im lặng) Cô đang ngời gì đấy? Cô hãy cầu nguyện cho cô, cho đình, bạn bè, người yêu...

NỮ CAN PHẠM. Tôi không bao giờ cầu nguyện cho tôi. Tôi chỉ động cho tôi, nhiều cho tôi. Điều tôi rất lấy ân hận. Đáng lẽ tôi phải hành động cho người khác nữa kia. Tôi là một kẻ vị kỷ, đầy tham vọng. Tôi có gia đình. Tôi không có người yêu. Đòi tôi thiếu tôi muốn nói bạn đừng nghĩ. Hay tại tôi không kiểm, hay tại tôi không biết làm cho người khác bạn bè, thành anh em, thành gia đình? Hiện giờ tôi không bận tâm đến lý lịch của thầy, không cần một nhà sư. Tôi chỉ cần một người. Nếu thầy có thể là người đó thì tôi sẽ nhờ thầy việc.

NGƯỜI THỨ HAI. Tôi tôn trọng ý muốn của cô và sẽ hết sức phạm vi khả năng của tôi.

NỮ CAN PHẠM. Tôi nhờ thầy trao lá thư này cho người chủ trước cóc tôi. Thầy cố gắng tìm cho ra và trao tận tay (Một phong thư được chuyển tay. Tiếng bước chân gần)

NGƯỜI CANH GÁC. Lãnh tự đưa lá thư này cho thầy. (đưa thư)

NGƯỜI THỨ HAI. Cảm ơn anh.

NGƯỜI CANH GÁC. Người muốn thầy bóc thư đọc ngay liền bây giờ?

NỮ CAN PHẠM. Nghĩa là đọc ngay trước mặt tôi. Ý của lãnh tự là có phải không ông bạn?

NGƯỜI CANH GÁC (cộc lốc). Tôi không biết. Không việc gì để (Tiếng động bóc thư)

NỮ CAN PHẠM. Ui dai mới bạn đó sao bây giờ đổi nhanh thế?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi không hề là bạn của bà.

NỮ CAN PHẠM. Thầy đây là bạn của tôi. Anh không thích làm bạn của tôi, nhưng tôi cũng không thích anh gọi tôi bằng bà nghe già lắm.

NGƯỜI THỨ HAI. Tôi phải kiểu cô ngay bây giờ. Không biết chừng đây là lần cuối chúng tôi gặp cô. Chúc cô giữ can đảm và bình tĩnh như cô đã chứng tỏ cho tôi thấy.

NỮ CAN PHẠM. Thầy đừng quên lời nhờ cậy của tôi.

NGƯỜI THỨ HAI. Cô yên lòng. Đó là việc đầu tiên tôi nghĩ tới. Chào cô.

(Nữ Can Phạm đáp lễ và Người

Thứ Hai bước đi, đi khuất)

NỮ CAN PHẠM. Anh không sợ chim bay còn chờ đợi gì không khóa lỏng lại?

NGƯỜI CANH GÁC. Lát nữa cô sẽ được ra gặp Lãnh Tự.

NỮ CAN PHẠM. Cảm ơn anh. Như thế mới là bạn chứ. Anh hết thích là bạn của tôi nữa thật sao?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi nghe lời cô nên thận trọng.

NỮ CAN PHẠM. Có lý, nhưng bây giờ thận trọng có chậm lắm không?

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi xin cô. Cô bụng dạ nào mĩa mai tôi?

NỮ CAN PHẠM. Anh tưởng tôi mĩa mình anh? Chúng ta đã cùng chung số phận, hãy nhớ lấy!

NGƯỜI CANH GÁC. Thế nghĩa là cô không nhận lời bảo chữa cho tôi để mặc tôi bị nguy hại sao?

NỮ CAN PHẠM. Anh sợ chết lắm hả? Anh quên anh là một người canh gác cao cấp à?

NGƯỜI CANH GÁC *(khô sở)*. Tôi xin cô *(bước đi)*.

NỮ CAN PHẠM. Anh đi đâu đây? *(Người Canh Gác dừng)*.

NGƯỜI CANH GÁC. Không, tôi đứng đây. *(lớn giọng)* Tất cả các người hãy nghe tôi nói *(tiếng động lao xao Người Canh Gác đưa tu huýt lên thổi)* Com trưa hôm nay, các người ăn sớm vì ban hỏa đầu có công tác bất thường phải vắng mặt. Trước khi các người đi đến phòng ăn, tôi muốn nói với các người vài lời.

Hồi nầy tôi có nói câu : chừng nào các người còn sống trong trại này, chừng đó các người còn trực thuộc tôi. Các người cho tôi rút lại câu nói vì bây giờ nghĩ kỹ tôi thấy nói như thế là sai. Tôi muốn sửa lại và nói như thế này ; tôi muốn là bạn của các người chứ chẳng phải người canh gác cao cấp gì hết. (Im lặng tuyệt đối chung quanh). Tôi muốn làm bạn với các người, mặc dù tôi vẫn ở ngoài cửa sắt còn các bạn bên trong cửa sắt. Tôi muốn một ngày nào đó chúng ta sẽ gặp gỡ nhau ở một nơi nào khác để coi hơn, nhưng tôi chỉ sợ ngày nào đó chúng ta không còn đầy đủ mà thôi, hoặc là thiếu một vài người trong các người, hoặc là thiếu tôi. Tôi... (ngập ngừng) tôi không nói gì thêm.

(Bước đi. Xích sắt, cửa sắt lần lượt mở. Bước chân nhiều người xê dịch về một hướng, bằng phẳng)

NỮ CAN PHẠM. Tôi có được đi ăn không?

NGƯỜI CANH GÁC. Mời cô theo tôi lên Lãnh Tự.

(Hai người vừa đi vừa nói)

NỮ CAN PHẠM. Vừa rồi anh nói nghe được lắm.

NGƯỜI CANH GÁC. Sao cô bình tĩnh thế, quả tình tôi hiểu không nổi. Cô xứng đáng làm lãnh tự.

NỮ CAN PHẠM. Anh nói thế có chết tôi. Nếu lúc nào anh cũng nói được như vừa rồi, anh có thể làm lãnh tự. Anh có được tình của nhà lãnh tự theo lối mới.

NGƯỜI CANH GÁC. Cô nói nhỏ lại. Tôi đã làm nguy, cô còn bông lòn thêm vào nữa.

NỮ CAN PHẠM. Chưa lúc nào tôi nói nghiêm trang như lúc này. Anh có nói mấy câu làm tôi nghĩ ngợi. Đúng như lời anh, lúc này hơn lúc nào hết cần phải có một tình bằng hữu rộng rãi mới cứu vãn nổi tình thế. Tiếc rằng anh nói có chậm nhưng may anh đã nói lớn cho nhiều người nghe. Tôi cũng nghĩ ra được bao nhiêu điều, tôi sẽ tiếp lời anh nói lớn cho lãnh tự của anh nghe.

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi khuyên cô bỏ ý định đó đi.

NỮ CAN PHẠM. Anh can đảm, lẽ nào tôi không can đảm.

NGƯỜI CANH GÁC. Đây, mời cô vào.

(Tiếng cửa mở. Hai người vào phòng)

NỮ CAN PHẠM. Lãnh tụ của anh tâng hình ở đâu ?

NGƯỜI CANH GÁC. Mời cô ngồi. Xin chào cô.

NỮ CAN PHẠM. Tôi muốn biết thêm vài điều.

NGƯỜI CANH GÁC. Tôi rất tiếc. Nhiệm vụ của tôi đến đây chấm dứt. Tôi... tôi rất phấn khởi được gặp cô.

(Người Canh Gác bước đi, lần này đánh hai gót giày lại với nhau và «Xin chào cô». Tiếng bước chân vừa xa thì đã nghe bước chân khác lại gần)

NHÀ LÃNH TỤ. Tôi vừa đọc xong lá thư có gửi. (im lặng ngắn). Chúng ta sẽ thảo luận về nội dung của nó sau. Tôi phải xin lỗi cô thành thật xin lỗi cô về cách mời thiếu nhã nhặn. Tôi được tin có về nước nhưng vì thiếu nhà hiểu mục đích hồi hương của cô nên không lòng chậm trễ.

NỮ CAN PHẠM. (chậm, rần rở). Anh đừng dông dài, chúng ta biết nhau quá nhiều rồi.

NHÀ LÃNH TỤ. Trang nói thế, tôi yên lòng. Chúng ta có thể vẫn tốt hơn và cởi mở hơn.

NỮ CAN PHẠM. Trước hết anh nói rõ nguyên do vụ bắt cóc này, anh hãy nói rõ nguyên do số một của vụ kít-náp này.

NHÀ LÃNH TỤ. Lý do có nhiều, trong đó có lý do tình cảm. Tôi muốn gặp Trang.

NỮ CAN PHẠM. Anh cho rằng chỉ có cách bắt cóc tôi mới gặp tôi được?

NHÀ LÃNH TỤ. Tôi mất liên lạc với Trang nên không chắc Trang vẫn là bạn. Vì thế tôi muốn mở cuộc đối thoại cấp bách.

NỮ CAN PHẠM. Và sau đó, nếu anh thấy tôi không đồng ý với anh, anh sẽ thanh toán tôi?

NHÀ LÃNH TỤ. Làm sao chuyện đó có thể xảy ra được? Trước đây hai năm Trang đã là một đảng viên nhiều sáng kiến và nhiều thành tích hoạt động.

NỮ CAN PHẠM. Tôi không thích anh nhắc lại những thành tích hoạt động của tôi. Hoạt động thì có hoạt động. Tôi hoạt động nhiều quá đến nỗi không có đủ một khoảng thời gian nghỉ ngơi đủ để chiêm khảo, để tự hỏi xem mình hoạt động những gì và cho ai.

NHÀ LÃNH TỤ. Trang chưa bao giờ đi lệch tôn chỉ của đảng phái.

NỮ CAN PHẠM. Tôn chỉ đảng phái chúng ta có gì, gồm những điểm nào anh nói lại tôi nghe?

NHÀ LÃNH TỰ. Lẽ tất nhiên tôi phải biết và tôi phải nhớ ! Trả lời đối với tôi không khó gì cả, nhưng tại sao cô muốn tôi trả lời ?

NỮ CAN PHẠM. Tôi biết anh thuộc nằm lòng những câu trả lời như thánh kinh nhưng anh hãy cân thận: Chúng ta đã từng chủ trương chống xâm lăng, chúng ta đã từng hô hào toàn dân đoàn kết, chúng ta đã từng hoạt động cách cách mạng xã hội. Năm nay anh bao nhiêu tuổi ? Bốn mươi ? Nghĩa là anh đã mạnh dưới chế độ thực dân Pháp và quân phiệt Nhật. Trong hai thời kỳ đó, có thể nói anh đã sống nghịệt ngã, tranh đấu xả thân, nghĩ lại tôi bái phục anh vô cùng. Chúng ta đã thành công tốt đẹp với mục đích đấu tranh vì dân tộc. Nhưng bây giờ thế nước đã chuyển mình, chúng ta vẫn không thay đổi, thật chẳng thức thời chút nào cả. Chúng ta vô tình phản bội quá trình đấu tranh của chúng ta. Tôi thiết tưởng chúng ta nên tự xóa mình đi, như thế còn giữ vẹn giá trị lịch sử của đảng phái. Nhược bằng chúng ta còn tâm hoạt động thì phải có kế hoạch mới đi sát với thực tế của hoàn cảnh. Anh hô hào toàn dân đoàn kết ? Đồng ý ! Nhưng bằng cách nào ? Trong khi anh vẫn nằm trên bao tiện nghi, trong khi tôi bỏ nước du học, thì đa số đồng bào chúng ta sống trong tình cảnh cũ, bây giờ lại còn thêm nhiều thứ lo sợ. Anh đã là người cách mạng tiên phong, anh nghĩ cách nào cho đồng bào anh bớt lo sợ mà thêm no ấm... Anh bắt người này, thanh toán người kia, chứng tỏ anh không có chương trình, hay chỉ là một chương trình hẹp hòi không có kích độ quốc gia, chỉ có những mục tiêu gần gũi, giải quyết những hận thù riêng lẻ mà quên bằng những kẻ thù địch danh.

Chúng ta cùng một đảng phái còn bắt bỏ thanh toán nhau thế này làm người ngoài chán chờ, nói chi đến chuyện kết nạp đảng viên !

Đảng viên của anh ngày nay là những người mạo danh nghĩa được phái đến dò xét tôi đây ư ? Mai tôi chết hôm nay tôi vẫn nói lớn. Đến lượt anh, nói gì anh nói đi.

NHÀ LÃNH TỰ. Tôi muốn biết mục đích sự trở về của cô trước khi đối thoại với cô.

NỮ CAN PHẠM. Tôi có nói ra anh cũng chẳng tin. Anh kiên nhẫn chờ đợi trong ngày nay hay ngày mai sẽ có điện tin khẩn

cấp của anh tổng lãnh tụ ở hải ngoại gọi về nói tất cả cho anh rõ.

NHÀ LÃNH TỤ. Sao cô biết nay mai tôi sẽ nhận được điện tín của tổng lãnh tụ ?

NỮ CAN PHẠM. Tôi trở về đây là thừa lệnh tổng lãnh tụ nên tôi biết. Bây giờ tôi hỏi anh: bằng cách nào anh biết tin tôi trở về mà tiếp tôi chu đáo thế này ?

NHÀ LÃNH TỤ. Tôi có hệ thống đưa tin riêng.

NỮ CAN PHẠM. Khoa học lắm nhưng đáng tiếc.

NHÀ LÃNH TỤ. Tiếc ?

NỮ CAN PHẠM. Tiếc tài của anh đặt lệch lạc. Cá nhân tôi có nghĩa lý gì để được anh chiếu cố đường ấy ?

NHÀ LÃNH TỤ. Có vấn can đảm như hai năm về trước. Trong hoàn cảnh này cô còn nhục mạ tôi, mỉa mai tôi.

NỮ CAN PHẠM. Anh là người hiền tôi hơn hết, đừng vờ ngạc nhiên.

NHÀ LÃNH TỤ. Tôi hiền cô hơn hết, phải, nhưng hồi trước kia.

NỮ CAN PHẠM. Về phía tôi, tôi cũng tin tôi là người hiền anh hơn hết có thể tôi mới mạo hiểm nói tất cả với anh. Là thật tôi vẫn không hiền, tại sao chúng tôi không cộng tác với nhau ?

(Rất nhiều bước chân kéo rầm rập bên ngoài phòng)

NHÀ LÃNH TỤ. Tôi sẽ trả lời. *(Có tiếng gõ cửa)* Vào ! *(Cửa xích mở một người xuất hiện)*

NGƯỜI THỨ BA. Thừa lãnh tụ, tất cả đều sẵn sàng.

NHÀ LÃNH TỤ. Sẽ có một người phải chết vì phản đảng. Kẻ đã vô tình hay cố ý cho cô rõ tung tích một đảng viên của tôi sẽ đền tội trong chốc lát.

NỮ CAN PHẠM. *(giật mình)*. Người canh gác ? Không, lãnh tụ hãy để tôi nói về trường hợp người này, không thể giết anh ta được.

NHÀ LÃNH TỤ. Cô phí lời vô ích. Chậm quá rồi. Có thể tôi nhầm lẫn, dù sao tôi đã quyết định. *(với Người Thứ Ba)* Tôi muốn tất cả tù phạm được dẫn ra chứng kiến cuộc xử bắn. *(Tiếng đáp: «Tuân lệnh» rồi bước chân trở ra)*

NỮ CAN PHẠM. *(như nói một mình)*. Tôi nhầm lẫn ...
(Nhưng tiếng bước chân kéo rầm rập bên ngoài một lát. Rồi im lặng ngấm một tràng tiếng súng tiếp theo)

NHÀ LÃNH TỰ. Có nhầm lẫn. Rất có thể tôi cũng nhầm lẫn trong vụ xử bản này. Có điều gì muốn nói về trường hợp người canh gác?

NỮ CAN PHẠM. Chúng ta nhầm lẫn. Chúng tôi vẫn là những con người con người của nguyên tắc. Sống với nhau vẫn giữ miếng nhau, nghi kỵ, thanh toán nhau.

NHÀ LÃNH TỰ. (to tiếng) Cô đã nói những lời đó rồi, tôi không muốn nghe nhắc lại.

NỮ CAN PHẠM. Thôi rồi! anh đã bắt đầu sự ngược sự thật! Chắc anh sợ luôn cả soi bóng trong gương, sợ bạn bè, sợ đàn bà... Anh đã bắt đầu...

NHÀ LÃNH TỰ. (dập bàn rầm, quát) Im! (bình giọng) Tại sao cô chú ý đến người canh gác?

NỮ CAN PHẠM. Nó đáng chú ý. Ít nhất nó có nhiệt huyết, khá hơn cả.

NHÀ LÃNH TỰ. (lại to tiếng). Khá hơn cả tôi nữa chứ gì?

NỮ CAN PHẠM. Tôi không nói câu đó. Tôi biết tôi là một cái gai trước mắt anh, sớm muộn gì anh cũng phải nhổ nó đi. Tôi muốn thổ lộ với anh một điều, ngay bây giờ, kéo sự biết đâu không gặp anh lại: tôi về đây là muốn cộng tác với anh. Sở dĩ tôi giữ được bình tĩnh dù biết rằng sắp chết là vì tôi mang trong người một đức tin mới, dĩ nhiên đức tin không có tính cách tôn giáo.

Tôi tin tôi tìm ra một lý tưởng mới, thích hợp hơn và nhân bản hơn. Tôi càng tin tưởng khi gặp người canh gác mà anh vừa xử bản. Bản lãnh nó còn non kém thật thế nhưng nó có lòng. Nó linh cảm hình phạt nên nó đứng giữa trại giam nói những lời cuối cùng với tất cả phạm nhân. Nếu anh chứng kiến nó nói! Nó chẳng khác nào một nhà thuyết giáo! Tất cả các phạm nhân sáng ngày vô trật tự bây giờ im phăng phắc. Anh lại còn dẫn họ ra chứng kiến cảnh nó bị xử bản. Đó là một điều nhầm khác của anh nữa. Anh tưởng họ thấy chết đâm sợ? Không. Cái chết vô lý đã làm nó trở thành anh hùng. Và cái chết của anh hùng trở thành một mối gọi.

Tôi ăn năn một điều: vì tôi mà nó chết.

NHÀ LÃNH TỰ. Nghĩa là thế nào?

NỮ CAN PHẠM. Người của anh có bị lộ tung tích là chỉ vì tôi tình mất khám phá ra. Anh quyết định máy móc và độc tài không cần tôi giải thích nên nó mới chết oan.

Tôi cũng sẽ chết, và còn nhiều người khác sẽ chết nữa dưới tay anh. Có lẽ đó là điểm độc đáo nhất.

Tôi hỏi anh thêm một lần nữa: có thể nào tôi cộng tác lại với anh không? Anh cho biết câu trả lời và điều kiện. Trả lời cho tôi rõ tức là anh thỏa mãn điều mong ước cuối cùng của tôi. (một lát) Anh có thể gọi tôi bằng Trang như lúc đầu cho được thuận tiện. Anh hãy tin tôi rằng, dù không đồng ý với hoạt động của anh, tôi vẫn giữ cảm tình đối với anh.

NHÀ LÃNH TỰ. Tôi cũng đã bảo một trong những lý do tôi muốn gặp lại Trang là lý do tình cảm. Như thế tình cảm của tôi đối với Trang coi như không thay đổi. Nhưng chúng ta có thể dung hòa những bất đồng ý kiến không.

NỮ CAN PHẠM. Tôi định ninh mục đích của chúng tôi vẫn là một. Mục đích cao cả của chúng ta cũng như của quốc gia là cách mạng, nhưng phải là một cuộc cách mạng rộng lớn và từ căn bản: đó là cách mạng xã hội. Chúng ta đang đi nhiều đường khác nhau. Vấn đề bây giờ là hãy chung nhau tìm con đường ngắn nhất, kiên hiệu nhất, thiết thực nhất để đi đến mục đích.

(Có tiếng gõ cửa. Người Thứ Nhất vào).

NGƯỜI THỨ NHẤT. Thưa lãnh tụ, có một điện tín hỏa tốc của tổng lãnh tụ. Ban liên lạc đang ghi nhận.

(Nhà Lãnh Tụ kéo ghế đứng dậy sửa soạn ra).

NỮ CAN PHẠM. Anh nhớ đề ý trả lời câu hỏi của tôi.

NHÀ LÃNH TỰ. Anh ở lại đây chờ tôi vào.

(Người Thứ Nhất đáp, tiếp theo Nhà Lãnh Tụ ra)

NỮ CAN PHẠM. Linh mục đã lừa gạt nhiều người rồi?

NGƯỜI THỨ NHẤT. (gắt) Tôi không muốn cô gọi tôi như thế nữa!

NỮ CAN PHẠM. Anh không có bản lãnh nên mới núp sau bình thờ giả trá để thị oai. Dù vô đạo, tôi vẫn có ác cảm với những kẻ lợi dụng tôn giáo cách này hay cách khác. Ta hãy đổi đề tài nói chuyện. Tôi không thù ghét anh dù mai anh bắn tôi. Tôi cho chỉ là một ngộ nhận, cũng như vừa rồi người canh gác chết là do một sự nhầm lẫn. Tuy nhiên chúng ta không thể nhầm lẫn mãi được tránh cho nhiều người cái chết vô lý.

Nếu lãnh tụ của anh sớm chấm dứt những lầm lẫn, ngay bây giờ chẳng hạn, tôi có phương thoát chết. Sau đó thì dù tôi sẽ trở thành một lãnh tụ của anh và ra lệnh cho anh. Mà không! tôi chỉ có thể trở thành một người bạn của anh thảo luận với anh và cùng đi kết nạp bạn bè khác.

(Cửa bật mở. Nhà Lãnh Tụ trở vào).

NGƯỜI LÃNH TỤ. Anh ra. (Bước chân rời) Đúng điện tín của tổng lãnh tụ.

NỮ CAN PHẠM. Nội dung điện tín thế nào, tôi biết được chăng?

NHÀ LÃNH TỤ. Có không biết thật hay cô vờ không biết?

NỮ CAN PHẠM. Tôi không biết.

NHÀ LÃNH TỤ. Cô vừa được chỉ định thay thế tôi. (Im lặng) Cô không ngạc nhiên? Có cũng không vui mừng?

NỮ CAN PHẠM. Tôi đang suy nghĩ. Tôi không muốn làm lãnh tụ. Tôi muốn làm bạn của anh, của tất cả các anh. Tôi cũng muốn anh gọi tôi bằng tên tôi như không có gì thay đổi. Tôi đợi hồi nhiều lắm chàng? Trông anh có vẻ không vừa lòng.

NHÀ LÃNH TỤ. Quyết định của tổng lãnh tụ quả bất ngờ. Nếu cô có một chứng minh thư hay ấn tín gì khác làm bằng chứng tôi mới dám tin.

NỮ CAN PHẠM. Anh tin hay không tin, tôi không thiết. Còn những thứ anh vừa hỏi tôi không có. Tôi chỉ mang về toàn những thư truân tượng; đức tin mới, và tình yêu quê hương trọng trách này?

NHÀ LÃNH TỤ. Cô đã làm gì để tổng lãnh tụ tin tưởng và giao phó?

NỮ CAN PHẠM. Tôi đã đến với tổng lãnh tụ và đã nói với người tất cả những gì tôi vừa nói với anh. Tôi thuyết phục được tổng lãnh tụ, không thuyết phục nổi anh. Tôi chỉ nói chưa làm được gì. Vì thế tôi mới hồi hương và lại trở về đây tôi biết sẽ gặp anh. Không ngờ gặp anh tôi thất bại.

NHÀ LÃNH TỤ. Tôi tin lời cô.

NỮ CAN PHẠM. Anh vẫn còn thì giờ ra lệnh hành quyết tôi nếu anh thấy tôi là địch thủ. Thế trông đơn giản hơn là sống trong tranh chấp.

NHÀ LÃNH TỰ. Có cái gì chứng tỏ đường lối đấu tranh của cô hợp lý hơn đường lối đấu tranh của tôi?

NỮ CAN PHẠM. Tôi chưa có bằng chứng thành công nhưng anh hiện có bằng chứng thất bại.

NHÀ LÃNH TỰ. Có muốn nói tôi thất bại còn có thành công. Công lao tôi bao nhiêu năm chẳng bằng những lời vu vơ của cô! Và cô chờ đợi tôi trôi mất suy tôn làm lãnh tụ một kẻ đã mất liên lạc với quê hương như cô! Biết đâu cô chẳng cấu kết với Tổng Lãnh Tự để mưu đồ việc gì đây?

NỮ CAN PHẠM. Anh đừng quần trí! Mỗi một lời vừa nói đã đủ giết anh rồi. Tôi không muốn anh chết, tôi cũng không muốn anh thốt những lời không xứng đáng thế kia!

NHÀ LÃNH TỰ. Cô ra lệnh cho tôi? Cô bắt đầu ra lệnh cho tôi?

NỮ CAN PHẠM. Anh chưa hết ngờ vực thiện chí của tôi.

NHÀ LÃNH TỰ. Không ngờ vực sao được khi bỗng đứng từ địa vị phạm nhân có trở thành lãnh tụ của tôi?

NỮ CAN PHẠM. Tôi không sợ ước cái nghề lãnh tụ. Tôi muốn là bạn của các anh. Anh muốn tôi nhắc đi nhắc lại bao nhiêu lần nữa?

Trông anh sầm người theo cái âm ảnh thanh toán tôi
Tôi có bao giờ sợ chết đâu. Nhưng hãy coi chừng! Anh sẽ chịu nhiều thiệt hại.

NHÀ LÃNH TỰ. Có hăm dọa tôi?

NỮ CAN PHẠM. Thiệt hại thứ nhất: ngay từ phút này tôi là lãnh tụ của anh trên nguyên tắc. Tôi đề cho anh giết tôi, liệu đảng có đề anh yên không?

NHÀ LÃNH TỰ. Có tưởng tôi...

NỮ CAN PHẠM. Để tôi nói nốt. Nếu anh chịu khó ra ngoài đi xuống các buồng giam, anh sẽ chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ. Tất cả phạm nhân bây giờ đều im lặng, một thứ im lặng của núi lửa chưa đến kỳ hoạt động. Họ đang nghĩ đến lời nói của Người Canh Gác và hành động sát nhân của anh. Phút này kể đi, anh hãy đề phòng, từ bốn phía lực nào cũng có người chực nhảy vọt lên lưng anh. Điều thiệt hại thứ hai cho anh đấy!

Chưa hết! Cuối cùng, anh mất sạch bạn bè, trong đó dĩ nhiên có tôi.

(Nhà Lãnh Tự nhấc tay. Một hồi chuông reo. Người Thủ Bạ vào).

NHÀ LÃNH TỰ. Anh hãy đưa cô này về chỗ cũ để chờ quyết định.

NGƯỜI THỨ BA. Tôi không dám.

NHÀ LÃNH TỰ. Không dám là thế nào?

NGƯỜI THỨ BA. Tôi không dám hỗn với tân lãnh tụ. Ban liên lạc đã thông tri cho mọi người rồi.

(Im lặng nặng nề)

NỮ CAN PHẠM. Thôi anh hãy ra ngoài.

NGƯỜI THỨ BA. Tuân lệnh. *(Ra)*

NỮ CAN PHẠM. Tôi không biết dùng lời nào để nói với anh bây giờ vì tôi đã nói hết.

NHÀ LÃNH TỰ. *(Giọng nhẹ)*. Hết cả rồi, thật, nhưng chỉ đối với tôi.

NỮ CAN PHẠM. Không đâu. Anh hãy còn tôi.

NHÀ LÃNH TỰ. Tôi là kẻ thua cuộc.

NỮ CAN PHẠM. Tôi sẽ không để cho anh thua cuộc. Nay, chỉ mới bắt đầu. Lịch sử làm bằng bao nhiêu cái bắt đầu lại, sao anh vội nản? Hay anh cảm thấy mất thế diện vì tôi? Tôi vẫn là Trang của anh kia mà. Chúng ta là của nhau và của người khác cùng một lúc.

(Tiếng động bên ngoài. Nhiều người đồng thanh rập ràng: «Hoan hô tân lãnh tụ... Hoan hô tân lãnh tụ v.v.»)
Chúng ta phải đi ra.

NHÀ LÃNH TỰ. Có ra chứ tôi ra làm gì?

NỮ CAN PHẠM. Anh định ngồi đây suốt đời sao? Nhà chính trị biết lúc tấn lúc thoái. Anh phải ra và vui cười với mọi người. *(Cả hai đi ra ngoài. Ôn ào ngẩn rồi im lặng)* *(nói nhỏ)*
Anh hãy giới thiệu tôi cùng tất cả.

NHÀ LÃNH TỰ. Tôi bán hạnh giới thiệu cùng tất cả các người: tân lãnh tụ Trịnh Nữ Ngân Trang do Tổng Lãnh Tụ chỉ định bằng điện tín đánh từ hải ngoại hôm nay. Tôi vui lòng rút lui.

(Tiếng vỗ tay một được lát thì dứt)

NỮ CAN PHẠM *(nói nhỏ)*. Cảm ơn anh.
(với đám đông, hùng hồn) Hỡi tất cả các bạn cùng đảng và khác đảng phái.
Quyết định của Tổng Lãnh Tụ thật đột ngột đối với các bạn cũng như đối với tôi, nhưng không vì thế mà tôi ngần ngại tiếp xúc với các bạn. Dọc đường về nước

tôi nóng lòng gặp các bạn. Những điều cần thiết, tôi đã trình bày cùng lãnh tụ, chúng ta sẽ thảo luận sau. Điều tôi muốn nói trước cùng toàn thể, là: nếu chúng ta không làm cách mạng đích thực nổi, chúng ta đừng tư lừa dối và đừng lừa dối xã hội mà hãy rũ áo ra về làm công chức, làm thầy dạy học hay làm nhà buôn làm nhà xuất nhập cảng chẳng hạn, như thế mới là một việc làm ngay thẳng và hữu ích.

Còn nếu chủ trương cách mạng xã hội thì ngay bây giờ phải đi với dân và trước khi đi với dân chúng ta hãy đi với nhau, nghĩa là mọi bất đồng ý kiến nội bộ phải được giải quyết tiên thiên.

Tôi không tham vọng làm lãnh tụ, tôi chỉ muốn làm bạn của tất cả các bạn, đúng như lời Người Canh Gác trước khi chết đã nói cùng chúng ta. Thân ái chào các bạn.

(Tiếng hoan hô và vỗ tay rền lâu)

NGUYỄN-PHƯỚC

dàlat và quê hương

hãy cho anh mái tóc dài và nụ cười buồn
buồn như Dalat mù sương
gần thiên nhiên nên anh nhiều suy tưởng
khung trời chùng gọi nhớ cố hương

em hãy mặc áo dài và quấn khăn san
đôi tay nhỏ hãy núp trong vạt áo
và chúng mình hãy cùng đi dạo
thêm nhớ nhung về Hà Nội điều tàn

sự hồi tưởng buông hồn vào mộng du
lạnh cao nguyên ôi kỷ niệm xưa cũ
gió heo may cây chìm trong sương mù
anh thăm ước mơ một cuộc hoán dụ

PHÙNG KIM - CHƯ

trước biển

Chiều ra ngó biển bờ vơ
Tàu ai ngủ vũng khối vờ vật xa
Bãi phơi dáng chuốt ngọc ngà
Ni non sóng động trời tà mệnh mỏng
Trông chim lượn trước vô cùng
Lại thương mình quá hải hùng hư vô
Biển ơi ! biển rộng không bờ
Lòng bao dung cả nhộp như cuộc đời
Đã không dâng nước sập trời
Còn cho sóng vỗ ru người phương xa

HUY-TRÂM

nhận diện

bởi hèn mọn như một loài cỏ dại
nên suốt đời gặm nhấm nỗi buồn đau
số phận đó tay lười lăm với hái
tình cũng tàn âm hưởng mến thương nhau

thân cỏ lá phù cho loài gió lửa
đã vô cớng chua xót đội trong tâm
trăm sợi máu xuôi chiều không chọn lựa
trăm lời kêu làm lớn nỗi âm thầm

trên cao sáng suốt đời tôi ngưỡng vọng
suốt đời tôi mở rộng ngõ linh hồn
mong ân sủng người chan niềm cuộc sống
cho thân tàn rêu cỏ tốt xanh hơn

niềm khao khát mọc đầy thêm số phận
nước trời xuôi cầu cầm lộng soi mình
muốn khấn nguyện cho cao thêm vùng trán
nhưng dại khờ đến đó rồi lộng thình

thôi phó mặc lũ đời ve vuốt bóng
mang tên loài cỏ dại hãy cong lưng
bởi vùng vẫy trong biển chiều động sóng
nên phủ phàng chìm xuống đáy ru tư

THÀNH TÔN
(Thấp Tỉnh)

NGUYỄN-DU NHƯ LÀ MỘT HUYỀN THOẠI

Thơ văn chữ hán của Nguyễn-Du như là chứng nhân sự
ảnh hưởng cuộc đời hiện thực, kỳ quái của ông trong đoạn
trường tân thanh.

G.S. THANH-LĂNG

Nguyễn Du sinh năm 1765 và mất ngày 10 tháng 8 năm 1820, chỉ
có 55 tuổi.

Cái con người sinh cách đây 200 năm và chỉ sống vồn vẹn có 55
năm ấy, đã trở thành một huyền thoại, một hiện tượng kỳ quái ở
ra đời.

Thực vậy buổi bình sinh, Nguyễn-Du đã phải lết ở giữa đời một
hữu quái gở, trong thái độ cảm lạnh. Nhưng trước khi chết, Nguyễn
Đã rít lên một tiếng kêu đứt ruột và chiếu hắt lên không gian và thời
gian một bóng người ghê sợ. Và từ cái ngày được chiếu hắt lên như vậy,
bóng người ghê sợ với tiếng rên rỉ nào nề ấy luôn luôn là lướt, chấp
lướt, gây nên không biết bao nhiêu là nồn nao giữa lòng xã hội.

Trong bài này chúng tôi sẽ lần lượt dựa vào thơ văn chữ
hán của Nguyễn-Du để phanh phui cái hiện hữu quái gở của ông
lại đi tìm trong tác phẩm *Đoạn trường tân thanh* cái bóng người
quái gở Nguyễn-Du đang chiếu hắt lên giữa đời kia gây nồn nao
trong lòng xã hội ra sao.

PHẦN THỨ I

Nguyễn-Du, một hiện hữu quái gở.

Trong khá lâu, để tìm hiểu CON NGƯỜI Nguyễn-Du, người ta hầu
hết chỉ dựa vào «Khúc Tĩnh ca đứt ruột»—vào câu Văn là người—
để suy đoán ra CON NGƯỜI Nguyễn-Du, rồi lại đi từ «Con người được
đoán ấy», để mà «lại giải thích lại khúc Tĩnh ca đứt ruột» của ông.

Công việc làm từ trước tới nay, theo chiều hướng ấy, không phải
không có nền tảng, nhưng vẫn có nhiều tình cách mơ hồ. Thơ văn chữ
hán của Nguyễn-Du mới tổ cáo thực chất quái gở của cuộc đời Nguyễn-

Du. Ông hầu như là người duy nhất không nói những cái người khác đã hay sẽ nói và cũng không nói bằng ngôn ngữ giống người khác.

Con người thực chất của Nguyễn-Du là tất cả những cái quái gở, bí ẩn, mâu thuẫn ấy và có lẽ tâm sự của Nguyễn-Du phải suy đoán từ đây chứ không hẳn như người ta nghĩ từ xưa đến nay :

Từ xưa người ta cho rằng Nguyễn-Du uất vì mang mối tình với nhà Lê mà miễn cưỡng phải sống cuộc đời hôn nhân giả tạo, ngoại tình với triều Nguyễn. Thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du là nhật-ký hàng ngày của đời Nguyễn-Du.

Trong suốt cả sự nghiệp thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du không có một nét nào cho ta thấy ông ghét Nguyễn và thương Lê. Ngay đến nhà Tây Sơn, Nguyễn-Du còn chẳng tỏ vẻ gì thù ghét, huống hồ là triều Nguyễn. Chẳng những nói đến hàng thần nhà Tây Sơn, Nguyễn-Du không dùng lời nặng nề mà còn dùng lời lẽ rất thanh-bình, tôn kính :

Tây Sơn chư thần mãn tọa tận khuynh đảo

Mà Nguyễn-Du còn đi ăn yến dự tiệc với các quan Tây Sơn như ông đã mô tả trong Long thành cầm giả ca.

Hơn thế, khi Tây Sơn thất bại, Nguyễn-Du còn như cảm thấy đau đớn, tiếc thương: Ông không có vẻ gì muốn nhìn sự tiêu diệt nhà Tây-Sơn như là một thành công, một giải thoát.

Tây Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong

Ngược lại, khi nhìn thấy tất cả cái cơ nghiệp vĩ đại của nhà Tây Sơn chỉ còn để lại có mỗi một ca sĩ già, Nguyễn-Du đau lòng nước mắt ướt cả áo :

*Thơnh quách suy dĩ nhân sự cải,
Kỷ xứ tang điền biến thương hải.
Tây Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong,
Ca vũ không dĩ nhất nhân tại.
Thuần tức bách niên năng kỷ thời,
Thương tâm văn sự lệ triêm y*

(Long thành cầm giả ca)

Ấy đối với Tây Sơn đã từng giết hại cả thân thích của mình, Nguyễn Du còn chẳng có vẻ gì ghen ghét mà hầu như còn có vẻ tiếc thương, huống hồ đối với nhà Nguyễn. Thực ra, trước khi Nguyễn Ánh diệt được Quang Toản, Nguyễn Du đã chạy vào Nam như muốn hợp tác với chúa Nguyễn. Có lẽ chính vì thế mà năm 1796, Nguyễn-Du bị Quang Toản bắt giam hơn ba tháng ở Nghệ An.

Như vậy các ức thuyết chu Nguyễn-Du hoài Lê hầu chắc là không nên tảng. Là người đồng thời với Ngô Thời Chí, tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí*, Phạm Đình-Hồ, tác giả *Vũ Trung Tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* Nguyễn-Du không có tư tưởng hoài Lê phản động như vậy được.

Hai tác giả này, đều đã vẽ lại Triều đình vua Lê chúa Trịnh bằng tông màu sắc đen tối, đầy giọng kết án.

Vậy thì những tiếng mà Nguyễn-Du dùng để mô tả tấm lòng ẩn chứa làm được công trạng gì để thờ phụng nhà vua, thì là vua nhà Nguyễn chứ không phải vua nhà Lê.

Trong bài *Giang đầu tản bộ* ông phản nản rằng tuổi đã cao, con hàng đàn rồi mà chưa trả được ơn vua thì sống có ích gì.

Quyên ai mặc bảo sinh hà hồ

Trong bài này ông nói ông đã già, tóc bạc phơ phơ, con cái, trai hàng đàn, và có chết cũng đành.

Bạch phát tiêu cò đạo bàng...

Nhi nữ thành quân tử bất phương

(*Giang đầu tản bộ II*)

Vậy thì lúc làm bài thơ này, ông đã phải đang làm quan với Gia-Long rồi. Còn bài *Nam quan đạo-trung* là bài ông làm khi vượt biên giới Trung-Hoa năm 1813.

Trong bài này, ông cũng có một câu tương tự như trên nghĩa là trách mình chưa đền đáp được ơn vua bao la như biển cả.

Quân ân tự hải hào vô báo

Như vậy thì cái tâm sự thâm kín, u uất, mà Nguyễn-Du như ẩn không biết nói với ai, hẳn không phải tấm lòng hoài Lê, mà phải là gì thâm thiết, gần liền với thân phận ông hơn.

Một con người đa cảm như Nguyễn-Du mà lại sinh vào cái thời đa tang-diếm như đời Trịnh-Sâm, Đặng-Thị-Huệ và lớn lên trong lòng xã hội đang tan rã đến chỗ thối tha, bán thừa từ Cung vua, Phủ chúa, triều đình, quan chức, cho tới hàng dân, chủ lính, thì làm sao tránh những sa đọa về sinh lý và tâm lý, ấy là chưa nói đến sa đọa về luân lý nữa. Những cảnh quan và lính triều đình đi cướp của dân gian hàng ngày, giết người hãm hiếp dân bà con gái giữa đường phố chợ, những việc quân lính gọi nhà Chúa ra mà mắng tát vào mặt, những cảnh Kiều Bình hùa nhau đón đường quan đại thần Hoàng-Đĩnh ấy câu liêm khoắc cổ kéo xuống đấm cho chết, những cảnh đối người chết đầy đường, đến nỗi người ta phải nấu cháo thịt người

để bán cho khách hàng như Phạm-Đình-Hồ đã ghi nhận, tất cả ngân ấy thử làm sao không đập mạnh vào tâm não người thanh niên đa cảm Nguyễn-Du, lúc ấy chưa đầy hai mươi tuổi.

Thêm vào đấy tình cảnh gia đình lại thêm thảm : Nguyễn-Du mất mẹ năm 11 tuổi, mất cha năm 13 tuổi, và phải ở với một mẹ kế khá cay nghiệt.

Nếu tập nhật-ký *Hận tình* mà Nguyễn-Đình-Ngân mới khám phá ra và quả quyết là của Nguyễn-Du có thật, thì Nguyễn-Du đã có mối tình giang giở với một cô lái đò tên là Nhật. Hai bên đã thề bồi lấy nhau mà sau này Nguyễn-Du bị bà kế mẫu phá và bắt phải lấy người trong họ hàng của bà. Cô lái đò Nhật kia có phải là cô ca sĩ Cầm mà Nguyễn-Du đã gặp và say mê vào hồi vua Quang-Trung còn sống không.

Dẫu sao ta cũng thấy giữa cô ca sĩ Cầm và Nguyễn-Du có những cảm thông thâm kín, sâu xa đã để lại trong đời Nguyễn-Du những yêu thương, si mê, và cả xót xa, tuyệt vọng. Và cuộc đời Nguyễn-Du cũng có cái gì mật thiết lắm đối với các cô gái làm nghề múa hát. Thơ văn chữ Hán của ông nói luôn đến bọn họ với tất cả tru mê, xót xa. Ngàn ấy thử cho ta thấy cuộc đời tình ái của Nguyễn-Du không có tính cách bình thường mà, trái lại, có nhiều sự kiện tố cáo những lệch-lạc, giang giở, đồ vỡ, bị dạt ở bên trong.

Thêm vào cái giang giở, tan nát cuộc đời tâm tư ấy, cuộc đời vật chất của Nguyễn-Du lại càng có lắm cảnh éo le : nghèo một thứ nghèo bị thâm, lo ngại, chứ không phải cái nghèo ngông đời như cái nghèo của Nguyễn-Công-Trứ, nghèo mà bệnh tật suốt tháng quanh năm, Nguyễn-Du, chưa đầy ba mươi tuổi, đầu đã bạc phơ.

Sống trong một xã hội mà mọi trật tự xã hội bị đảo điên, thân phận con người bị chà đạp đến mức tàn bạo, mà không một lực lượng nào muốn hay dám lên tiếng phản kháng, Nguyễn-Du càng mang nặng những quan niệm thần bí của cái xã hội cổ truyền đặc biệt Việt-Nam : sự bất khoản, xao xuyến về cái mệnh của ngày mai, nhất là về cái mệnh mờ, mầu nhiệm của kiếp sau. Cái ông lo sợ nhất, lo đến chỗ hốt hoảng là phải làm thân cô hủn.

Thực chất của con người Nguyễn Du xuất phát từ những tâm thức quái gở ấy, chứ không phải tâm thức hoài Lê như người ta tưởng. Nguyễn-Du công tố viện kết án xã hội.

Qua hầu hết thơ văn chữ Hán của ông, khi thì căm thù, khi thì phẫn phất, Nguyễn-Du hầu như luôn luôn có thái độ đả phá xã hội cổ kim.

Ông thù ghét và kết án bao lực và xảo quyết : dìm mắt Nguyễn-Du, số dĩ các triều đại lẫn lượt theo nhau suy sụp là bởi các vua chúa

tàn bạo xảo quyết, muốn dùng chiến tranh để mà thanh toán nhau cho nên họ đã bị chiến tranh thanh toán họ :

Cờ kim vị kiến thiên niên quốc

Hình thế không lưu bách chiến danh

(Vị hoàng danh)

Thiên niên phủ qui cùng tranh đoạt

(Thăng Long II)

Sự tàn bạo đưa đến chiến tranh, và chiến tranh đưa đến điêu linh, tang tóc :

Phồn hoa nhân vật loạn lai phi

Huyền hạc qui lai kỷ cá tri

(Ngộ gia đệ cụ cơ)

Chính vì vậy mà khi phê bình về những nhân vật lịch sử, Nguyễn-Du tỏ ra cay nghiệt, phủ phàng với những gian thần như Tần Cối hay Tô Tần.

Muốn trừng phạt Tần Cối người Trung Hoa đã đắp tượng Tần Cối qui bèn mồ Nhạc Vương để những người đến viếng đền Nhạc Phi, ai cũng chửi mắng, tát đánh hai cái tượng vợ chồng Tần Cối.

Theo Nguyễn-Du, trừng phạt Tần Cối như vậy là làm cho Tần Cối được bất tử như thánh nhân cho nên cần phải trừng phạt Tần Cối bằng hình phạt khác, nghĩa là phải tiêu diệt Tần Cối khỏi trí nhớ mọi người.

Đã ghét Tần Cối thế nào, thì Nguyễn-Du cũng ghét Tô Tần hay Tào Tháo như vậy.

Những bọn người ông ghê tởm nhất là bọn giả hình, gian dối, mà bọn này xem ra lúc nhúc khắp nơi đây xóm : Ông gọi bọn họ là heo, là sói, là lợn lòi, là quỷ quái, là rồng, là rắn, họ xé thịt nhai xương đồng loại ngọt xớt như đường.

Trong bài « Ngũ nguyệt quan cạnh độ » Nguyễn-Du đã cho ta biết cảm giác của ông lúc ông xem đua bơi : ông thương việc đời xưa, sợ việc đời nay. Theo ông người ta tổ chức chèo trống đàn chày để chiêu hồn người chết trở về cõi đời. Rất may là chiêu hồn mà hồn chẳng có về như hồn mà về thì rất nguy hiểm, vì biết nương tựa vào đâu để mà về và về để làm gì ở cái cõi đời đầy rẫy rắn rồng, quỷ, quái này ?

Mãn giang tranh cạnh thái vô đoan

Yên ba diều diều không bi oán

La cô niên niên tự tiểu hoan

Hôn nhược qui lai dã vô thác
 Long xà qui quốc biến nhân gian

(Ngũ nguyệt quan cảnh độ)

Ý tưởng đen tối của bài «Tháng Năm xem đua bơi» cũng là ý tưởng của bài «Phản chiêu hồn». Trong lúc thiên hạ lập đàn chay chiêu hồn về, Nguyễn-Du cũng thấp hương khấn vái như bão hồn quỉ có đại mà quay trở về trần gian :

Hôn hỡi hôn sao không về chớ
 Khắp phương trời, không chỗ tựa nương.
 Lên trời xuống đất hết đường
 Mà thành Yên, Sinh chớ mừng đề chân.
 Thành quách thế... nhân danh khác hẳn
 Bụi bay trông như bân áo người
 Vành vang xe cộ lâu dài
 Đứng ngồi bàn tán sánh vai Cao, Quì.
 Họ ngoài mặt không thờ nanh vuốt
 Cầu xé người nhai nuốt ngọt ngon
 Hồ Nam kia mấy trăm chòm
 Gãy còm xơ xác không còn thịt da
 Nếu hôn cứ thiết tha lối trước
 Sau Tam Hoàng không được hợp thời
 Chỉ bằng sớm liệu châu trời
 Chớ về đây nữa mà người quở quang.
 Đời sau, họ Thượng quan hết thấy
 Khắp nơi nơi dòng chảy Mịch la
 Cả không rìa hùm chẳng tha
 Hôn ơi, hôn hỡi biết là làm sao (1)

(Phản chiêu hồn)

Nhưng, dưới mắt Nguyễn-Du, sự tàn bạo, tuy đáng ghét, nhưng có lẽ không ghê tởm cho bằng sự thờ-ơ, lãnh đạm đối với đau khổ của đồng bào. Trong nền văn-học cổ điển, Nguyễn-Du là nhà văn thứ nhất và độc nhất đặt ra vấn đề xã hội, tức sự chênh lệch đáng nguyền rủa các lệ đoàn xã-hội.

Trong bài «Người hát rong ở châu Thái bình»,

(1) Bản dịch của Bùi Kỷ, Thơ chữ Hán Nguyễn Du, trang 122.

Nguyễn-Du đã về

cái cảnh tương-phản đáng quyền rũ ấy : một bên là người' lão già hát rong, đến hầu tiệc cho bọn quyền quý, hát xúi bọt mép, đàn rã rời tay chân để mua vui cho thực khách mà chỉ được thù lao bằng năm sáu đồng tiền ; một bên là bọn quyền quý ngáy ăn bên bàn tiệc ngập ngụa đồ cao lương mỹ vị, cơm thịt chất cao như núi, mà khách không thèm ăn phải đồ xuống sông xuống rãnh.

Trong bài «Sở kiến hành», Nguyễn-Du vẽ cảnh hai mẹ con thơ, đói khát, sắp bỏ xác ngoài vĩa đường cho beo sói xé thịt nhai xương đang khi trên bàn tiệc ở phủ đường linh đình bữa bãi đủ thứ gỏi hươu, vây cá, thịt lợn, thịt dê, dầy bàn, chẳng những các quan lớn không muốn ăn mà ngay cả bọn tùy tùng cũng chẳng chọc dũa.

Nguyễn-Du đã kết bài ca của ông bằng bốn câu thơ đầy bi thương gián tiếp nói lên nỗi hận thù của ông đối với xã hội:

Bất khi vô cổ tích

Lân chu yếm cao lương

Bất tri quan đạo thượng

Hữu thử cùng nhi nường

(Sở kiến hành)

Nguyễn-Du, thi sĩ của những niềm tin dị-biệt.

Đọc văn thơ Việt-Nam về thời đại cổ điển (từ thế kỷ XIII cho đến năm 1862), chúng ta thấy các văn thi sĩ Việt Nam đều sáng tác dưới sự thúc đẩy của một trong ba nguồn cảm hứng sau đây : Phật Lão, Nho. Có những người lấy nguồn cảm hứng duy nhất ở Nho giáo như Nguyễn-Trãi ở thế kỷ XV, hay Nguyễn-Công-Trừ, Nguyễn-Đình-Chiều ở thế kỷ XIX ; có những người khơi nguồn thơ ở lý thuyết Lão ở thế kỷ XIX ; có những người đi tìm chất thơ trong quan niệm luân Trang như Nguyễn-Bính-Khiêm thế kỷ XVI, hay tác giả *Bỉ h của Kỳ Ngộ* ở thế kỷ XIX ; có những người đi tìm chất thơ trong quan niệm luân hồi giải thoát của Phật giáo như Nguyễn-Gia-Thiền ở thế kỷ XVIII hay tác-giả *Quan Âm Thị Kính* ở thế kỷ XIX.

Nhưng Nguyễn-Du là nhà thơ duy nhất đã tiếp thu, trong một sự điều hòa kỹ diệu, ngoài ba nguồn cảm hứng cổ điển Phật, Lão, Nho, cả những niềm tin dân gian cổ truyền đặc biệt Việt Nam.

Là một môn đệ của Lão Trang, Nguyễn-Du đã để lộ tính cách nghệ sĩ, ưa cuộc đời thanh tiên thoát tục, qua rất nhiều bài thơ chữ Hán của ông. Những bài thơ biểu lộ chí hướng Lão Trang của Nguyễn-Du hơn cả có thể là những bài như *Kỷ hữu*, *La phù giang thủy các độc tọa*, *Đại tác câu thủ tư qui I*, *Mộ xuân mạn hứng*.

Thực vậy, trong bài gửi bạn (Ký hữu), Nguyễn Du thổ lộ rằng: Bởi con người sinh ra chẳng phải để trời buộc vào nghiệp quan lại cho nên còn sống ngày nào ông còn hy-vọng có ngày được hưởng thú săn bắn, hay nằm khểnh nơi cửa sổ, buông hồn theo giấc mơ không muốn phải bận tâm về việc đời:

Hữu sinh bất đãi công hầu cốt
Vô từ chung tâm thi lộc minh
Tiễn sát bắc sông cao ngựa giã.
Bình cư vô sự đảo hư linh

(Ký hữu)

Trong bài La phù giang thủy các độc tọa, Nguyễn Du nhìn thấy cuộc đời chằng qua cái là giấc chiêm bao và việc đời thăng trầm như sóng biển:

Cồn cồn lãng hoa phù cớ cảm
Trần thế bách niên khai nhãn mộng.

(La phù giang thủy các độc tọa)

Trong bài Đại tác cửu thủ tư qui, Nguyễn Du có một quan niệm rất đen tối về vinh hoa, danh lợi mà ông cho là ảo gấm đi đêm, huyền ảo ở ngoài thân mình, là ánh mây buổi sáng mau tan, cho nên ông chỉ ước ao được làm thân lũ thử trên đường trường:

Thiên lý ly gia lữ mộng tri
Dạ tú vinh hoa thân ngoại huyện
Triều vân danh lợi nhãn tiền phi

(Đại tác cửu thủ tư qui)

Mà bởi đã nhìn đời bi quan như vậy cho nên ông mong mau mau được thoát ra ngoài vòng hữu hình để theo học Đạo thần tiên:

Trắc thân bất xuất hữu hình ngoại,
Thiên tuế trường ưu vị tử tiên.
Phù lợi vinh danh chung nhất tảo
Hà như cập tảo học thần tiên

(Mộ xuân mạn hứng)

Nếu môn đồ của Lão giáo gặp thấy ở Nguyễn Du một người đồng đạo sôi sảng, thì người Phật tử càng tìm thấy ở Nguyễn Du một tín đồ say mê lý thuyết của đức Thế tôn: Kinh Kim Cương, tức kinh Phật, chẳng những ông tụng niệm, chiêm ngưỡng một hai lần mà là có tới hơn ngàn vạn lần:

Ngã độc Kim cương thiên biến lĩnh

(Lương Chiêu Minh Thái tử phân kinh thạch đài)

Thực vậy, lòng tôn sùng Phật và thái độ tôn giáo của Nguyễn Du đã được ông gửi gắm rõ ràng nhất ở hai bài ca, một là bài «Đề động nhĩ Thanh ở Lạng sơn» (Đề nhĩ Thanh động), hai là bài «Đài phân kinh của Thái tử Chiêu Minh triều Lương» (Lương Chiêu Minh Thái tử phân kinh thạch đài). Ở cả hai nơi, Nguyễn Du đều bộc lộ cái thái độ tôn giáo hướng nội của ông, chống lại cái thứ tôn giáo hình thức bên ngoài. Trong bài «Đề động nhĩ thanh», Nguyễn Du ca ngợi đạo Phật bao la không bờ bến, cho nên không thể hạn định nó vào trong những vật hữu hình chật hẹp: con người Phật tử chân chính là người có tấm lòng thương định:

Mãn cảnh giai không, hà hữu tướng

Thử tâm thường định bất ly thiên

Đại sư vô ý diệc vô tận

Phủ thân thành trung đa biến thiên

(Đề Nhĩ Thanh động)

Những tư tưởng tôn giáo hướng nội của Nguyễn Du đã được ông có đúc nó lại trong bài «Đài Phân kinh của Thái tử Chiêu Minh triều Lương». Ta có thể tóm lược đại ý bài ca này như sau:

«Tôi có đến thăm một đài cũ, đồ nát tương truyền là đài xưa kia Thái tử Chiêu Minh đời Lương đã phân kinh. Nghe thì biết vậy chứ chẳng thấy kinh kệ gì ở đài này. Tôi thì nghĩ rằng thái tử Chiêu Minh, hăm vạn chương, mới bày đặt ra truyền phân kinh nhà Phật, vì tính trẻ, ham văn chương, mới bày đặt ra truyền phân kinh nhà Phật, chứ đạo Phật đã là không thì cần gì có kinh mà phân với chia. Đối với hạng u mê, vụ hình thức thì Phật chẳng thấy mà rồi chỉ thấy ma... Tôi nghe đức Thế Tôn thuyết pháp ở Linh Sơn.

Nhưng Linh Sơn, ta phải đi tìm nó ở đâu?

Linh Sơn thực chỉ ở tại lòng ta. Cây Bồ đề không phải là cây. Tôi đã tụng kinh Kim-Cương ngàn vạn lần mà ý nghĩa thâm trầm dần có hiện. Nay đứng dưới đài Phân kinh này tôi mới hiểu kinh «Không chữ» mới thật là «Chân kinh».

Mặc dầu mang chất Lão và Phật đến một mức độ sâu xa như vậy, Nguyễn Du vẫn được dư luận từ xưa đến giờ coi như là nhà Nho chính thống, ấy là chưa nói đến môn đồ Nho giáo đã có thể tưởng Nguyễn Du là một người chỉ thuần túy theo đạo Nho. Thực ra, chẳng những chất Nho giáo được thể hiện trội hẳn ở truyện Kiều và sau này mà ngay ở thơ văn chữ Hán của ông ta cũng thấy ộng là một tín đồ thâm tín của Nho

giáo. Tàn mất qua thơ văn chữ Hán của ông, lập trường Nho giáo của Nguyễn Du được trình diễn khi thì đậm khi thì nhạt, nhưng rất minh bạch, Như mọi nho sĩ của thời đại, Nguyễn Du cũng lấy Trung Hiếu làm đầu, nhưng khi có sự tranh chấp thì Trung phải thắng Hiếu, tổ quốc phải trên gia đình :

Thiên địa nhất thân trung dịch hiếu

Phong trần vạn lý quốc vong gia

(Đại tác cửu thứ tư quí)

Vì cho đạo trung là trọng và thiêng liêng, cho nên Nguyễn Du lúc nào cũng canh cánh bên lòng tấm lòng ân hận chưa đền ơn vua, trả nợ nước.

Trong bài Giang đầu tản bộ, ông tự lấy làm xấu hổ không đáng sống vì chưa đền trả được mây may ơn vua chúa :

Quyên ai mặc báo sinh hà bỏ

(Giang đầu tản bộ II)

Trong bài Nam quan đạo Trung, ông phân nàn rằng ơn vua chúa nhiều như biển cả mà chưa báo đáp được gì :

Quán ân tự hải hào vô báo

(Nam quan đạo Trung)

Đã có một quan niệm chân chính về Nho-giáo, chẳng những Nguyễn Du sống đời sống hằng ngày của ông theo Nho-giáo mà còn dự vào Nho-giáo để thẩm định các giá trị luân-lý, xã-hội trong xã-hội loài người.

Nếu ông đã nhận danh Nho giáo kết án Tào Tháo (trong bài Đồng Tước Đài), kết án Tô Tần (Tô Tần Đình), kết án Tần Cối, thì nhận danh Nho giáo ông đã hết lời ca ngợi những người đã sống theo nho giáo mà nhất là những người đã chết nhận danh nho giáo.

Nhân ngấm hồn đá Vọng Phu, ông đã ngợi khen tấm lòng trinh tiết của người đàn bà :

Vạn kiếp liễu vô vân vũ mộng

Nhất trình lưu đắc cổ kim nhân

(Vọng phu thạch)

Nhân đi qua miếu thờ ba người đàn bà, người thì muốn giữ tiết, kẻ muốn giữ trinh cho nên đã liều thân dầm mình dưới nước, Nguyễn Du đã tôn xưng họ lên hàng liệt thánh, ca ngợi họ đã giữ trọn đạo tam cương, ngũ thường :

Thiên thu bi kệ hiền tam liệt

Vạn cổ cương thường thuộc nhất môn

(Tam liệt miếu)

Đến như bọn tu mi mà đã đem thân hy sinh cho đạo cả thì Nguyễn Du không bao giờ tiếc lời tuyên dương họ.

Qua Tương Đàm, viếng Khuất Nguyên, Nguyễn Du đã vừa khóc vừa suy tôn Khuất Nguyên :

Ông khóc Khuất Nguyên, vì cuộc đời Khuất Nguyên đã đau khổ, vì thân xác Khuất Nguyên đã bị rỗng cả rìa ăn hết, nhưng danh thơm Khuất Nguyên còn lưu môn đời :

*Tông quốc tam niên bi phóng trục
Sở từ thiên cổ thiện văn chương
Ngư long giang thượng vô tàn cốt
Đổ nhược châu biên hữu chúng phương*

(Tương Đàm điệu Tam Lư đại phú)

Viếng Văn Thiên Tường, Nguyễn-Du đã có những lời ca ngợi con người bất khuất đến nỗi bị quân Nguyên giết chết :

*Ai trung xúc xúc minh kim thạch
Oán huyết qui thời hóa đồ quyền*

(Độ hoài hữu cảm Văn thừa tướng)

Nếu ông ca ngợi cái chết hy-sinh và anh dũng của Tĩ Can (Tĩ Can mộ mộ) thì ông lại chê thái độ dễ dãi, mập mờ của Giả Nghị, vì ông này khi bị vua mình ruồng bỏ đã muốn đi tìm vua khác để phụng sự :

*Giả sinh nhất phủ đồ vi nhĩ
Liệt nữ tông lai bất nhị phụ
Hà đắc thê thê tướng «cửu châu»*

(Biện giả)

Như thế, ta nhận thấy Nguyễn-Du đã thực hiện được ở nơi ông sự điều hòa đến chỗ tuyệt vời của ba dòng tư tưởng Lão, Phật, Nho. Nếu các đạo sĩ như thấy ở Nguyễn Du một môn đồ nhiệt tín của Lão thì người Phật tử cũng thấy ở Nguyễn-Du một giáo hữu chân chính của Đức Phật và nhà Nho cũng nhận diện có một Nguyễn-Du như là chiến sĩ của đạo Tam cương ngũ thường.

Có một điều đáng ghi chú là ngoài ba tôn giáo trên, thuộc thành phần trí thức nhiều hơn, còn một niềm tin hoàn toàn bình dân, của quần đại quần chúng, tức lòng tin vào thần thánh mà quý và lòng tin ở cuộc sống ở thế-giới bên kia. Như mọi người dân quê Việt Nam

Nguyễn Du cũng là một tín đồ của các niềm tin tưởng cổ-truyền dân gian hết sức màu nhiệm, phức tạp. Có lẽ chính những niềm tin bình dân này đã đẩy Nguyễn Du đến chỗ mang những tâm tình lo sợ hốt hoảng khi phải nghĩ đến kiếp sau.

Nguyễn Du, thi sĩ kiêu hùng trong bi đát.

Người ta hay nói đến một Nguyễn-Du, ít nói, như là nhút nhát, bạc nhược. Cái đó có lẽ không đúng. Nguyễn-Du là một giang-hồ kiêu-hùng. Điều này, tác-giả *đạ nam liệt truyện* cũng đã ghi nhận khi ông bảo Nguyễn Du là con người kiêu ngạo. Có điều ở người khác, sự kiêu hùng là sự kiêu hùng ngạo nghễ, còn sự kiêu hùng Nguyễn-Du là sự kiêu hùng bị bể gãy, bị tàn phá, chịu thua...

Hai lần, Nguyễn Du nói đến tấm thân cao ngất ngưỡng của ông, cao sáu thước, nhưng khổ nỗi cao mà không có đất đứng cho nên bị chìm ngấm giữa vòng trời đất bao la :

Lục xích phù sinh thiên địa trung

(Mạn hứng II)

Thân cao mà không có chỗ nương tựa, phải đứng cô đơn giữa trời đã là đau thương, dằng này lắm khi cái thân cao ngất ngưỡng ấy lại bị câu thúc, nó lợ, tưởng như bị đè đi xuống, gãy vụn nát.

Lục xích cầu mi trường dịch dịch

(Ngẫu hứng II)

Nói về mình Nguyễn-Du toàn dùng những hình ảnh kiêu hùng nhưng bị đát thảm bại. Trong bài Tống Nguyễn-Sĩ hữu nam qui, Nguyễn-Du đã mượn hình ảnh chim phượng hoàng gãy cánh bị nhốt trong chiếc lồng mục nát để nói lên cái chí hướng rã rời của ông :

Bình sinh văn thái tàn lung phượng

(Tống Nguyễn-Sĩ hữu nam qui)

Trong bài Tập ngâm I ông đã mượn hình ảnh cây cô tùng cao trăm thước ngất ngưỡng một cách cô đơn trước giông bão phủ phàng :

Đinh thực cô tùng cao bách xích

Bất tri thanh đế nại nhân hà.

Chẳng những Chúa xuân, trời đất phải khó chịu về sự kiêu hùng của ông mà chính ông lắm khi cũng lấy làm cực vì nó, như ông rồi ông cũng thấy kệ nó, coi đây như là số mạng bi đát. Như thân lạc, đã trót sinh ra có đời căng cao ngất ngời không ai có thể cắt bớt đi được.

Nguyễn-Du cũng phải cay đắng mà chấp nhận sự kiêu hùng phũ phàng rồi đã phủ cho ông :

Tính thành hạc hính hà dung đoạn

Mệnh đấng hồng mao bất tự tri.

Như vậy, ta thấy Nguyễn-Du lúc nào cũng như bút rút vì cái chỗ đứng không phải chỗ của ông : người ông to mà chỗ đứng hẹp, thân ông cao mà phải giam hãm trong chiếc lồng thấp : Nguyễn-Du sinh lạc thế kỷ, lưu vong giữa những xa lạ của người và vật.

Nói cách khác, Nguyễn-Du, khi nhìn vào mình, tự nhận thấy mình là đang bị trói buộc, bị tàn phá, chịu thua.

Cái bi đát nhất ở hơi Nguyễn-Du là ông kiêu hùng bằng một kiêu hùng cảm điếu. Gia đình Nguyễn-Du, đã hầu hết chết vì Tây-Son, và chính thân ông đã từng tham gia chống Tây-Son và có lúc ngồi tù hàng tháng. Giá như người ta, thì Nguyễn-Du đã kể lẽ công trạng để bắt Gia Long chia cho ông thành công của cách mạng. Đàng này không ! Nguyễn-Du cảm điếu. Càng gặp người trên, càng khi người trên ấy là vua chúa, Nguyễn-Du càng cảm điếu. Cái kiêu hùng cảm điếu ấy mới thật là cái kiêu hùng của con người hùng, một sự kiêu hùng bi đát, thâm trầm.

Nguyễn-Du, thi sĩ của tiếng đàn tuyệt vời.

Nguyễn-Du là một nghệ sĩ có một tâm hồn tế nhị, mỏng manh như một đường tơ căng thẳng, một hơi thở nhẹ của thiên nhiên vạn vật cũng khiến cho đường tơ ấy rung lên rộn ràng. Thực vậy, nghe gì, nhìn gì, Nguyễn-Du cũng thấy rộn ràng, xốn xang tận đáy lòng và bật lên thành tiếng, tiếng ấy có khi là lời thơ, có khi là tiếng đàn, cung địch.

Nhiều bài thơ chữ Hán cho ta thấy ông là một nhạc gia đã từng thổi sáo, chơi đàn và cất tiếng hát véo von, nhất là trong buổi thiếu thời :

Chính trong cái cảnh nên thơ của La Phù, Nguyễn-Du đã xúc động nước mắt lã chã tuôn rơi trên cỏ bằng khi mà gió thu lạnh lẽo như từ dòng nước sông khơi lên và hai hàng mây vàng, nước trắng soi lẫn nhau : tiếng sáo và tiếng đàn của Nguyễn-Du đã rung lên não ruột.

*Nhất lệ thiên nhai sái - đoạn hồng
La phù giang thượng khởi thu phong
Hoàng vân bạch thủy lưỡng tương chiếu
Cấp quá bi ti vạn bất đồng*

(Ngẫu hứng II)

Thực vậy, ở buổi thiếu thời Nguyễn-Du đã hát nhiều :

Hà đặc cường ca tự thiếu niên

(Đạ toa)

Chẳng những Nguyễn Du tự dân sáo giỏi mà còn say mê thưởng thức ca nhạc : ông yêu thích cả tiếng hát bình dân nơi thôn xóm :

Thôn ca sơ học tang ma ngữ

(Thanh minh ngẫu hứng)

Chẳng những Nguyễn Du cảm tiếng nhạc của loài người, mà còn say sưa cả tiếng rên rỉ của loài vật :

Phạ hữu thanh thanh trường đoạn viên

(Minh giang chu)

Tiếng ngân của hơi văn chương yếu đuối như sợi tơ :

Văn chương tàn tức nhược như tơ

(Chu hành tức sự)

Nhưng ngôi hát của Nguyễn-Du đã trở nên vô cùng kỳ diệu ở bài bài Thái bình mọi ca già và Long thành cảm già ca. Ở cả hai bài, ngoài việc mô tả sự bi đát của tiếng đàn, Nguyễn-Du còn mô tả cái thân phận tàn tạ, bi đát của các ca sĩ.

Người ca sĩ già ở châu Thái bình là một người mù lòa, hát rong để xin ăn : ông vừa múa vừa hát, giọng du-dương êm tai, khiến cho ai thấy như bị thôi miên, điếng chết :

Mọi ca khát tiền cung thân xuy

Lân chu thời hữu khiếu âm già

Khiến thư thượng dẫn thuyền song hạ

Thử thời thuyền trung âm vô đẳng

Khi phạn bát thủy thù lang tạ

Mô sách dân thân hướng tọa tháp

Tái tam cớ thủ xưng đa-tạ

Thả vãn huyền sách khâu tác thanh

Thả vũ thả ca vô tạc đình

Thanh âm thù dị bất đặc hiện

Chu từ tả tự vị dư đạo :

Thử khúc Thê-dân chỉ Kiến thành

Quan giả thập sở tịnh vô ngữ.

Dân kiến giang phong tiêu tiêu giang nguyệt minh

(Thái bình mai ca giả)

Nghệ thuật đàn của Nguyễn-Du đến Long thành Cầm giả ca đã đến mức tuyệt diệu: đó là tiếng hát của cô gái trẻ, có vẻ đẹp say sưa, có bộ điệu thơ thẩn, duyên dáng, dễ yêu. Tiếng nâng lúc chậm như gió lướt nhẹ qua đám rừng thông, lúc trong như giọng đòi chim hạc kêu giữa đêm trường, có lúc mạnh như tiếng sét đánh vỡ bia Tiến Phúc, có lúc ai oán như giọng Trang Tích rên rỉ trong lúc đau ốm:

Hoãn như sơ phong độ tàng lâm

Thanh như song hạc minh tại âm

Liệt như Tiến phúc bi đầu toái tích lịch

Ai như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngâm

(Long thành cầm giả ca)

Ranh giới ở giữa người hát rong già, ở châu Thái Bình và người ca sĩ ở Long thành với Nguyễn-Du quả thực không biết đâu xác định: trong người hát rong già và người nữ ca sĩ trẻ có bao nhiêu Nguyễn-Du, hay trong Nguyễn-Du có bao nhiêu là người hát rong già và bao nhiêu người nữ ca sĩ trẻ, ta thực khó mà ước định. Ranh giới hầu như đã xóa hẳn: họ là Nguyễn-Du hay Nguyễn-Du là họ, thiết tưởng cũng không sai lắm.

Nguyễn-Du, thi sĩ của tình yêu tuyệt vọng.

Trong *Nghiên cứu Văn học*, số 6, năm 1960, Nguyễn-Đình-Ngân có bài đã khám phá ra tại Thư viện Huế một di cảo của Nguyễn-Du ẩn đề *Tình Hận*. Theo Nguyễn-Đình-Ngân, thi tập di cảo *Tình Hận* tập hồi ký trong đó Nguyễn-Du đã ghi lại mối tình đầu của ông. Theo đó, thi Nguyễn-Du đã vương mối tình đầu với một cô gái, Nguyễn-Du đã bị mẹ kế ép lấy vợ khác. Mối tình đầu tan vỡ này để lại nhiều thiều não trong đời Nguyễn-Du.

Ta chưa có tài liệu nào để kiểm chứng điều trích dẫn của Nguyễn-Đình-Ngân. Nhưng thơ văn chữ Hán của ông cũng tố cáo một phần cái đời tâm tư gang-giỏi, bi ai của ông. Thực vậy, thơ văn chữ Hán của Nguyễn-Du đưa ta đến mấy nhận định sau đây:

- Nguyễn-Du toàn tổ cảm tình, và yêu đương đối với các ca nữ.
- Cái mối tình của ông hình như chỉ có một lần ở một lúc nào đó.
- Đây đề rồi tan vỡ khiến ông không được gặp lại lần hai.
- Hình như có lắm sự dang dở, đứt đoạn bị đứt trong đường

tình ái của Nguyễn-Du : Nhưng người con gái xinh, đẹp, duyên dáng, Nguyễn-Du đã chỉ gặp họ có một lần, bởi vì lần thứ hai gặp lại họ thì họ đã già, tóc đã bạc, tay đã bằng con ằm châu.

(Thăng Long I và Thăng Long II)

Chẳng hiểu người hầu cũ của em ông đã đi vào đời Nguyễn-Du thế nào, mà ta cũng thấy ông xót xa khi gặp lại nàng, lúc nàng cũng đã già, có ba con, và áo rách rưới :

*Hồng tỵ tàng văn ca uyển chuyển
Bạch đầu tương kiến khốc lưu ly
Phác buồn dĩ hi nan thu thủy
Đoạn ngẫu thương tai vị tuyệt ti
Kiến thuyết giá nhân dĩ tam tứ
Khả liên đo trước khứ thời y.*

(Ngộ gia đệ cụ cơ)

Những người con gái được Nguyễn Du dành cho nhiều cảm tình nhất có lẽ là người ca sĩ mà ông gọi là cô Cầm, trong Long Thành Cầm già ca. Cô Cầm đã đến một lần trong đời Nguyễn Du, trong hình dáng say mê :

*Giám hồ hồ biên dạ khai yển
Kỳ thời tam thất chính phương niên
Hồng trung yếm dĩ đào hoa diện
Đà nhan hám thái tối nghi nhân.*

(Long thành Cầm già ca)

Người con gái có sắc đẹp say mê ấy, còn có tiếng hát và tiếng đàn tuyệt vời : chậm như gió lướt rừng thông, trong như đôi chim hạc bay trong đêm khuya, mạnh như tiếng sét làm vỡ tâm bìa Tiến Phức, buồn như giọng Trang Tích ngâm tiếng Việt trong lúc ốm đau :

*Hoàn như sơ phong độ từng lâm
Thanh như song hạc minh tại âm
Liệt như Tiến Phức bi đầu toái tích lịch
Ai như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngâm*

(Long thành Cầm già ca)

Nhưng người con gái kỳ lạ ấy đã đến với Nguyễn Du có một lần trong sắc đẹp ấy. Bởi vì lần thứ hai, khi nàng tái ngộ Nguyễn Du, thì nàng đã già, thân sắc nàng đã suy nhược :

Tuyên phủ sứ quân vị dư trung mãi tiểu
 Tịch trung ca sĩ giai niên thiếu
 Tịch mặt nhất phân phát bản hoa
 Nhan sắc thần khô hình lược tiêu
 Lang tạ tàn mi bất sức trang

(Long thành Cầm giả ca)

Nhìn nàng trong sự suy tàn ấy, Nguyễn-Du đã nức nở khóc :
 Ca vũ không di nhất nhân tãi
 Thuần tức bách niên năng lý thi
 Thương tâm vãng sự lệ triêm y

(Long thành Cầm giả ca)

Phải chăng cô Cầm trong Long thành Cầm giả ca này chính là cô
 ai đó trong bài Tình Hận mà Nguyễn-Dinh Ngân bảo là mới khám phá
 ra và bảo là của Nguyễn-Du. Có nhiều điểm cho ta thấy đôi bên có
 nhiều điểm gặp gỡ. Đầu sao, thì ta cũng thấy Nguyễn-Du hầu như chỉ
 dành cảm tình cho những mối tình đứt đoạn, giang giở, cho những
 mối tình đứt đoạn, giang giở, cho những người chỉ gặp một lần và lần
 thứ hai có gặp lại thì cũng chỉ là để lệ thấm áo mà thương cảm cho sự
 tan nát, rã rời. Cuộc đời tình ái của Nguyễn-Du, như vậy, là một cuộc
 đời giang giở, tuyệt vọng.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của nghèo khổ túng đói.

Hình ảnh sự túng quẫn, chết đói luôn luôn ám ảnh Nguyễn-Du.
 Hiện tâm thức ông lúc nào cũng bồn khoăn, xao xuyến. Nguyễn-Du đã
 chẳng nhìn và cảm cái nghèo có tình cách tài tử, nghệ sĩ Nguyễn-Công
 từ về sau này. Ông cảm một cách thấm thía sự tàn phá của nghèo khổ
 túng đói chẳng những đang hành hạ chính bản thân ông mà còn đang
 tàn tan rã, hủy diệt bao nhiêu là cuộc sống bên cạnh ông.

Nghèo đói đã chìm Nguyễn-Du vào cô đơn, và bất ông nức lên thành
 tiếng rên xiết bị thương :

Sài phủ dạ tình khốn thân ngảm
 Thập niên túc tạt vô nhân vấn

(Ngọa bệnh II)

Bởi nghèo, nhà cửa ông lúc nào cũng vắng lạnh, cửa đóng im ỉm.
 Trong khi mọi nhà khác như mở toang cửa ra để ngắm cảnh thiên thai :

Thiên thai sơn tiền độc bế môn

(Kỵ huyền hư I)

Chưa ai rét, Nguyễn-Du đã rét vì thiếu áo quần.

Tảo hàn dĩ giặc vô y khờ

(Thu đa II)

Đối với người ta, ngày xuân là dễ hưởng thụ, còn đối với Nguyễn-Du ngày xuân là một tai họa: lắm khi suốt ba tháng xuân ông đói đến mang bệnh, mà thuốc thang không có, phải nằm co ro, lắm khi tưởng tượng ma quỷ đến bắt hồn phách mình mang đi.

Tam xuân tích bệnh bản vô được

Trấp tài phỉ sinh hoạn hữu thân

(Mạn húng I)

Nghèo và đói làm tiêu tan cả khi phách Nguyễn-Du, khiến cho Nguyễn-Du, khi nhìn vào thân phận mình tưởng như ma đại.

Bạch phát tiêu ma bản sĩ khí

(Tợc thực định)

Quả thực, nghèo, đói, chết, ba ma lực ấy cấu kết lại dễ tấn công Nguyễn-Du; đêm ông vào tuyết vọng, làm cho ông cảm thấy thân xác mình đang tan rã, tinh thần của mình hủy diệt và đồng loại ở chung quanh cũng như đang khắc khoải quặn quại triền miên trong cơn hấp hối. Nhưng không ở đâu nghèo và đói mang màu tang tóc, và chết chóc như ta thấy trong hai bài « Người hát rong ở châu Thái Bình » (Thái Bình mại giả ca) và bài « Sở kiến hành ».

Cái tài và đầy cũng chính là cái làm nên sự náo ruột bi thương trong nét vẽ của Nguyễn-Du ở hai bài ca ở trên là sự mâu thuẫn, tương phản: bao giờ sự chết trần truồng quặn quại cũng được đặt ngay bên cạnh cái cảnh sống giàu sang, thừa thãi, ngập ngụa những thức ăn.

Trong bài Thái Bình mại giả ca, Nguyễn-Du đã vẽ ra hai cảnh: một bên là bàn tiệc của bọn quan lại quyền quý mà cơm canh, thịt gà đầy hàng thuyền, không ai thèm ăn phải đem đồ mứa xuống sông, một bên là ông lão hát rong ngồi hát hẳn tiệc cho bọn quan quyền, hát đến sủi bọt mép, đàn đến rã rời tay chân mà chỉ được thu lao bằng vài ba đồng tiền:

Khẩu phún bạch mai, thủ toan súc

Khước toạ, liêm huyền, cáo chung khúc

Đàn tạn tâm lực cơ nhất canh

Sở đắc đồng tiền cận ngũ lục...

Quần bất kiến sứ thuyền triều cung đồn lệ

Nhất thuyền, nhất thuyền doanh nhục mĩ

Hành nhân báo thực tiện khi dư
Tàn hào lãnh phạm trăm giang đề

(Thái bình mọi giả ca)

Nhưng không ở đâu, ngôi bút của Nguyễn Du cổ vẻ bị thương
bản như ở bài Sở kiến hành.

Nguyễn Du như đứt ruột nhìn hai mẹ con người ăn mây lang
lệ lết trên đường trường mà chẳng được ai cho một miếng cơm
nước; ông như nhìn thấy trước cái cảnh hai mẹ con chết đói, bỏ
vía đường. Và dưới sức ám thị mãnh liệt của tâm thức hốt hoảng,
Nguyễn Du nhìn thấy trước mẹ con người ăn mây đang bị heo sói câu
trong thịt:

Duyên nhai nhật khát thực

Thử kể yên khả trường

Nhơn hạ ủy câu hác

Huyết nhục tự sài lang

Mẫu tử bất tác tuất

Phủ nhi tăng đoạn trường

(Sở kiến hành)

Nhưng sự phũ phàng của ngôi bút Nguyễn Du là chỗ ông không
để con người ăn mây chết trên đường vắng mà chết ngay dưới chân
liều ngựa ngấp ngua những đồ cao lương mỹ vị, nào là gân hươu, nào là vây
hải, thịt lợn, thịt dê, mà ai chẳng thêm nhúng dấm, ngay đến cả bọ tỳ
hồ, bọ bét:

Tạc tiêu Tây hà dịch

Cung cụ hà trường hoàng

Lộc cân tạp ngư xỉ

Mãn trác trần trư dương

Trường quan bất hạ trợ

Tiêu môn chỉ lực thường

Bát khí vô cổ tích

(Sở kiến thành)

Tại sao ba hình ảnh nghèo, đói, chết ám ảnh đến mức độ làm
Nguyễn Du hốt hoảng như vậy? Chính Nguyễn Du đã phải kinh nghiệm
lẽ ở ngay nơi bản thân của ông những cảnh chết đói xảy ra liên miên
thời Lê mạt. Thật vậy, trong khoảng mấy chục năm cuối thế kỷ XVII

nạn chết hữu nguy trị liên miên trên đất nước đang ngoài, nhất là từ Nghệ Tĩnh là nơi quê hương của Nguyễn-Du. Tác giả Khâm định Việt-sử thông giám cương mục có kể đến ba nạn đói ở Nghệ-Tĩnh, các miền phụ cận hay ở các tỉnh đang ngoài. Năm Mậu-Ti Canh Hưng thứ 29, tức năm 1768, lúc Nguyễn-Du mới ba bốn tuổi. Khâm định Việt-Sử viết: Nghệ-An và các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam giá gạo cao vọt, nhân dân đói khổ một trăm đồng tiền không đủ một bữa no. (Khâm định Việt-sử) tập XIX, tr. 15).

Năm Nguyễn-Du 10 tuổi, tức năm Giáp-ngọ, Canh Hưng thứ 35 (1774). Khâm định Việt sử lại nói ở Nghệ-An có nạn đói làm chết nhiều người. «Đàn Nghệ-An nhiều người chết đói. Triều đình hạ lệnh cho các quan giữ chính quyền bàn định thi hành việc phát chẩn, việc cứu giúp. Nhưng những việc ấy cũng chỉ là giấy má hào mà thôi» (Khâm định, Việt-sử tr. 36). Đến nạn đói năm Mậu-Tuất (1778), Canh Hưng thứ 39, hỏi Nguyễn-Du mười ba mười bốn tuổi mới khiếp sợ. Khâm-định Việt-sử viết: «Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, triều đình mua vét thóc gạo ở từ trấn và Thanh-Nghệ, vận tải vào đồn Đông-I-lai. Thóc gạo khô vớt không tích trữ ở dân gian hầu như nhẵn nhụi. Thêm vào đấy mấy năm hạn hán mất mùa, giá gạo cao vọt, một chén gạo nhỏ trị giá một tiền, đầy đường những thấy người chết đói» (Khâm định Việt sử, tr. 60).

Nhưng nạn đói năm Canh Thân Tân Dậu (1800-1801) mới thật khủng khiếp hãi hùng. Phạm-Đình-Hồ qua truyện Võ-Thái-Phi trong Vũ Trung tùy bút đã tả cảnh chết đói năm Canh Thân, Tân Dậu thế: «Hồi loạn năm Canh Thân, Tân-Dậu, tỉnh Hải Dương ta chịu họa về việc binh đao đến mười tám năm, ruộng đất đã hầu thành ra rừng rậm, những giống gấu chó, lợn lòi sinh tự đầy cả ngoài đồng. Những người dân sống sót còn lại phải đi bóc vỏ cây, bắt chuột đồng mà ăn. Một mẫu ruộng chỉ bán được một cái bánh nướng... Tổng Minh Luân ta có một bà cụ góa mà giàu, người làng mới bầu cụ làm hậu thân. Vì tiền của bà cụ chứa như núi nên tục gọi là «bà hậu núi». Gặp năm mất mùa nhà bà hết cả thóc ăn, bà mang năm bao bạc đi đổi thóc không được, phải chết ở bên xóm chùa Bình Đề...

Các cụ nhà nho làng ta ngày xưa như ông nho sinh Phạm Diên Bá thường nói chuyện với ta rằng: «Đương lúc loạn lạc, ông đi đường về tỉnh Đông, có vào nghỉ nhà hàng cơm đường, thấy mùi thịt rất tanh, trên mặt nước bát canh thịt sao nổi lên như hình bán nguyệt. Hỏi người hàng cơm thì họ nói rằng đó là thịt lợn lòi. Khi ăn đến nửa chừng thì thấy có con rắn chết ở trên mặt bát, mới biết là thịt người. vội vàng chạy ra móc cô thổ ra» (Phạm-Đình-Hồ, Vũ trung tùy bút, tr 120.)

Trong vòng có mấy năm trời mà Nguyễn Du đã từng phải chứng kiến ít ra gần ấy nạn chết đói ngập chợ như vậy, gì mà ông chẳng

m ra hốt hoảng, bi quan yếm thế. Sống trong lòng một cái xã-hội
ng đói, quần bách như vậy, thì cái thằng bé con không cha không
m như Nguyễn-Du hay chàng thanh niên thất nghiệp như Tiên Điền
sao tránh khỏi được những cảnh đau đớn ê chề. Quả thật thơ văn
ữ Hán của Nguyễn Du đã vẽ lại y nguyên cái thân phận nghèo khó
ng quần của ông suốt mấy chục năm trường.

Nguyễn Du, thi sĩ của bệnh hoạn.

Mấy trăm bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du mà chúng tôi được
ọc hầu như chẳng có mấy bài mà ông không nói đến bệnh hoạn. Như
ười ta thì già cả mà mang bệnh hoạn đã đành, đang này Nguyễn-Du
bệnh hoạn liền miên ngay lúc tráng niên.

Nguyễn-Du hình như lúc nào cũng liên miên bị ám ảnh bởi ý
ghĩ xác thịt ông bị tan rã dưới sức tàn phá của bệnh hoạn: có lúc
Nguyễn-Du thấy mình chỉ còn là một bộ xương ghê tởm:

Xử sĩ môn tiên thanh giả san

Chăm bạn thúc thư phù bệnh cốt

(Tập ngâm II)

Bệnh hoạn thân tàn ma dại như vậy mà thuốc thang lại không
có. Chẳng nói gì đến những ngày năm cùng tháng hết, ngay những tháng
xuân Nguyễn-Du mang bệnh mê man mà không có thuốc thang gì hết:

Tam xuân tích bệnh bản vô dược

Trấp tài phù sinh hoạn hữu thân

(Mạn lương I)

Bệnh hoạn mà lại nghèo túng nữa cho nên tình cảnh càng thêm bi
đát: bạn bè, thân thích chẳng có ai thăm nom, săn sóc, một thân một
mình nằm co ro rên rỉ trên một chiếc chõng tre:

Mình kính hiều hàn khai lão sầu

Sài phi dạ tũn khốn thân ngâm

Thập niên túc tật vô nhân vấn

(Ngọa bệnh II)

Đã yếu bóng via mà lại bệnh hoạn lắm khi thập tử nhất sinh,
Nguyễn Du đâm ra sảng sốt, lúc nào cũng cảm thấy như ma quỷ đang
xông vào cướp hồn phách mình đi. Chính vì vậy mà Nguyễn-Du sống
triền miên trong thái hốt hoảng bệnh hoạn:

Đa bệnh đa sầu khi bất thư

Thập tuần khốn ngoại Quế giang cư

Lệ thân nhập thất thốn nhân phách

(Ngọa bệnh I)

Như vậy, ta thấy bệnh hoạn đối với Nguyễn-Du không phải là một xúc cảm thơ mà là một đe dọa làm cho ông sợ hãi, ngay từ những buổi trai trẻ:

Sinh vị thành danh thân dĩ suy...

Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng

(Tự thân)

Phong trần đội lý lưu bì cốt

Khách chầm tiêu tiêu lưỡng mấn hồng

(Trẻ khách)

Trường đồ nhật mộ tân du thiêu

Nhất thất xuân hàn cựu bệnh đa

(U cư)

Nguyễn-Du, thi-sĩ dưới sức ám-thị của già, tóc bạc.

Bệnh hoạn dẫn đến suy-nhược và từ suy-nhược đến già sự cách biệt không có là bao nhiêu. Thực vậy, bệnh hoạn và tóc bạc, hai hình ảnh với một sự ám thị mãnh liệt luôn đứng sò ra đấy chứng kiến và nói to lên rằng Nguyễn-Du già.

Suốt mấy trăm bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du, là suốt mấy trăm lần, ông bộc lộ sự xao xuyến thâm-thâm trước hình-ảnh già và tóc bạc. Tóc bạc tố-cáo sự già cả, suy-nhược, hay đúng hơn sự tàn-phá phủ-phàng mà hóa-công đang giáng xuống trên con người Nguyễn-Du. Già và tóc bạc trùm một màu tang bi-thương lên cả cuộc đời Nguyễn-Du khiến cho mỗi khi nhìn vào thân phận mình ông thấy như đang tan rã ra để rơi từng giọt vào hủy-diệt.

Năm tháng hầu như lúc nào cũng rình-rập cướp mất tuổi trẻ của ông:

Hạ thử đông hàn dọa thiếu niên

(Tập thi)

Bệnh và già hầu như đã lẫn lộn trong cuộc đời bi-thương khiến cho Nguyễn-Du không biết được già và bệnh khác nhau thế nào, bởi cả hai đã gắn liền với đời ông ngay từ buổi trai trẻ:

Giám mặc tàng sinh lão bệnh dư

(Tập thi II)

Nhìn thấy xác-thị mình như đang bị rã rời, tan rã dưới sức tàn phá của già, tóc bạc, Nguyễn-Du đã có lúc như muốn thụ hưởng cho thật vội vã cũng không kịp:

Mộ niên hành lạc tích tu du

(Mạn hứng)

Không phải là Nguyễn-Du không làm đủ cách lừa mình mà giữ lại tuổi trẻ, ông cũng đi dưỡng bệnh, cũng chăm lo tuổi xuân, nhưng rồi lấy gương soi, mỗi tuyết-vọng lại thê thảm hơn, vì mỗi lần soi gương là mỗi lần thấy già hơn, suy-nhược hơn :

Xuân hàn hạ thử cổ tương xâm,
Nhất ngọa hồng sơn thế nguyên thâm
Minh kính hiều hàn khai lão sầu
Sài phi dạ tĩnh khốn thân ngâm

(Ngọa bệnh II)

Nhất thiên hàn sắc tảo phù vân
Lão lai bạch phát khả liên như
Trú cửu thang sơn vị yếm nhân
Tối thị thiên nhai quỵên du khách

(Thu dạ)

Nguyễn-Du không phải là không muốn giấu giếm cái gì của mình đối với chúng bạn, nhất khi chúng bạn ấy thuộc phái đẹp. Ông đau đớn phải chứng bái cái thân phận suy tàn của mình ra trước mặt mọi người:

Lão nạp an miên Hồng lĩnh vân...
Bạch đầu vô li chuyết tàng thân

(Dạ hành)

Vạn lý tây phong lai bạch phát

(Tập ngâm I)

Đãng tiền đầu tưu khởi suy nhan

(Tập ngâm II)

Nhiều lần, Nguyễn-Du muốn vươn mình lên, tỏ ra mình có khí phách nhưng màu tóc bạc rồi cũng làm tiêu ma tất cả:

Bạch phát tiêu ma bản sĩ khí

(Tập thực đình)

Thối thường các nhà thơ cổ điển ta xưa ưa nói đến thiên nhiên vũ trụ, đến tha nhân mà ít khi nói về mình. Nguyễn-Du ngược lại lúc nào cũng quay nhìn vào nội giới. Mà cái nội giới được Nguyễn-Du chú mục vào để suy tư, chiêm ngưỡng là cái thân phận đang già, nghĩa là đang bị thời gian tàn phá hủy diệt.

Sự hủy diệt ấy được nói lên bằng mái tóc bạc phơ lồng thêu
trên vai áo :

Bạch phát sồ hành thủy ngã khâm

(Là phù giang thủy các đặc 199)

bằng mái tóc bạc phơ trên tấm thân già đôi khát.

Bạch đầu sơ kế duy y thức

(Đạ 198)

bằng mái tóc bạc chổng phất những năm tháng và bệnh tật :

Tiểu tiểu bạch phát mộ phong suy...

Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng

Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi

(Tự thán I)

Xuân thu đại tự bạch đầu tân

(Tự thán II)

Thanh thảo thôn tiền ngọa lão ông...

Lão khứ vị tri sinh kế chuyết

(Thôn dạ)

Đông hoàng sinh ý lậu hàn mai

Lân ông bốn tâu thôn tiền miếu

(Xuân nhật ngẫu hứng)

Niên quang ám trục bạch đầu lai

(Đối tửu)

Sự hủy diệt ấy còn được nói lên, hay đúng hơn là được rên lên
như những tiếng náo nùng trong cô đơn, giữa hoang vắng, quạnh quẽ
bằng sương thu gió lạnh.

Bạch phát tiêu tiêu cô đạo bàng

(Cương đầu tân bộ II)

Nhĩ nữ thành quân tử bất phương

(Giân công bộ Trần (hiem sự)

Thiên nhai không đối lão tỳ thần

Nhất lộ giai lai duy bạch phát

(Hiem quan đạo trung)

Bạch phát thu phong không tự ta

(Vinh châu hiệu tử hậu cổ tịch)

Bạch đầu thiên lý tâu thu phong

(Nhiếp khẩu đạo trung)

Tiêu tiêu bông mấn lão phong trần

(Xuân tiêu lữ thứ)

Ảnh lý tu mi khan lão hỷ

(Lạng sơn đạo trung)

Màu trắng tang tóc chẳng những phủ lên tâm thao thức của Nguyễn-Du, mà còn được ông quảng lên bùm kín cả ngoại cảnh ở chung quanh ông, khiến cho cái gì dưới mắt Nguyễn-Du cũng tang già, bạc phơ, tan rã, hủy diệt :

Viếng mộ Nhạc Vũ Mục, một hầy tôi trung liệt của đời Tống, Nguyễn-Du ngậm-ngùi đứng nhìn sự điêu tàn của tất cả, của người anh hùng của nhà Tống cũng như của chính nhà Tống :

Sau khi viếng mộ Nhạc-Phi người đã bị tên gian thần là Tần-Cối sát hại, Nguyễn-Du lại đứng ngắm tượng vợ chồng Tần-Cối bị dân chúng dễ qui ở trước mộ Nhạc-Phi. Thật là cảnh có cảnh nào như phàng cho bằng cái cảnh này vậy. Nhạc Phi tiêu ma đã đành, đến như Tần-Cối đã từng giết Nhạc-Phi để như giết kiến dễ cuối cùng cả chồng lẫn vợ Tần-Cối phải quý lạy mộ Nhạc-Phi :

Màu già, màu tang tóc như vậy đã như hội lên nhoe nhoe cả cảnh Thăng-Long. Thực vậy, còn gì bị thương bằng nhìn cảnh những tàn dư nguy-nga nay biến thành đường cái quan, mà nhất là cảnh những cô gái trẻ, xinh đẹp của ngày nào mà ngày nay đã biến thành các bà già bế con ẵm cháu, cảnh những chàng trai ngộ nghĩnh thiếu xưa nay thành những cụ già bệ vệt :

Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long

Thiên niên cự thất thành quan đạo

Nhất phiến tôn thành một cổ cung

Tương thức mĩ nhân khan hảo tử

Đồng du hiệp thiếu tôn thành ông

(Thăng-Long I)

Nguyễn-Du than thở đau đớn khi gặp lại nàng hầu trẻ măng của em ông mà phải chốc đã thành bà mẹ ba con :

Bạch đầu tương kiến khốc lưu ly...

Kiến chuyển gia nhân dĩ tam tứ

(Ngọ gia dĩ cụ cơ)

Nhưng có cái cảnh già nào làm náo lòng Nguyễn-Du bằng cái cảnh của cô Cầm trong Long thành Cầm già ca. Cô Cầm mà Nguyễn-Du gặp ở hồ Giám thời Tây-Sơn còn trẻ là một cô Cầm trẻ, mặt tươi như hoa đào, ngây thơ và say sưa khiến cho đến triều đình nhà Tây-Sơn còn say mê nghiêng ngả, cái cô Cầm ấy ngày nay được gặp lại giữa một đám ca-sĩ trẻ măng, nhưng tóc cô nay đã bạc, mặt cô võ vàng, nhăm sắc khô héo :

*Dư ức thiếu thời tăng nhất kiến
Giám hồ hồ biên dạ khai yển...
Hồng trang yếm ái đào hoa diện
Đà nhân hám thái tối nghi nhân...
Tịch trung ca sĩ giai nhân thiếu
Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa
Nhan sầu thần khô hình lược thiếu...*

(Long thành cầm già ca)

Hình ảnh cô Cầm tóc bạc là một hình ảnh tang-tóc tuyệt-vọng, đim sâu Nguyễn-Du vào một vũng cô liêu bao la mà ông không làm sao thoát ra ngoài được.

Nguyễn-Du, thi-sĩ của mồ mả, tha ma, nghĩa-địa.

Ở Việt-Nam, có lẽ Nguyễn-Du là người thứ nhất và cũng là người độc nhất đã tạo cho mình một nền văn chương mồ mả, tha ma, nghĩa-địa. Nền văn chương mồ mả, tha ma nghĩa-địa này rất thịnh hành ở các xứ sương mù miền Bắc Âu-Châu như Irlande, Ecosse, Islande vào các thế kỷ XVI và XVII, rồi ảnh hưởng vào văn học Pháp từ cuối thế kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX. Như vậy nền văn chương mồ mả, tha ma, nghĩa-địa ở Việt-Nam cũng như ở Pháp đều phối thai vào cuối thế kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX. Nguyễn-Du là ông tổ của nền văn chương đen tối, âm u, bí đật này. Hình như nhìn dân, Nguyễn-Du cũng nhìn thấy mồ mả, nghĩa-địa. Phải chăng những năm đói kém, người chết ngập đường, không đủ đất và đủ phương tiện để mà chôn cất vào những tha ma nghĩa-địa hân hoan, đánh phải chôn vùi qua loa bầy bọ gập đầu hay đấy. Mồ mả có lẽ vì vậy mà ngồn ngộn mọi nơi mọi chỗ như sau này Nguyễn-Du từng ghi nhận trong Kiêu:

Ngồn ngồn gò đồng kéo lên

(Kiêu)

Làn khí nồng nực, bí thương của tha ma, nghĩa-địa như một tấm khăn liệm lớn lao buông rủ lừng lừng bao bọc lấy cả vũ trụ Nguyễn-Du. Thực vậy, đầu cô mồ mả, nhất là mồ mả của các bậc đế vương, các công hầu

khanh tướng, nhất là mồ mả của gái đẹp, những ca sĩ dọc đường đứt gánh, là Nguyễn-Du tìm đến, đắm mình vào những làn khi cô lạnh, chết chóc đề rồi hầu như chết lịm đi trong đó.

Ông viếng mồ ca nữ đất La Thành (Điếu La thành ca giả), ông viếng mồ Cù Thúc Trĩ (Quê Lâm Cù các bộ), viếng mồ Tam-lư đại phu (Trương đảm điệu Tam lư đại phu), ông viếng mồ Văn thừa-tướng (Độ hoài hữu cảm Văn thừa tướng), ông viếng mồ Âu Dương Tu (Âu dương văn dương Đỗ Thiệu Lăng mộ), ông viếng mồ Bùi Tấn Công (Bùi Tấn Công mộ), ông viếng mồ Tàn Cối (Tàn Cối tượng), ông viếng mồ Chu Lang (Chu Lang mộ), ông viếng mồ Tĩ Can (Tĩ Can mộ), ông viếng miếu ba liệt nữ (Tam liệt miếu), ông viếng mồ Á Phủ (Á Phủ mộ), ông viếng đình Tô Tàn (Tô Tàn đình), ông viếng đài Đồng-tước của hai nàng Kiều (Đồng-tước đài).

Thật là cả hàng mấy chục bài thơ, bài ca dành hẳn cho mồ mả, tha ma, nghĩa địa. Hình như đi đến đâu, Nguyễn-Du cũng tìm đến viếng tha ma nghĩa địa, đắm mình trong sự thâm u giá lạnh của tang-tóc và chết chóc, nhất là đề nghe rên rỉ trong gió thoảng sự bi-thương của thân phận làm người, cho dù cái thân phận ấy có là của các bậc đế-vương, công-hầu khanh tướng. Những vua chúa quan quyền, xưa kia rất mực danh-giá sán sau cửa trước rộn rịp những tiếng ca ngợi chúc tụng, những gái đẹp những ca-sĩ với tiếng hát mê-ly đã từng làm say sưa nghiêng ngã hàng ngàn vạn con người, tất cả gần ấy thứ này ngày nay còn gì ở bên cái nấm mồ? Làm bạn với mồ-mả ngày nay chỉ có sương giá, tuyết lạnh mưa nguồn, gió hắt hiu. Sự chết như tỏa ra màu âm-đạm thấm ướt cả vũ trụ và làm ngất lịm khách du-hành Nguyễn-Du.

Nguyễn-Du, thi sĩ của tan rữa, điêu tàn hủy diệt

Có lẽ không có gì ám ảnh Nguyễn-Du cho bằng hình ảnh sự tan rữa, điêu tàn hủy diệt. Thực vậy, sự tan rữa, điêu tàn hủy diệt như sương giá thấm ướt cả người, vật, cỏ cây trong thế giới Nguyễn-Du. Hầu như tan rữa, điêu tàn, hủy diệt.

Dưới mắt bi quan của Nguyễn-Du, chẳng có gì là kiên cố bền vững, bao nhiêu là triều vua đã qua đi, cỏ khác nhau chỉ là dài ngắn mà thôi: những triều đại đang vững được ngàn năm đâu có trong lịch sử loài người:

Cỏ kim vĩ kiến thiên nhiên quốc (Vĩ Hoàng doanh)

Không có gì đang đứng yên trong thế giới Nguyễn-Du, ngược lại tất cả đều đang xê dịch mà xê dịch để điêu tàn, tan rữa rồi là lướt vào trong hố hủy diệt.

Thực vậy thiên nhiên cho đến cả sự vật trong thế giới Nguyễn-Du, đều đang héo hắt, hao mòn, rỉ rả, hủy diệt.

Hoa lá nhuộm đầy về thu, nghĩa là vàng ủa, tả trời:

Nhất song thu sắc tại hoàng hoa

(Tập ngâm I)

Thực chẳng có gì của ngày hôm qua còn sót lại đến ngày hôm nay
hôm qua và hôm nay, như trời với đất:

Đồng niên đối diện cách thiên nhưởng

Vãng sự hồi đầu thành cổ cảm

(Tập thực đình)

Vinh hoa phú quý có nghĩa lý gì thực chỉ là áng mây buổi sớm, trôi
nhảy mất có thể tan biến hết cả:

Thiên lý ly gia lữ mộng tri

Dạ tú vinh hoa thân ngoại huyễn

Triều vân danh lợi nhân tiền phi

Lũng thiên tuế tuế qua diển thực...

(Đại tác cửu thư tư qui)

Còn gì vững bằng những thành quách cung điện của các triều vua
chúa, vậy mà tất cả những thứ ấy đều tan biến. Trong bài Thăng Long
Nguyễn-Du đã vẽ hai cảnh Thăng Long, một Thăng Long lúc ông còn
trẻ và một Thăng Long lúc ông tóc bạc, nghĩa là chỉ cách nhau tr
đười mười mười lăm năm. Vậy mà những ngôi nhà lâu đài xưa
đã thành đường cái:

Bách đầu do đắc kiến Thăng Long

Thiên niên cư thất thành quan đạo

Nhất phiên tân thành một cổ cung

(Thăng Long I)

Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành

Do thị Thăng Long cựu đế kinh

Cử hạm tứ khai mê cựu tích

Quán huyện nhất biến tạp tân thanh

(Thăng Long II)

Trong bài Triệu vũ-Đế cổ cảnh, Nguyễn-Du còn nói lại cái ý tưởng
ông đã diễn giải ở hai bài Thăng Long, nghĩa là cũng khóc thương ng
dại vì nỗi cảnh đời biến dịch rồi: bao nhiêu lâu đài nguy nga tr
thuộc nay đã nghiêng đổ, cả đến năm mô cổ nghìn thu nay cũng
hết dấu tích:

*Bách xích cao đài khuy nh linh biêu
Thiên niên cồ mộ một Phấn ngu
Khả liên thế đại tương canh diệt*

(Triệu Vũ đế có cảnh)

Cả đến những sự nghiệp vĩ đại của Tôn Quyền, của Lưu Bị nay cũng tan nát, tiêu vong chẳng còn để lại dấu vết hình tích gì, có chăng còn chỉ rừng cây bao la bát ngát :

*Địa lưu khuyết hãm hạn tam Ngô
Thu phong lạc nhật giai hương vọng
Lư thủy phi vân thất bá đồ
Tôn sách, lưu phán hà xứ tại ?
Thương nhiên nhất vọng tận bình vu*

(Sơ vọng)

Đến khi qua sông Hoài cảm nhớ Hoài âm hầu Nguyễn Du cũng vẫn khóc thương những sự tan rã, đã rồi đến chẳng còn để lại dấu vết gì cho hậu thế :

*Lưỡng Hán sơn hà biến cồ cảm
Trừ trưởng giang đầu tư vãng sự
Đoạn văn suy thảo cách Hoài âm*

(Dạ hoài hựu cảm Hoài âm hầu)

Tôi thăm Hán Dương, Nguyễn Du đã đề nước mắt là chữ khóc thương cái cảnh huy hoàng đồ sộ của thời xưa nay chỉ còn là một kỷ niệm đau buồn : những cung điện xưa réo tiếng đàn sáo ngày nay chỉ còn là bãi hoang đầy những rau tần :

*Bá vương trần tích thuộc du du
Hán thủy thao thao trú dạ lưu
Qui lạc lưỡng sơn tương đối ngạn
Thần tiên nhất khứ chỉ không lâu*

*Tượng tượng đương niên xuy dịch dạ
Bạch tần hồng liễu mãn đình châu.*

(Hán dương vãn diêu)

Nhưng có lẽ không ở đâu Nguyễn Du cảm thấy thấm thía sự suy tàn, rã rời của sự nghiệp người đời cho bằng lúc ông đứng ngắm đài Đồng Lạc : Tào Tháo đã sử dụng bao nhiêu là công phu và chân bản để xây

cất những cung điện nguy-nga, rực rỡ, nhất là kiên-cố với ý định như đề chống lại sức cướp phá của vũ-trụ, vậy mà ngày nay, khách du hành bước tới nơi đây thì thấy lâu đài, cung điện thì còn nhưng tất cả đều đã nghiêng đổ, hơi lâu Ngọc-Long và Kim Phượng đã mất cả dấu tích, chỉ còn lại có gió lạnh, cỏ lau, cảnh thu. Nguyễn-Du buồn mê man :

Bất kiến Nghiệp Trung Ngụy vũ đế
 Dẫn kiến giang biên Đồng tước đài
 Đài cơ tuy tại, di huỳnh di
 Âm Phong nộ hào thu thảo mị
 Ngọc Long, Kim Phượng tận mang mang
 . . .
 Ngã tư cổ nhân thương ngã tình
 Bồi hồi phủ ngưỡng bi phù sinh
 Như thử anh hùng thử như thử
 Huống hồ thốn công dĩ bạc danh
 Nhân gian huấn nghiệp nhược trường tại
 Thử địa cao đài ưng vị huỳnh

(Đồng tước đài)

Ngắm thiên nhiên vũ trụ, Nguyễn-Du còn cảm kích bị thương trước những cảnh biến di, rồi rời hướng hồ là nhìn vào thân phận con người đang bị sức tàn phá phũ phàng của thời gian thì biết Nguyễn Du còn tuyệt vọng, hốt hoảng biết bao nhiêu.

Bởi bệnh hoạn liên miên, Nguyễn Du đâm ra hốt hoảng trước cuộc đời, sống với vấp, lo sợ, bởi vì trước mắt ông cuộc đời biến đổi như mặt biển đầy sóng gió :

Du du vân ảnh biến thần tịch
 Cồn cồn lãng hoa phù cổ cầm
 Trần thế bách niên nhai nhĩn mộng

(Là phù giang thủy các độc họa)

Đặc biệt là đối với thân phận con người, Nguyễn-Du mỗi khi nhìn vào nó đều nhìn nó ở cái lúc thứ hai, tức cái lúc tàn tạ của nó, sau khi đã ôn lại cái lúc thứ nhất là cái lúc xuân trẻ qua đi như bóng buổi sớm để chìm vào hoàng hôn hay đêm tối triền miên.

Cái vẻ đẹp của các cô gái trẻ chỉ thoáng qua mắt ông, cái sức lực của tuổi thanh niên cũng chỉ là một kỷ niệm, hiện giờ trong cái nhìn ở đợt hai, ông chỉ thấy điêu tàn: các cô gái vinh trẻ này đã thành các bà mẹ ẵm con, bế cháu, các thanh niên đã thành các ông già râu bạc phơ.

*Tương thức mĩ nhân khan bão tử
Đồng du hiệp thiếu tặn thành ông*

(Thăng Long)

Chẳng những ông nhìn thấy sự điều tàn mà còn nhìn thấy cả sự hủy diệt, tiêu vong nữa: thực vậy bao nhiêu bạn bè thuở trẻ chơi nghịch với ông nay đã thành người thiên cổ cả hay cũng lưu lạc vô tăm hơi để lại ông một mình với làn tóc bạc:

*Tảo tuế thân bằng bán tử sinh
Thế sự phù trầm hữu thân tức
Tư gia đầu bạch diệc tình tình*

(Thăng Long II)

Nào nhàn sắc lông lầy như người ca nữ đất La thành mà ông gọi là cảnh hoa diễm lệ tự cõi tiên sa xuống, sắc đẹp làm rung động, xốn xao khắp sáu cõi, ngày nay còn gì đâu:

*Nhất chi nùng diễm hạ bồng doanh
Xuân sắc yên nhiên động lục thành*

(Điếu La Thành ca giá)

Chẳng những người mà chính thân mình, Nguyễn-Du cũng thấy nó đang tan rã, rơi chảy vào hủy diệt:

*Phong trần đội lý lưu bì cốt
Khách chầm tiêu tiêu lưỡng mấn bồng*

(Trợ khách)

Sự tan rã, hủy diệt chẳng phải chỉ đến với bọn thường nhân mà càng đến phũ phàng với bọn tài ba, thế giả của xã-hội.

Viếng Tam-Lư đại phu, tức Khuất Nguyên, Nguyễn-Du đã nước mắt khóc thương sự hủy-diệt không còn để lại một dấu vết nhỏ của bậc vĩ nhân: xương thịt Khuất-Nguyên, rồng cá nuốt tủa hết, chẳng để lại dấu vết gì hết:

*Ngư long giang thượng vô tàn cốt
Đổ nhược châu biên hữu chủng phương
Cực mục thương tâm hà xứ thị
Thư phong lạc điệp quả Ngaoan Tương*

(Tương Đàm điệu Tam Lư đại phu)

Danh giá lấy lừng như Tôn Quyền, Lưu Bị, mà dưới mắt Nguyễn-Du, ngày nay còn chỉ còn là một kỷ-niệm chưa chắt dùi dập dưới bóng cây, rừng thẳm đã xâm chiếm cung điện nguy-nga thời xưa:

Lưu thủy phù vân thất bá đồ

Tôn sách, Lưu phân hà xứ tại ?

Thương nhiên thất vọng tận bình vu

(Sở Vọng)

Sắc, tài và quyền thế thì trên đời này ai bằng Dương Quí-Phi, khiến cho cả triều đình chẳng ai dám lên tiếng vậy mà ngày nay tiền tan hết sạch cả ngay đến nắm mồ cũng bị san bằng, chỉ còn có gió hiu hắt, ngậm ngùi mà thôi:

Sơn vân trước lược, ngân hoa minh

Kiến thiết Dương Phi thứ địa sinh

Tự thị cử triều không lập trượng

Uông giao thiên cồ tội khuynh thành

Thê thê nam nội bộng cao biến

Mịch mịch tây giao khẩu lưỡng bình

Lạng tạ tàn hồng vô mịch xứ

Đông phong thành hạ bất thắng tình

(Dương phi cổ lý)

Chẳng phải chỉ những người tàn ác mới bị trời đất tiêu diệt mà ngay những người văn nhân đạo đức có thừa như Âu Dương-Tu cũng bị Nguyễn-Du nhìn bằng đôi mắt bi thảm. Thực vậy, nơi nghỉ của một trong tám nhà văn thời đời nhất Trung-Quốc, dưới con mắt Nguyễn-Du chỉ là một hố chứa đầy chuột bọ, chẳng một ai hương khói; những người hạn duy nhất của Âu Dương-Tu là những tiểu phu hay mục-tử :

Thu thảo nhất khẩu tàng thử lạc

Danh gia bát đại thiện văn chương

Trường tủng chi thảo sinh hà ư ?

Tiểu mục ca ngâm quá tịch dương

(Âu dương văn trung công mộ)

Lần khác đến viếng mộ Bài Tấn Công là một bậc văn võ toàn tài, huân nghiệp rực rỡ, Nguyễn-Du đã chỉ nhìn thấy nấm xương trắng vùi dưới hàng cây buồn rũ vàng lên tiếng quốc kiêu quân quai:

Bạch cốt thiên niên cách tễ sinh

Thương tâm cận nhật chiếu lăng thu

Nhất đại để quyền triệt Vị thành

(Bài Tấn Công mộ)

Viếng mộ Nhạc Vũ Mục, một bầy tôi trung-liệt của đời Tống, Nguyễn-Du ngâm ngùi đứng nhìn sự điêu tàn của tất cả, của người anh hùng Triều Tống cũng như của chính nhà Tống:

*Quán môn đo tích thập niên công
Giang hồ xú xú không nam quốc
Tùng bách tranh tranh ngạo bắc phong
Trưởng vọng Lâm-an cựu lăng miếu
Thê hà sơn tại mộ yên trung*
(Nhạc vũ mục huỳnh)

Sau khi viếng mộ Nhạc-Phi người đã bị tên gian thần là Tần-Cối sát hại, Nguyễn-Du lại đứng ngắm tượng vợ chồng Tần-Cối bị dân chúng đề qui trước mộ Nhạc-Phi. Thật là cảnh nào phù phàng cho bằng cái cảnh này vậy. Nhạc-Phi tiêu ma đã đành, đến như Tần-Cối đã từng giết Nhạc-Phi để như giết kiến để cuối cùng cả chồng lẫn vợ Tần-Cối phải qui lay mồ Nhạc-Phi:

*Điện cối hà niên chùy tác tân
Khước lai y bạng Nhạc Vương phần
Thị phi tận thuộc thiên niên sự
Đả mạ hà thương nhất giả nhân*
(Tần Cối trọng)

Tô-Tần đã từng lập sự nghiệp lớn trỏ thù được vợ và gia đình uy hiếp bao nhiêu là nước láng giềng, nhưng cuối cùng là Tô-Tần cũng tan tác. Thực vậy, sau tướng sáu nước dâng cho Tô-Tần rồi cũng tiêu-tan hết, chỉ còn lại có tro một ngôi đình cây cỏ buồn rầu, héo-hắt:

*Lục quốc ẩn tiêu sa mạc mạc
Nhất đình thu mộ thảo thê thê
Nhữ sinh quyền lợi thành vô vị
Kim cô thủy năng phá thử mê*
(Tô-Tào đình)

Đứng bên mồ Chu-Lang, người hùng đã diệt trăm vạn quân Tào-Tháo, Nguyễn-Du đã chỉ nhìn thấy có một đồng gạch ngôi đồ nát một ngôi mộ cỏ đầy gai chông, có vẻ hoang vắng, thê thảm.

*Ngổa lịch Ngổ cung hoang đế nghiệp
Kính trấn cỏ mộ thưng hùng danh*
(Chu Lang mộ)

Và đứng bên mồ Á-phủ, tức Phạm-Tăng muro sĩ của Hạng-Vũ, Nguyễn-Du cười chê mai-mĩa sự đồ vỡ tan nát của cơ nghiệp của Á-Phủ muốn xây dựng: thật vậy, sự nghiệp của Á-Phủ chỉ còn lại ngôi mồ cỏ huu quạnh dưới trời thu âm đạm:

Bá đồ dân diệt thiên niên hậu

Cồ mộ hoang lương tam xích thu

(Á Phủ mộ)

Nhưng không ở đâu giọng thơ của Nguyễn-Du có vẻ bi thương bằng hai bài Đồng tước đài và Long thành Cầm giả ca.

Đứng trước đài Đồng tước tiêu điều, Nguyễn-Du đã thôn thừ tưởng nhớ người anh hùng chọc trời khuấy nước. Tào-Tháo đã từng quyết tâm làm cho mình bất diệt bằng việc xây đài Đồng tước. Trước sự suy tàn, đồ vỡ, rã rời của tất cả, Nguyễn-Du đã rên rỉ: «Ôi người anh hùng thuở xưa, bây giờ còn ai thấy! Sự nghiệp lớn lao của họ Tào chỉ còn để lại một ngôi lầu vắng, ải nát thôi ư! Hai lầu Ngọc-Long và Kim-phượng dành cho hai kiều đã đồ nát chẳng để lại vết tích gì thì còn nói gì đến những nàng vũ nữ ca nhi ở trong lầu.» Thương người rồi thương mình, Nguyễn-Du như hốt hoảng trước sự tàn phá ghê sợ của thời gian, Sự nghiệp lớn lao ví như sự nghiệp của dòng họ Tào mà ngày nay cũng tiêu tan hết hướng hồ những người danh nghiệp ít như Nguyễn-Du thì còn tiêu ma đến mức độ nào, bi thảm đến bao nhiêu:

Nhất thế chi hùng an tại tại?

Cồ nhân khứ hử, kim nhân lai

Bất kiến nghiệp Trung Ngụy vũ đế

Đãn kiến giang biên Đồng tước đài

Đài cơ tụy tại, dĩ khuynh di

Âm phong nộ hào thu thảo mị

Ngọc Long Kim Phượng tận mang mang

Hà hướng đài trung ca vũ kỹ

Ngã tư cồ nhân thương ngã tình

Bồi hồi phủ ngưỡng bi phù sinh

Như thư anh hùng thả như thư

Hướng hồ thốn công dữ bạc danh

Nhân gian huân nghiệp nhược trường tại

Thử địa cao đài ưng vị khuynh

(Đồng tước đài)

Qua ngàn ấy bài thơ trích trên đây, Nguyễn-Du đã cho chúng ta nhìn và cảm thấy sự điêu tàn hủy diệt của thiên nhiên cỏ cây hay của các người xưa. Đến như ở bài Long thành cầm giả ca, thì Nguyễn-Du ném ra ngay dưới mắt ta sự tan rữa bi thảm của thân phận chính người yêu của ông, một sự tan rữa bi thảm ông đã cố tình ngăn giữ lại mà không làm gì nổi. Nó tan rữa ngay trên bàn tay nâng niu, che chở của Nguyễn-Du. Thực vậy, Nguyễn-Du mới ngày nào quen thân cô Cầm, lúc ấy mới hai mươi một tuổi, cô trẻ, cô đẹp mặt tươi như hoa đào, điệu bộ say sưa, ngây thơ, quyến rũ từng làm cho cả triều đình Tây Sơn mê man nghiêng ngả. Thế mà chỉ trong chốc lát, cô Cầm đã tóc bạc, nét mặt tiều tụy, thân sắc khô héo, thân hình gầy yếu, cái con người đẹp nhất Hà Thành ấy, ngày nay chỉ còn là một thân tàn ma dại:

*Dư ức thiếu thời tăng nhất kiến
Giang hồ hồ biên dạ khai yển
Kỳ thời tam thất chính phương niên
Hồng trang yếm ái đào hoa diện
Đà nhan hám thái tối nghi nhân*

*Tịch trung ca kị giai niên thiếu
Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa
Nhạn sâu thân khô hình lực tiều
Lang tạ tàn mi bất sức trang*

(Long thành Cầm giả ca)

Nói tóm lại, người, cỏ cây, và cả sự vật, tất cả dưới mắt Nguyễn-Du đều tàn tạ, rũ rời đi vào hủy diệt. Ông có con mắt kỳ quái: ông không nhìn sự vật như người ta thường nhìn mà nhìn cái gì cũng như đang tóe máu:

Oán huyết quý thời hóa đồ quyền

Ông không nhìn sự vật như nắm ý ra đây, bất động mà đang biến rời để tan rữa, rơi vào hủy diệt. Cuộc đời trăm năm đi nữa có là mấy chốc:

Bách tuế vi nhân bi thuận tức

(Mạn hồng 1)

Chính thân xác ông cũng thấy nó đang tan rữa, ông muốn gào lên giờ tay muốn tìm một chỗ náu để khỏi rơi vào hư vô: kết quả, thấy mình cô đơn rơi vào hủy diệt, hư vô.

*Nguyệt-Du, thí-sĩ của hốt hoảng,
cô đơn rơi vào hủy diệt, hư vô.*

*Nguyễn-Du, bản khoán, tuyệt vọng.
Sao xuyên, bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du là mấy trăm lần Nguyễn*

Mấy trăm bài thơ chữ Hán của Nguyễn-Du là mấy trăm lần Nguyễn

Du té xỉu, ngã lăn ra đấy như một con bệnh thần kinh, luôn luôn hốt hoảng, xao-xuyến, bồn-khoăn tuyền-vọng...

Tâm hồn Nguyễn-Du mỏng và căng như một sợi tơ, cho nên dễ bị rung lên mỗi khi có một hơi thở nhẹ lướt qua, mà rung lên thành tiếng rên-rỉ, náo-nùng vô cùng. Thực vậy, không có gì không làm cho Nguyễn-Du hốt-hoảng, xao-xuyến và hét lên kinh hoàng. Như ta đã thấy ở trên, Nguyễn-Du hốt-hoảng, xao-xuyến trước những đe dọa của nghèo khổ, túng đói, nhất là trước sự phá hoại đến hủy-diệt, tan rữa của già, tởm bạc, bệnh hoạn. Một màu đen lạnh lẽo, ghê rợn phủ trùm lên cuộc đời Nguyễn-Du khiến ông nhìn đâu cũng thấy chết chóc với những mồ mả, tha ma, nghĩa-địa.

Ngoài ra Nguyễn-Du còn hốt hoảng là bởi ông buồn bã bi-quan, mang một tâm sự uất ức, bi thảm, kéo lê một kiếp sống lẻ loi cô độc và bí hiểm.

Nguyễn-Du buồn-bã, bi-quan cho nên ông nhìn gì ông cũng thấy nó đang già, đang điều tàn, đang tan rữa, hủy-diệt : sự buồn của ông đã chảy tràn lan lên cảnh vật khiến cho vũ trụ vì vậy mà bị mưa ướt nhầy nhụa đề rồi sự giá lạnh bi thảm của vũ trụ lại thấm ướt trở lại cuộc đời ông khiến cho nó bị tê buốt, chết cứng. Thực vậy nhìn đâu, Nguyễn-Du cũng buồn, và thơ ông lúc nào cũng toát ra ướt át khi buồn lạnh. Ngắm cảnh trăng non Nguyễn-Du không thấy lòng ấm áp mà chỉ thấy sương móc lạnh đầy sân, khiến ông như ngất lịm đi.

*Nhất định sương lộ cộng sầu miên
Bồi hồi chính ức Hồng sơn dạ*

(Sơ nguyệt)

Tâm tình đã dễ xúc động như vậy mà Nguyễn-Du lại cứ thích một mình ngồi đêm ngoài trời cho thân ướt sương và cho hồn thấm buồn lênh láng :

*Vi phong bất động sương thủy địa
Tà nguyệt vô quang tình mãn thiên
Kim cổ nhân sầu lai túy hậu*

(Dạ tọa)

Có khi ông còn thơ thần hồn theo cánh chim nhận không phương hướng :

*Nhất phiến hương tâm thềm ánh hạ
Kính niên biệt lệ nhận thanh sơ*

(Sơ cư mạn hứng)

Có khi ông hùng hồn trôi dạt trên dòng sông bao la để rồi như bị đắm chìm, chết đuối dưới dòng sông :

*Đồng lung giang thủy khứ dư du
Kim cò nhàn sâu bất trú lưu*

(Đồng lung giang)

Có lúc nằm nơi quán khách, nghĩ đến nạn chinh chiến, ông trăm
mình vào trong cõi buồn vô hạn :

*Dã khốc thời văn chiến phạt thanh
Khách xá làm sâu dĩ vô hạn
Mạc giao mao thảo câu giai sinh*

(Thanh minh ngẫu hứng)

Có lúc, chờ cho chiều xuống, lê bước trong núi nghe tiếng vượn kêu
nào nề đứt ruột :

*Nhật tà mạc hướng Hoa-sơn quá
Phạ hữu thanh thanh trường đoạn viên*

(Minh gian chu)

Nỗi buồn thấm xuống làm tan rữa, tê cứng mọi tri hướng anh hùng
khiến người trai khỏe mạnh trở nên yếu đuối, khóc xướt nước như đàn
bà con gái :

*Anh hùng tâm sự hoang tri sinh
Danh lợi doanh trường lũy tiểu tân
Nhân tự tiêu điều xuân tự hảo
Đoàn thanh thành hạ nhất triêm cân*

(Xuân tiêu lễ thứ)

Nỗi buồn của Nguyễn-Du càng lai láng, mênh mông trong những ngày
lưu lạc xa quê hương trong hồi đi sứ. Nỗi buồn càng lắng như rít lên
thành tiếng ve kêu, khiến tình thương lai láng không dân nổi :

*Thập phân thu ý đảo thiên thanh
Thương tâm thiên lý nhất hồi thu
Mãn mục Sở sơn vô hạn tình*

(Vũ thặng quan)

Sở dĩ Nguyễn-Du buồn thảm, bị thương vì lúc nào ông như đang
thu bình lại, nhìn vào nỗi tâm, trong một sự chiêm ngưỡng triền miên
thân phận lẻ loi, cô đơn, khách lạ của mình.

Chẳng mấy hồi thơ chữ Hán của ông mà ông không làm bộc lộ nỗi
bi thương vì cô đơn, lẻ loi : trong bài Thu dạ, Nguyễn Du đã mô tả cảnh
cô đơn lẻ loi với một ngọn đèn kêu lên kêu xuống trong một đêm dài
vô hạn âm uet những sương lạnh :

Bạch lộ vi sương thu khí thâm
 Giang thành thảo mộc cộng tiêu sâm
 Tiễn dăng độc chiếu sơ trường dạ

(Thu dạ II)

Vì nghèo, và túng đói, nhà cửa ông lúc nào cũng đóng im ỉm trong
 khi thiên hạ mở rộng cửa đón gió núi :

Thiên thai sơn tiễn độc bế môn

(Ký huyền hư từ)

Cô đơn trong lều tranh đóng kín, Nguyễn-Du còn kéo lê thê cái cò
 đơn lẻ loi ấy trên đường trường, trong đêm tối mịt mù :

Cồ mạch hàn phong cộng nhất nhân
 Hắc dạ kỳ mê thất hiều

(Dạ hành)

Làm bạn với mình, cô chẳng chỉ có bóng mình hiện lên một cách
 ghê rợn, đầu tóc xơ xợi :

Bồi hồi đối ảnh độc vô ngữ

Bạch phát sở hành thủy ngã khâm

(La phủ giang thủy các độc tọa)

Trong cảnh cô đơn bao la ấy, lắm khi Nguyễn-Du tưởng được gặp
 ở bóng trăng người bạn tri âm, nhưng đó là người bạn Nguyễn-Du có
 thể nhìn thấy mà không thể nói năng gì với nhau vì sự xa cách :

Cùng liên nhữ giao tương kiến
 Hải giác thiên nhai tam thập niên

(Quyển Hải nguyên tiêu)

Thành ra người bạn duy nhất của Nguyễn-Du là mái tóc bạc,
 một người bạn luôn luôn nhắc cho Nguyễn-Du thân phận bi đát đang
 đi vào tan rã hủy diệt của ông :

Vạn lý đơn xa độ Hán quan
 Nhất lộ giai lai duy bạch phát

(Nam quan đạo trung)

Nhưng không ở đâu Nguyễn-Du đã để lại sự ray rứt bị thâm của
 cô đơn cho bằng ở bài Hoàng hạc lâu. Thật là một bài cô đơn vô biên
 bao vây Nguyễn-Du, khiến cho Nguyễn-Du lâm khi muốn thoát lên, để it
 ra được nghe đáp lại bằng một tiếng vọng mà bi-thảm thay ! vẫn yên
 lặng, yên lặng của dĩ vãng điều tàn, yên lặng của hiện tại đen tối, yên

lặng của tương lai mịt mờ, yên lặng và vắng vẻ của chim muông, của
 bầu trời, yên lặng của mây man mác, yên lặng của trăng, của gió, một
 thứ yên lặng thờ ơ:

*Hà xứ thần tiên kính kỉ thì
 Do lưu tiên tích thử giang mi
 Kim lai cổ vãng Lưu-sinh mộng
 Hạc khứ lâu không Thôi hiệu thi
 Ham ngoại yên ba chung diều diều
 Nhỡn trung thảo thụ thượng y y
 Trung tình vô hạn bằng thùy tổ
 Minh nguyệt thanh phong đã bất tri*

(Hoàng hạc lâu)

Như vậy ta thấy Nguyễn-Du như liên miên bị trôi nổi bình bồng
 trên biển cô đơn bao la, mịt mờ; ta thấy ông càng nỗ lực nhồi lên, kêu
 cứu cứu thì ông càng bị cuốn đi, chìm ngấm trong cái sâu thẳm vô biên
 của cô tịch, lẻ loi.

Bởi bị chìm đắm, bao bọc trong cõi cô liêu vô biên như vậy,
 cho nên Nguyễn-Du phải triển miên mang tâm thức hốt hoảng lo sợ.
 Tiếng nói của ông đã từng rít lên trong sa mạc cô liêu bao la như vậy
 có thấu được tới đâu, thành ra tâm sự Nguyễn-Du là một tâm sự bị
 dồn ép: ông muốn nói mà không có ai để nói với, ông muốn bộc lộ
 mà chẳng có ai để tiếp nhận; ông muốn san sẻ sự ú ứ đầy của tâm-
 sự, mà tất cả mọi cánh cửa đều đóng kín: ông phải dồn lại, đẩy vào
 trong một tâm-tư uất ức, không lối thoát.

Trong bài Mi trung mạn hứng, ông nói ông mang một tâm tư căm
 hận chẳng biết nói cùng ai, có chăng chỉ có Quế Giang ở chân núi
 Hồng Lĩnh là hiểu biết;

*Ngã hữu thôn tâm vô dĩ ngữ
 Hồng sơn, sơn hạ Quế Giang thâm*

(Mi Trung mạn hứng)

Trong bài Phúc Thục đình, ông cũng nhắc đến cái tâm-sự u-uất
 chưa giải tỏ được:

Lý phát đương tri vị bạch tâm

(Phúc Thục đình)

Trong bài Trại khách, ông nói đến cái thân phận là khách lạ, luôn
 lưu lạc trên đường, chẳng có ai hiểu được tiếng lòng bí ẩn của mình;

*Trẻ khách yếm lưu nam hải trung
Tịch liêu lương dạ dữ thủy đông*

(Trẻ khách)

Trong bài Giãn công bộ Trần Thiêm Sự, ông cũng nhắc lại cái tâm sự u-uất của con người cô đơn giữa bãi cát lạnh bao la:

*Nhất dải hàn sa thảo phụ phần
Y biến lan can vô dữ ngữ*

(Giãn công bộ Trần Thiêm Sự)

Cuối cùng trong bài Hoàng-học-lâu, ông muốn hét lên để phá tan cái yên lặng bao la của trời đất đang đè ứ tâm tình bao la vô hạn của ông:

*Hạ ngoại yếm ba chung diêu diêu
Nhơn trung thảo thụ thượng y y
Trung tình vô hạn bằng thủy tổ
Minh nguyệt thanh phong dã bất tri*

(Hoàng học lâu)

Sự cô đơn bao la ấy ông cảm thấy nó đang phủ phàng làm cho ông già lạnh, tê điếng trong lúc này và làm cho ông cảm thấy sự cô liêu triền miên trong kiếp sau, ông sợ sẽ chẳng có ai nhớ đến ông, đem nước mắt nhỏ xuống trên nấm mộ cô lạnh của ông bị vùi giữa bãi hoang vắng. Ông nghĩ đến ba trăm năm sau này không còn ai nhớ đến ông, cho nên ông tự khóc thân thể mình:

*Cô kim hận sự, thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan, ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*

(Độc Tiểu Thanh Ký)

Thực vậy, Nguyễn-Đu luôn luôn quay vào nội tâm của ông trong một sự chiêm ngưỡng siêu hình về thân phận làm người của ông. Rồi từ đấy muôn ngàn câu hỏi bị hiềm, mâu thuẫn, ám ảnh tâm trí ông. Tất cả dưới mắt Nguyễn-Đu đều mờ, không phương hướng: cuộc sống của ông cũng như chính tâm tình ông, ông cũng chịu chẳng hiểu có vì nó đều mang nhiều mặt:

*Tráng sĩ bạch đầu bị hươg thiên
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên*
(Tập thi 1)

Tương lai thật là vô định, chẳng hiểu gió sẽ thổi ông bay về đâu trong cái bao la của vực thẳm vũ trụ này :

Đoạn bông nhất phiến tây phong cấp

Tất cánh phiêu linh hà xứ qui

(Tư thái 1)

Vì thấy đời sống đen tối, bi hiem như vậy, cho nên Nguyễn-Du luôn luôn hốt hoảng, xao xuyến : ông đã từng trăm trọc không ngủ bao đêm trường khi nhìn thấy đời đang tan rã, hủy diệt, khi ngắm những bạn gái xinh đẹp của ngày nào mà ngày nay đã có con hồng, châu bể, nhìn những bạn trai ngộ nghĩnh của hôm xưa nay đã thành các cụ đầu râu tóc bạc :

Tương thức mi nhân khan bão từ

Đồng du hiệp thiếu tận thành ông

Quan tâm nhất dạ khổ vô thuy

(Thăng Long)

Nghĩ đến chiếc thân luân quần mãi trong vòng hữu hình, Nguyễn-Du xao xuyến đêm ngày :

Trắc thân bất xuất hữu hình ngoại

Thiên tuế trường ưu vị tử tiền

(Mộ Xuân mạn hương)

Hình ảnh sự chết như lảng vảng, chớp chồn bao vây quanh Nguyễn-Du, lúc nào ông cũng tưởng tượng như ma quỷ, rờn rợn nó đang xông vào cướp hồn phách ông mang đi :

Đa bệnh đa sầu khi bất thư

Thập tuần khốn ngoại Quế Giang cư

Lệ thân nhập thất thôn nhơn phách

(Ngọa bệnh 1)

Hồi từ chỗ sự chết, Nguyễn-Du hốt hoảng hoang mang, xao xuyến về thân phận mình sau khi nó bị tung thân vào nhà cướp nó mang đi. Thực vậy, Nguyễn-Du luôn lo lắng cho số kiếp sống ở bên kia. Cái mà Nguyễn-Du lo sợ nhất là bị trở thành thân phận cô hồn phải nay đây mai đó, lưu lạc vạn kiếp trên cõi đời, nơi tha ma nghĩa địa, kéo dài cái kiếp đời khốn. Ông nghĩ đến ngày kia bỏ xác nơi bãi cỏ phía tây chẳng hiểu có ai thương tình rưới cho được vài giọt rượu trong tiết trưng dương hay không ?

*Ninh tri dị nhật Tây lăng hạ
Năng âm trùng dương nhất trích vô?*

(Mạn hứng)

Cùng ý tưởng ấy, Nguyễn-Du còn nhắc lại trong bài Đối tửu:

*Sinh tiền bất tận tôn trung tửu
Tử hậu thủy kiêu mộ thượng bôi?*

(Đối tửu)

Nguyễn-Du hẳn khoan xao xuyên trước màu nhiệm của cuộc đời nhất là cuộc đời ở thế giới bên kia. Có lúc ông mơ tưởng đến một số kiếp ma quái lang thang, có lúc rùng mình nghĩ đến cái thân phận mình, thân phận con người bị ma quỷ, rồng rắn, beo sói cắn xé, nhuốt.

Trong bài Ngũ nguyệt quan cạnh độ, ông đã cảm thương lo lắng cho những hồn đang được người ta cầu siêu, gọi về trần thế. Nguyễn-Du lo hộ cho các hồn ấy nếu có hiện về cõi đời thì biết nương tựa vào đâu trong khi vũ trụ này đầy rẫy rồng quỷ quái chỉ chờ đợi nhai xé các cô hồn:

*La cổ niên niên tự tiểu hoan
Hồn nhược qui lai dã vô thác
Long xà quỷ quái biến nhân gian*

(Ngũ nguyệt quan cạnh độ)

Cùng một ý nghĩ ấy đã được Nguyễn-Du quảng diễn cặn kẽ, ở bài Phân chiêu hồn. Nơi đây, sau khi cảm thương các hồn phải xơ xác, gây nhóm ông lên tiếng khuyên các cô hồn đừng ham hương thơm, thịt béo mà quay về nơi đàn chay vì khắp nơi trên thế giới đều là sông Mịch La đầy rẫy rồng rắn, beo sói sẽ cắn xé hồn:

*Chỉ hữu sầu tích vô sung phi
Hồn hễ hồn hễ xuất thủ đạo
Táo liễm tinh thần phản thái cực
Thận vật tái thần phản thái cực.
Hậu thế nhân nhân giai Thượng quan
Đại địa xá xá giai Mịch La
Ngư long bất thực, sài hồ thực
Hồn hễ hồn hễ nại hồn hà*

(Phân chiêu hồn)

Cái ý tưởng nhìn đời như là hang beo sói, rừng rậm, hồ cộp, còn được diễn giải bài Sở kiến hành, khi ông bảo mẹ con người ăn mày sẽ bị beo sói ăn thịt:

Nhơn hạ ủy cầu hắc

Huyết nhục tự sài lang

(Sở kiến hành)

Hết lo sợ kiếp mình bị sài lang cầu xé, nhai nuốt, Nguyễn-Du lại hết hoảng phải làm cái thân cô hồn, ma đói, sầu này chẳng có ai thương, chẳng có ai tưởng nhớ đến, tưới rượu cho hay tưới nước mắt trên nấm mồ hoang vắng, đìu hiu: ông đã hết lên khi nghĩ đến ba trăm năm nữa chẳng còn ai khóc ông:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

(Độc Tiểu thanh ký)

Sau những trang phân tích sau đây, dựa vào văn thơ chữ Hán của Nguyễn-Du ta thấy ông được dựng nên bằng sự nhào nặn thuần nhất bởi những chất liệu dị thường: già, tóc bạc, bệnh hoạn, điêu tàn, giang gở, hốt hoảng, sao xuyên, bầu khoăn. Qua những mảnh vỡ ấy chất chứa trong thơ văn chữ Hán của ông, ta xây dựng lại được một Nguyễn-Du, mang một hình tượng kỳ quái, một hiện hữu gờ lả, một quái thai ghê sợ: nghĩa là nhìn vào Nguyễn-Du ta thấy đó là một cái gì giang gở, chưa xong, hay đúng hơn một cái gì chịu thua, bị tàn phá, bị tan rã, rã rời, hủy-diệt đi đã quá nửa. Cái ta nhìn thấy, chỉ là một phần nửa Nguyễn-Du: tất cả sự quái thai, ghê sợ rằng mình trong thân phận Nguyễn-Du là cái tình trạng quái thai, chưa xong, thiếu thủng ấy.

(còn tiếp hai kỳ)

G.S. THANH-LĂNG

ĐÊM THU

nguyên tác : MAXIME GORKY
người dịch : TẠ TRUNG-SƠN

Có một lần vào mùa thu tôi bất thần phải ở vào một tình thế thật khó chịu và bất tiện. Khi vừa tới một thành phố mà tôi không quen biết một ai cả, tôi thấy mình chẳng còn một xu nào trong túi và không có một chỗ nào để ngủ đêm.

Trong vài ngày đầu, sau khi phải bán mọi thứ quần áo của tôi, những thứ mà không có nó cũng chẳng sao, tôi lang thang từ thành phố tới một khu tên là Yste, nơi có những cầu tàu — một khu nhộn nhịp trong mùa hàng hải với cuộc sống nhộn nhịp vì chăm chỉ, nhưng giờ đây thật im lặng và quạnh hiu vì chúng ta đang ở vào những ngày cuối tháng mười.

Kéo lê chân trên cát ẩm và quyết chí tìm tôi với ước mong sẽ tìm được trong cát bất cứ một miếng đồ ăn nào, tôi một mình lang thang giữa những tòa nhà vắng vẻ và nghĩ thật là sung sướng khi có được một bữa ăn đầy đủ.

Trong cái trạng thái tinh thần hiện tại của tôi thì sự đói khát tinh thần sẽ được thỏa mãn nhanh chóng hơn sự đói khát của thể xác. Bạn thơ thân giữa những đường phố, bị bao vây bởi những tòa nhà mà ngồi trong không tẻ hai gì và — bạn có thể yên tâm để nói — phía bên trong chắc đồ đạc cũng không nghèo nàn lắm, chúng sẽ gây

đêm thu

cho bạn những ý tưởng hết sức phấn khởi và kiến trúc, vệ sinh và rất nhiều vấn đề trí thức và cao thượng khác. Bạn có thể gặp những người ăn vận rất ấm cúng và chải chuốt — tất cả đều lịch sự, quay đi không nhìn bạn một cách rất nghệ thuật, không muốn để ý tới sự hiện diện đáng thương của bạn. Phải, phải, tâm trí của một người đói luôn luôn được nuôi dưỡng đầy đủ và luôn luôn mạnh khỏe hơn tâm trí của một người no nê; và như vậy bạn đã ở cái thế mà bạn có thể có được một kết luận hết sức tế nhị có lợi cho những người thiếu ăn.

Đêm đã gần tới, mưa vẫn rơi, và gió bắc vẫn thổi mạnh mẽ. Nó gào thét trong những quán cóc và cửa hàng, thổi vào những làn cửa sổ bằng thạch cao của các quán rượu, đập nổi bọt những làn sóng nhỏ của giòng sông khiến nước bắn tung tóe trên bờ cát ném cao lên những đầu sóng bạc chạy đuổi nhau vào khoảng xa mờ một và hồi hả liếm lên vai nhau. Hình như giòng sông cảm thấy mùa đông đã gần kề nên phải chạy trốn thật xa sự kiêu toá của những tảng băng mà gió bắc có thể sẽ ném lên nó ngay trong đêm nay. Trời thì nặng và tối; những hạt mưa hầu như vô tình rơi xuống không ngừng và khúc bị ca trong thiên nhiên bao phủ quanh tôi như được vài cây dương liễu ồn ào, xấu xí và một con thuyền lật úp bị cột chặt vào giây thừng làm buồn thêm.

Chiếc thuyền bị lật úp với cái đáy cong và những cây gài bị gió lạnh bóc lột — mọi thứ quanh tôi đều bị tróc đoạt, cần cỏi, chết chóc và trời thì khóc thương bằng những giọt nước mắt sưng ướt..... Mọi thứ chung quanh đều thừa thãi và buồn nản..... hình như chúng đã chết hết bỏ lại mình tôi trong cõi sông, và chính tôi cũng đang có một cái chết lạnh lùng chờ đợi.

Hồi đó tôi mười tám tuổi — cái tuổi thật đẹp!

Tôi bước và bước trên cát ẩm lạnh, hăm rãnh đánh lộp cộp như điệu nhạc suy tôn cái lạnh và tối. Bỗng thành lình, trong khi đang kiểm xem có cái gì ẩn được sau một chiếc thùng rỗng, tôi nhận thấy ngay phía sau thùng, có rúm trên nền đất, một bông hình trong bộ áo đàn bà ướt lạnh dưới mưa dính sát vào đôi vai suôi. Tôi đứng lại ngang phía đằng tay đảo bởi cái — có đảo dưới một lam gì. Hình như có đang rỗng.

Tôi cúi xuống gần cổ ta và hỏi: «Tại sao có đảo vậy?»
Cổ ta khẽ kêu một tiếng rồi vội cúi mắt xem rỗng mờ đây khiếp như vậy — chăm chăm nhìn tôi với đôi mắt xám rỗng mờ đây khiếp đăm. Tôi nhận thấy ngay đây là một cổ gái bằng tuổi tôi có một

khuôn mặt vui tươi được trang điểm một cách khốn khổ bằng ba vết bầm tím lớn. Chúng đã làm hại khuôn mặt cô ta mặc dù chúng đã được sắp xếp một cách hết sức cân đối và có một kích thước tương tự nhau — hai vết dưới hai mắt và một vết lớn hơn một chút nằm ngay phía trên sống mũi. Sự cân đối này chắc chắn là một công trình của một nghệ sĩ đã được huấn luyện cẩn thận trong việc làm hại khuôn mặt con người.

Cô gái nhìn tôi và sự khiếp đảm trong đôi mắt dần dần mất đi.

... Cô vút nắm cát trong tay, kéo lại chiếc nón bông, cúi xuống và nói :

«Tôi đoán là anh cũng muốn kiếm chút gì để ăn phải không? Vậy thì đào đi! Tôi mới tay lăm rồi».

Cô hát đầu về hướng một chiếc quán và tiếp : «Chắc chắn ở đằng kia có bánh mì... có xúc xích nữa... Quán đó vẫn còn buôn bán mà».

Tôi bắt đầu đào. Cô gái, sau một lúc lưỡng lự và nhìn tôi, cũng ngồi xuống cạnh và đào giúp tôi.

Chúng tôi im lặng làm việc. Bảy giờ tôi không thể nói được là lúc đó tôi có nghĩ tới hình luật, luân lý, quyền tư hữu, và mọi vấn đề mà, theo ý của nhiều người có kinh nghiệm, mỗi người chúng ta phải nghĩ đến trong bất cứ lúc nào của cuộc đời hay không. Mong muốn được gần sự thực càng chóng càng hay, tôi phải thú nhận là hình như tôi đã mãi mê đào dưới chiếc thùng đến nỗi tôi đã hoàn toàn quên tất cả trừ một điều : có gì ở trong cái thùng này ?

Chiều tối xuống dần. Đám sương mù xám xịt, lạnh buốt càng ngày càng dày hơn quanh chúng tôi. Tiếng súng nổ lớn hơn, tiếng mưa đập vào thùng mạnh và dồn dập hơn. Đó đây người gác đêm đã bắt đầu khua mõ.

Cô gái khẽ hỏi tôi : «Nó có đầy không?». Tôi không hiểu cô ta định nói gì nên yên lặng.

«Tôi muốn hỏi là chiếc thùng này có đầy không? Nếu có chúng ta sẽ nhọc công vô ích khi muốn phá nó. Chúng ta đang đào một cái rãnh và cuối cùng chúng ta chẳng thấy gì ngoài những tấm gỗ chắc chắn. Làm sao chúng ta có thể gỡ chúng ra được? Tốt hơn là chúng ta phá ở khóa; khóa này là khóa chẳng mà».

Những ý kiến hay thường ít khi có trong đầu óc đàn bà, nhưng, như các bạn thấy, đôi khi nó cũng có. Tôi luôn luôn biết đánh giá những ý kiến hay, và luôn luôn cố gắng áp dụng chúng hết sức.

Khi tìm thấy ổ khoá, tôi đập mạnh và bẻ gãy hết. Cô bạn của tôi lập tức chui vào và uốn éo thân mình như một con rắn trong cái lỗ hồng bốn cạnh của chiếc thùng trong khi miệng vẫn cò võ tôi bằng cái giọng trầm trầm : « Anh thật khỏe như một viên gạch ! »

Ngày nay một lời khen tặng nhỏ nhoi của một người đàn bà đối với tôi còn thú vị hơn cả bài ngợi ca của một người đàn ông dù hẳn có hoạt bát hơn tất cả các nhà hùng biện từ cổ chí kim họp lại. Nhưng hồi đó tôi ít khả ái hơn bây giờ nên không đề ý tới lời khen tặng của cô bạn, tôi hỏi cô ta một cách hết sức lỗ mãng :

« Có gì trong đó không ? »

Với một giọng đều đều, cô bắt đầu tính những khám phá của chúng tôi :

« Một thùng chai — một khăn lông — một chiếc dù — một cái thùng sắt ».

Toàn những thứ không ăn được. Tôi cảm thấy mọi hy vọng đều tiêu tan... Nhưng bất thần cô ta kêu lên :

« Hà, hà ! Đây rồi ! »

« Cái gì vậy ? »

« Bánh mì... một ổ... hơi ướt một chút... cầm lấy này ! »

Một ổ bánh mì bay tới chân tôi và sau đó chính là cô gái, cô bạn can đảm của tôi. Tôi đã bẻ một miếng, nhét vào miệng và nhai...

« Lại đây, cho tôi một ít chứ !... Và chúng ta không thể ở lại đây được... Đi đâu bây giờ ? ». Cô nhìn tứ phía... Trời tối, ướt và đầy đe dọa.

« Nhìn kia ! Có một chiếc thuyền lật úp ở đằng kia... chúng ta tới đó đi »

« Ừ ! chúng ta tới đó. » Và chúng tôi vừa đi vừa thanh toán chiến lợi phẩm, bỏ từng miếng vào mồm... Mưa nặng hạt hơn giòng sông gào thét từ đầu vọng lại tiếng gào thét kéo dài — như là có một Đại nhân nào sợ không có ai gào thét xuống những nơi trần thế này và cũng với tiếng gào là cơn gió thu dữ dội và chúng tôi, phụng anh hùng của nó. Tiếng gào thét làm tim tôi đập mạnh, tuy vậy tôi vẫn tiếp tục ăn, và cô bạn đáng kính đi bên trái tôi cũng vẫn sống bước theo tôi.

Tôi hỏi cô — chẳng biết vì sao lại hỏi nữa : « Tên cô là gì ? »

Cô vừa nhai ồn ào vừa trả lời cộc lốc : « Natasha ».

Tôi nhìn cô ta. Tim tôi đau nhói; và rồi tôi nhìn vào đám sương mù trước mặt. Hình như khuôn mặt thù địch của Định Mệnh đã mỉm cười với tôi một cách bí ẩn và lạnh lẽo.

Mưa không ngừng đập xuống chiếc thuyền, tiếng mưa trầm trầm làm người ta có những ý nghĩ buồn, và gió rít lên khi đi lượn qua những vết nứt của đáy thuyền cong cong, nơi vài mảnh gỗ vụn đập vào nhau — một thứ âm thanh khắc khoải buồn nản. Những đợt sóng đập vào bờ tạo nên những âm thanh đều đều tuyệt vọng như muốn bày tỏ một điều hết sức buồn bã và nặng nề, bắt chúng phải chịu đựng đến ghê tởm tới độ, một điều mà chúng muốn tránh thoát nhưng vẫn bó buộc phải nói đến hoài. Tiếng mưa hòa lẫn với tiếng sóng, và một tiếng thở dài như trôi nổi trên con thuyền lật úp — tiếng thở than bất tận và nặng nề của trái đất, bị thương tổn và mệt mỏi vì những sự đổi thay của ngoại vật từ mùa hạ sáng sủa và ấm áp qua mùa thu lạnh giá, mùa mìt và âm thấp. Gió liên tiếp thổi qua bờ sông âm ỉ và giong sông nổi sóng — thổi và hát những bản nhạc buồn...

Chỗ ngồi của chúng tôi dưới chiếc thuyền trú hoàn toàn thiếu ấm cúng; hẹp và ẩm ướt; những hạt mưa nhỏ và lạnh nhỏ giọt qua chiếc đáy thuyền hư; những làn gió cũng đột nhập vào.

Chúng tôi ngồi yên lặng, run vì lạnh. Tôi nhớ là là tôi muốn nằm ngủ. Natasha dựa lưng vào nệm thuyền, quấn mình thành một trái banh nhỏ. Hai tay vòng ôm đôi chân, cằm dựa trên đầu gối, nàng nhìn chằm chú vào dòng sông với đôi mắt rộng mở; trên khuôn mặt xanh xao của nàng đôi mắt hình như rộng lớn vì những vết bầm tím trên đó. Nàng không động đậy, và sự bất động và yên lặng này — tôi cảm thấy — dần dần làm tôi sợ hãi cô bạn láng giềng. Tôi muốn nói chuyện với nàng nhưng không biết bắt đầu làm sao.

Chính nàng đã nói trước.

Nàng than thở một cách bình thản, mơ hồ bằng một giọng lên án rõ ràng: «Cuộc đời thật chó má!»

Nhưng đã không phải là một lời than vãn. Nhưng lời nàng nói quá thân nhiên. Cái tâm hồn mộc mạc này đã nghĩ theo sự hiểu biết của mình — nghĩ và đưa ra một kết luận nào đó mà nàng đã diễn tả công khai, cái kết luận mà tôi không thể cho là sai lầm vì sự mâu thuẫn với chính mình. Vì vậy tôi ngồi yên lặng, và nàng, hình như không đề ý đến tôi, đã tiếp tục ngồi bất động.

Natasha lại lên tiếng, lần này có vẻ êm đềm, có suy nghĩ, và vẫn không có một chút than vãn nào trong lời nói: «Ngay nếu chúng ta có cầu nhau đi nữa... rồi sao...?»

Thật là sự thương khi con người này, trong lúc suy nghĩ về cuộc đời, đã đi từ trường hợp riêng lẻ của mình tới một kết luận là, để giữ mình khỏi những trách móc của cuộc đời, nàng đã ở trong một hoàn cảnh không làm gì khác được ngoài việc «cầu nhau» — đúng như danh từ nàng đã dùng.

Sự rành mạch của những cảm nghĩ này đã mang đến cho tôi một mối đau buồn không thể diễn tả được, và tôi cảm thấy nếu tôi giữ yên lặng lâu hơn nữa tôi sẽ phát khóc lên. Và thật xấu hổ khi khóc trước mặt một người đàn bà, nhất là chính nàng lại không khóc. Tôi quyết định nói với nàng

Tôi hỏi: «Ai đánh em vậy?». Trong một lúc tôi đã không nghĩ được một câu hỏi nào có vẻ cảm động và tế nhị hơn.

Nàng trả lời bằng một giọng chán nản: «Pashka».

«Hắn là ai vậy?»

«Người yêu của em. Hắn là thợ làm bánh».

«Nó đánh em thường không?»

«Khi nào say thì nó đánh em. Thương lắm!»

Rồi bất ngờ, nàng quay về phía tôi và bắt đầu nói về nàng, về Pashka và chuyện của hai người. Hắn là một tên thợ làm bánh có bộ ria đồ và chơi măng cùn rất hay. Hắn tới thăm nàng và nàng rất bằng lòng hắn vì hắn là một thanh niên vui tính, ăn mặc chải chuốt. Hắn có một chiếc áo vét giá tới mười lăm rúp và một đôi giày mũi có thêu. Vì những lẽ trên nàng yêu hắn, và hắn trở thành «chủ nợ» của nàng. Và khi hắn đã trở thành chủ nợ của nàng, hắn đã lấy hết của nàng những tiền mà các bạn nàng cho nàng để ăn kẹo, và, khi uống rượu bằng số tiền này, hắn lại đánh nàng; nhưng việc này cũng không sao nếu hắn không theo «tán» những cô gái khác ngay trước mắt nàng.

«Anh coi, đó có phải là một lỗi nhục mà không? Em không xấu hơn những đứa kia. Dĩ nhiên, việc đó có nghĩa là nó trêu tức em, thẳng ti tiện. Ngày hôm kia em xin phép bà chủ đi ra ngoài một lát để tới nó, em thấy Dimka đang ngồi cạnh nó uống rượu. Và nó cũng say mềm rồi. Em mắng «Đồ đê tiện!» Và nó làm em phải trốn. Nó đá em và nắm tóc em mà kéo. Nhưng tất cả những việc đó không nghĩa lý gì với những việc xảy ra sau đó. Nó xé nát tất cả những gì em mặc trên người — rồi bỏ em đứng như tỉnh trạng bấy giờ! Làm sao em có thể về gặp bà chủ em được nữa? Nó xé nát tất cả. . . . áo trong và áo ngoài — toàn là những áo gần như hoàn toàn mới cả; em đã mua chúng mất năm rúp. . . . và xé cả

chiếc khăn trùm đầu của em.... Chúa ôi! Bây giờ em biết làm sao đây?» Nàng bất thành linh rên rỉ bằng cái giọng buồn thảm khó chịu.

Gió gào thét và trở nên lạnh lẽo, dữ dội hơn.... Hai hàm răng tôi lại bắt đầu nhảy lên nhảy xuống, và nàng, co rúm người lại để tránh rét, đã dựa thật sát vào tôi khiến tôi có thể nhìn thấy ánh mắt nàng trong bóng tối.

« Tất cả đàn ông các ông đều dễ tiện! Tôi sẽ bỏ vào lò thiêu hết; tôi sẽ cắt các anh ra từng mảnh. Nếu một người trong bọn các anh chết tôi sẽ nhờ vào mồm và không thương xót một chút nào cả. Đồ hèn hạ! Các anh dụ dỗ ngon ngọt, các anh ve vầy đuôi như những con chó chui gầm trạn, và chúng tôi điên rồ giao mình cho các anh, và thế là rồi đời chúng tôi! Lập tức các anh đây xéo chúng tôi dưới gót chân.... Đồ biếng nhác khốn nạn!»

Nàng nguyên rủa đi nguyên rủa lại đàn ông, nhưng tôi không nghe thấy cái hân học, ác độc hay ghét bỏ những «đồ biếng nhác khốn nạn» này trong lời nguyên rủa của nàng. Giọng nói của nàng không phù hợp với chuyện nàng nói, vì nó quá bình thản và cái âm thanh của giọng nàng thật quá tẻ nhạt.

Tuy vậy tất cả việc này đã làm tôi xúc động hơn là những cuốn sách và những bài diễn văn bi quan hùng hồn nhất những thứ mà tôi đã đọc rất nhiều và cho tới bây giờ tôi vẫn còn đọc. Việc đó, như các bạn thấy, đã xảy ra là vì cái khắc khoải của một người hấp hối thì tự nhiên và mãnh liệt hơn là những đoạn văn tả lại cái chết một cách tỉ mỉ nhất.

Tôi thực sự cảm thấy khổ sở — vì lạnh hơn là vì những lời nói cô bạn bên cạnh. Tôi khẽ rên rỉ và giữ chặt hai hàm răng.

Đúng lúc đó tôi thấy hai cánh tay nhỏ quấn lấy tôi — một ở cổ và một đặt trên mặt tôi — và một giọng nói lo lắng, dịu dàng và thân thiện hỏi tôi:

« Anh làm sao vậy?»

Tôi sẵn sàng tin là một người nào khác hỏi tôi chứ không phải Natasha, người vừa mới bảo là tất cả đàn ông đều dễ tiện và mong muốn bọn họ bị tiêu diệt hết. Nhưng chính là nàng hỏi tôi và nàng bắt đầu nói vội vàng:

« Anh làm sao vậy, hả? Anh lạnh à? Anh rét lắm à? Ồ! Cái anh này thật kỳ, ngồi yên lặng như một con cú nhỏ! Sao vậy, đáng lẽ anh phải bảo em là anh lạnh từ trước mới phải chứ. Xích lại đây.... nằm xuống đất.... ruỗi người ra và em sẽ nằm đây! Được không? Bây giờ vòng tay ôm quanh người em.... Ôm chặt vào

Được không? Anh sẽ thấy ấm áp ngay bây giờ.... Rồi lúc đó chúng ta sẽ nằm quay lưng vào nhau.... Đêm sẽ qua rất mau, cứ thử mà xem. Em đã nói mà.... anh có uống nhiều rượu quá không?... Đồi chỗ nghe không?... không sao hết mà»

Và nàng đổ dành tôi... Nàng khuyến khích tôi.

Thật tôi đáng bị nguyên rủa gấp ba lần mới phải! Cả một sự chua chát trong tình trạng hiện thời của tôi! Hãy tưởng tượng xem! Tôi đang ở đây, bị ràng buộc mạnh mẽ với cái định mệnh của tình nhân loại, lại nghĩ tới việc tổ chức lại hệ thống xã hội, việc cách mạng chính trị, đọc mọi thứ sách vô cùng trí thức mà cái nội dung sâu sa chắc chắn không thể xa hơn sự hiểu biết của các tác giả của chúng — ngay lúc này, tôi đang hết sức cố gắng để tự tạo mình thành « một lực lượng xã hội hoạt động mạnh mẽ ».

Hình như tôi đã một phần nào hoàn thành cái mục đích của tôi; dù sao, ngay lúc này, khi nghĩ về chính mình, tôi đã đi xa đến chỗ nhận thức rằng tôi có lý để hiện hữu, rằng tôi có sự lớn lao cần thiết để xứng đáng sống cái đời sống của tôi, và rằng tôi có đủ năng lực để thủ một vai trò lịch sử trong cuộc đời đó. Và một người đàn bà đang sưởi ấm tôi với thân thể của nàng, một sinh vật khốn khổ, đang bị hành hạ, săn đuổi, người không có một đơn vị, một giá trị gì trong cuộc sống, người mà tôi không bao giờ nghĩ tới việc giúp đỡ cho tới khi chính nàng đã giúp đỡ tôi, và người mà tôi không biết sẽ giúp đỡ làm sao dù tôi có ý muốn giúp đỡ nàng.

À! Tôi sẵn sàng nghĩ là mọi việc đã xảy ra cho tôi như trong một giấc mơ — trong một giấc mơ hãi hùng và nặng nề.

Nhưng tôi không thể nghĩ như vậy được, vì những hạt mưa lạnh đang nhỏ lên người tôi, người đàn bà đang ép sát vào thân tôi, đôi vú ấm áp của nàng đang đè vào mặt tôi, và — trừ một chút mùi rượu vốc-ka — nó thật dễ chịu. Gió gào thét, mưa đập mạnh lên chiếc thuyền, sóng bắn tung tóe, và hai chúng tôi ôm nhau co quắp mà vẫn run lạnh. Tất cả những cái đó đều quá thực, và tôi chắc là không một người nào lại có thể mơ một giấc mơ nặng nề và hãi hùng bằng sự thực đó.

Nhưng Natasha luôn mồm nói về chuyện này chuyện kia, nói một cách dịu dàng và thân thiện như chỉ có những người đàn bà mới nói được như vậy. Dưới ảnh hưởng của giọng nói và những lời dịu dàng của nàng, một ngọn lửa nhỏ đã nhen nhúm trong lòng tôi, và một sự thân mật đã thành hình trong tim tôi. Rồi những giọt nước mắt trào ra khỏi mắt tôi như một trận mưa rào, rửa hết những ác độc ra khỏi tim tôi, hết những ngu dốt, đau

khô và bàn thiêu đã ràng buộc tim tôi từ trước đêm nay. Natasha an ủi tôi:

«Thôi, thôi; đủ rồi! Đừng khóc nữa! Đủ rồi! Chúa sẽ cho anh một dịp may khác ... anh sẽ vùng lên và có được một cuộc sống xứng đáng với anh ... và mọi sự sẽ ổn thỏa»....

Và nàng hôn tôi....hôn tôi rất nhiều.... những chiếc hôn nồng cháy và tất cả không có nghĩa gì

Đây là những chiếc hôn đầu tiên của một người đàn bà tặng cho tôi, và đây cũng là những chiếc hôn nồng thắm nhất, vì tất cả những cái hôn về sau này của tôi đều quá dật và chẳng bù lại cho tôi được một chút gì

«Thôi, đừng khóc nữa, kỳ quá! Ngày mai em sẽ thu xếp dùm nếu anh không tìm được chỗ ở». Tiếng thì thầm dỗ dành của nàng vọng vào tai tôi như tới từ một giấc mộng

Chúng tôi nằm như vậy cho tới rạng đông.....

Và khi bình minh tới, chúng tôi rời chiếc thuyền và đi vào thành phố.... Rồi chúng tôi thân mật chia tay nhau và không bao giờ gặp lại nữa dù trong hơn nửa năm tôi đã đi tìm ở mọi xó xỉnh cái sinh vật Natasha này, người mà tôi đã cùng qua một đêm thu như tôi vừa mới kể lại.

Nếu nàng đã chết — và như vậy có lẽ tốt cho nàng hơn — mong nàng sẽ an nghỉ trong yên lành! Và nếu nàng còn sống... tôi cũng nói «An lành cho linh hồn nàng!» Và ước gì cái ý thức về sự vấp ngã của nàng không xâm nhập vào linh hồn nàng.... thật là một sự chịu đựng thừa thãi và vô ích nếu đời sống chỉ là sự bắt buộc phải sống. .

TA TRUNG-SƠN dịch

VỖ về

xin em đừng lần trốn
ra ngoài lòng thơ này
xin em đừng lần trốn
cuộc đời buồn hôm nay
tuổi sầu xin nán lại
màu hoang vu phận người
mi dài xin giữ lệ
cho riêng mình em thôi
thi ca nào đắm mắt
bàn chân nâng gót sầu ?
tình anh nào đắm mắt
yêu thương về trong nhau
hãy vui lòng ở lại
mùa xuân trôi với đời
anh trôi dần với lệ
cho em còn bên trời...
xin em đừng lần trốn
ra ngoài lòng thơ này
trái tim dù đã rụng
cho cuộc đời hôm nay
cánh buồn xin hãy đậu
muôn năm trên nụ cười
anh chìm trong tiếng nói
mơ người về ngọt môi
nào xin em ở lại
nào xin em gắng cười...

LUÂN-HOÁN
(Trôi sông)